

Chương 1

Trời đã vào khuya, Nguyễn Công Trứ ngồi đó với ngọn đèn và dòng châu phê còn tươi rói: Nay Khanh đã suy nhược nhiều lắm rồi, trẫm không muốn lấy việc binh cách mà tàn phiền kẻ lão thần. Đức Kim thượng đã hiểu ông; các quan ở Hà Tĩnh đã hiểu ông, thương ông... nhưng lại chẳng hiểu gì ông. Tang bồng là cái nợ, làm trai chi sợ áng công danh. Ông không còn trai trẻ nữa. Tuổi của ông, Đỗ Phủ còn chạy mặt (Đỗ Phủ có câu thơ: Nhân sinh thất thập cổ lai hy – Người sống 70 tuổi xưa nay hiếm), tử vi cũng phải loại ra hàng hai thập niên rồi chứ ít đâu. Song còn sống là ông còn nợ với núi sông. Quả là Trần ai, ai dễ biết ai.

- Khuya lắm rồi, tướng công vào nghỉ.

Người hầu thiếp trẻ khoác lên vai ông chiếc áo bông, đề phòng cảm lạnh.

Vẫn tư thế ngồi ấy, Nguyễn Công Trứ co tay lên cầm lấy bàn tay thon mềm của người vợ trẻ:

- Nàng cứ vào ngủ tiếp đi. Đêm nay, ta thấy khó ngủ quá.

Người hầu thiếp ôm chặt lấy ông, gục đầu lên vai ông, nói nhỏ:

- Thiếp sợ tiếng cú kêu đêm lắm. Không có tướng công bên cạnh, thiếp cũng chẳng tài nào ngủ được.

Nguyễn Công Trứ thở dài thật khẽ, đứng dậy cùng người hầu thiếp vào phòng nghỉ.

Nhanh thật ! Mới đó, mới đây mà đã gần mười năm hương lửa. Tân nhân dục vấn lang niên kỷ, Ngũ thập niên tiền nhị thập tam (Vợ mới hỏi chàng bao nhiêu tuổi – Năm mươi năm trước, tứ hăm ba). Gần mười năm ! Ghê thật ! Thời gian ấy cũng đủ biến biển xanh thành ruộng dâu, hướng gì tuổi trời. Cái tình, cái nghĩa so mà khó. Đã có nhiều người phụ nữ đến với ông, cho ông những đứa con và một lòng chung thủy cho tới ngày trở về với cát bụi. Nhưng cũng không ít người, ông sẵn sàng giúp họ sang thuyền khác. Với ông, chuyện tình cảm mà cố tìm cách trói buộc nhau chẳng ích lợi gì. Không thương, không yêu nhau, thì cũng đừng thù ghét nhau để khổ một đời. Cái tình là cái chi chi, Dẫu chi chi cũng chi chi với tình. Ông lại thở dài và mỉm cười trong đêm tối.

Người hầu thiếp nghiêng mình, ôm choàng lấy ông.

- Tướng công chưa ngủ sao ? Tướng công có bài thơ nào, đọc cho thiếp nghe với.

Nguyễn Công Trứ khẽ nhóm dậy. Người hầu thiếp hiểu ý, vội đẩy chiếc gối bông vào cho ông được ở tư thế nửa nằm nửa ngồi, dựa vào thành giường. Trong đêm tối, ông kéo nhẹ người hầu thiếp ngả vào lòng, e hèm lấy giọng:

Tao ở nhà tao, tao nhớ mi,

Nhớ mi nên phải bước chân đi.

Không đi mi nói rằng không đến,

Đến thì mi nói đến làm chi.

Làm chi ta đã làm chi được,

Làm được ta làm đã lắm khi.

Người hầu thiếp vùng vằng, nhõng nhẽo:

- Tướng công lại nhạo thiếp nữa rồi. Chuyện cũ mà !

Nguyễn Công Trứ cười thầm trong đêm, đưa bàn tay xoa nhẹ nhẹ trên mặt người hầu thiếp.

Thời gian tựa cánh chim bay. Mới ngày nào được Đức Khâm thượng thuận cho về hưu, ông ung dung đây đó với bầu rượu túi thơ và con bò vàng đủng đỉnh. Ông “che miệng thể gian” bằng bài thơ tứ tuyệt viết bằng vôi trên tấm mo cau:

Xuống ngựa lên xe lộ tưởng nhân,

Lợm mùi giáng chức với thăng quan.

Điền viên dạo chiếc xe bò cái,

Sấn tấm mo che miệng thể gian.

Đâu đâu, người ta cũng chỉ che miệng cười và chẳng một ai trách cái ngông của ngài Uy Viễn tướng công. Bởi từ lâu, ai ai cũng đều biết chí nguyện của ông: Nợ tang bồng trang trắng vỗ tay reo, Thanh thoi thơ thap rượu bầu. Nhưng sự thật ra sao chỉ mỗi mình ông biết, mỗi mình ông hay. Nàng hầu thiếp đang nằm trong vòng tay của ông đây là người mà ông quyết cưới cho bằng được. Vì, cô là người phụ nữ duy nhất làm tổn thương lòng tự ái của ông. Với ông, xướng ca cũng là một nghề như bao nghề khác mà ông luôn quý trọng. Trong một bữa ca trù, ông đã sửa hai câu thơ của Văn Thiên Tường không phải để làm vừa lòng người đẹp, mà là sự thật lòng của ông: Nhân sinh thể thượng vô nghệ, Lưu đắc đan tâm chiếu hãn thanh (Người đời ai chẳng có nghề, Cốt sao ghi được tấm lòng tốt lưu truyền trong sử sách). Thế mà, cô đào trẻ dám bốn cột ông, chẳng coi ông vào đâu. Dĩ nhiên, đưa đúng hai câu thơ của Văn Thiên Tường vào bài hát nói của ông sẽ hợp hơn, đúng hơn và không hổ thẹn với người đi trước. Nhưng ông muốn những người như cô hiểu rằng ông không xem cô là hạng “xướng ca vô loại”, chớ nào phải ông không biết, không hay. Và đây là châu hát, chớ có phải ghi vào sách vở lưu truyền cho đời sau đâu. Hay ông đã già quá chăng ? Bố chánh tỉnh Hà Tĩnh Hoàng Nho Nhã còn phải tặng ông câu đối: Sự nghiệp kinh nhân, thiên hạ hữu / Phong lưu đảo lão, thể gian vô (Sự nghiệp làm người ta sợ, thiên hạ có / Già còn phong lưu như vậy, thể gian không), hưởng gì cô. Trẻ người, non dạ ư ? Cũng có lẽ, nhưng cũng không thể vậy được. Sự bức tức đưa bước chân ông trở lại xóm ả đào với Bài ca ngất ngưỡng:

Vũ trụ nội mạc phi phận sự

Ông Hi Văn tài bộ đã vào lồng

Khi Thủ khoa, khi Tham tán, khi Tổng đốc Đông

Gồm thao lược đã nên tay ngất ngưỡng.

Lúc bình Tây cờ đại tướng

Có khi về Phủ Doãn Thừa Thiên

Đô môn giải tổ chi tiên

Đạc ngựa bò vàng đeo ngất ngưỡng

Kìa núi nọ phau phau mây trắng

Tây kiếm cung mà nên dạng từ bi

Gót tiên theo đủng đỉnh một đôi di

Bụt cũng nực cười ông ngất ngưỡng

Được mất dương dương người tái thượng

Khi chề phơi phơi ngọn đông phong
Khi ca, khi tửu, khi cắc, khi tùng
Không phạt, không tiên, không vương tục
Chẳng Trái, Nhạc cũng vào đường Hàn, Phú
Nghĩa vua tôi cho vẹn đạo sơ chung
Trong triều, ai ngất ngưỡng như ông !

Nhìn ra cái nhũ mày của cô đào trẻ khi lướt qua bài hát, nhưng ông giả vờ không thấy. Ông nghĩ, đây là lần đầu và cũng là lần cuối "tỏ tình" bằng cả cuộc đời mình. Và nếu thất bại cũng chẳng thể trách ai. Nhưng lúc giọng ca vàng của cô đào trẻ cất lên, ông đã nhếch môi cười thú vị.

Nghe tin ông cười hầu thiếp, không ai là không bàng hoàng.

... Trong trần thế duyên duyên nợ nợ

Duyên cũng đành mà nợ cũng đành

Xưa nay mấy kẻ đa tình

Lão Trần là một với mình là hai

Càng già càng dẻo càng dai.

Thế mà... Ông thờ dài, đỡ người hầu thiếp ngồi dậy.

- Đốt đèn lên, ta sẽ thay nàng viết mấy lời tự tình.

Hiểu tính tình của ông, người hầu thiếp không một lời than trách. Nàng thấp đèn, mài mực và lo nấu cho ông ấm trà.

Tiếng gà gáy sáng, thì cũng vừa lúc ông buông bút xuống, húp ngum trà đặc sánh, thơm lừng từ tay người vợ trẻ. Ông hiếng mắt nhìn người vợ trẻ đọc đi đọc lại bài ca trù chưa ráo mực, gật gù ra chiều thích thú. Ông lấy bàn tay khế gỗ nhíp lên bàn, và giọng người hầu thiếp cất lên:

Buồn sức nhớ đài trang cảnh cũ

Nhớ trượng phu trong dạ bàng hoàng

Mái Tây sơn sương tỏa mấy lần

Thân cái nhện không vò mà rối

Chín tại tơ hồng trêu quấy nổi

Há rằng dây đỏ ghét ghen chi

Chốn cô phòng năn nỉ với cầm thi

Đường viễn hoạn ngộ thấu tình chẳng nhẽ

Trong trần thế sầu lây mấy kẻ

Giòng Hà Đông thêm cảm cảnh cho ai

Xin cho trời đất lâu dài

Hồng nhan phải giống ở đời mãi ru ?

Thấu tình chẳng kẻ trượng phu ?

- Đúng là Uy Viễn tướng công ! – Người hầu thiếp đặt tờ giấy xuống bàn, ôm chầm lấy ông và siết một cái thật mạnh rồi... buông ra ngay.

Nguyễn Công Trứ lại thở dài, nhìn người hầu thiếp thoát ra khỏi phòng lo công việc cho ngày mới. Gần đây, nhiều lúc ông thấy có lỗi với nàng. Chính chút tự ái vặt cuối đời, ông đã trói buộc cuộc đời của nàng. Đã có lần ông đặt vấn đề cho nàng tự do bay nhảy. Nhưng nàng đã từ chối và giận hờn ông. Có chồng thì phải theo chồng; Chồng đi hang rần hang rỗng phải theo. Cái đạo lý ngàn đời ấy đã ăn sâu vào trong máu thịt của nàng, biết làm sao mà gỡ. Trước đây, ông rất tự hào về chuyện ong bướm, bướm ong. Chắc ông là người duy nhất trên đời này có câu liễn phóng vợ:

Nguyệt tử bất tu sầu, khang phụ thùy năng thiên tuế hạc

Diêm vương như hữu vấn, lão phu do phiến Ngũ hồ chu

(Chị Nguyệt chớ nên buồn, vợ tám cám mấy người nghìn tuổi thọ

Diêm vương như có hỏi, thuyền lão này đang mãi Ngũ hồ chơi)

Nhưng để được gì ? Thân phụ của ông tuy chỉ có mỗi một mình ông là con trai, nhưng lại đặt được chí nguyện của Người. Còn ông ? Trai gái đầy đây hàng ba chục đứa, mà nào có được gì đâu. Nhờ ảnh hưởng của ông và cũng nhờ vào những ngày ông chưa xuất chính, người con trưởng của ông (Nguyễn Hy Cát) mới được làm Cẩm y thị vệ hiệu úy tại Ty Thanh lại. Nguyễn Công Ngạc cũng chỉ đến Tú tài và đang làm hậu bổ ở Kinh. Những trai gái còn lại chẳng đâu vào đâu. Con đông làm gì, nếu chúng cứ cố sống để mà sống. Tội nghiệp ! Trót sinh ra thì phải có chi chi, Chẳng lẽ tiêu lương ba vạn sáu. Cái chí ấy, ông không truyền được cho con.

Người hầu thiếp trẻ bảo ông là kẻ ích kỷ, quả chẳng sai. Ông chỉ lo cho mỗi phần ông. Ông mãi lo lo "vẫy vùng cho hết đất" mà quên đi trách nhiệm làm cha. Nhìn lại bây con cháu bây giờ, ông chỉ thấy còn người con trai Nguyễn Công Huân và đứa cháu nội Nguyễn Công Trường (con của Tú tài Nguyễn Công Ngạc) là có thể nối được chí ông, nhưng... đã trễ lắm rồi. Quý thời gian không cho phép ông đào luyện một đứa trẻ nên người. Thôi, còn sống ngày nào, ông tìm cách phả chút hồn của mình vào cho con cháu, may ra chúng không làm xấu mặt tiền nhân.

Nguyễn Công Trứ thở dài buồn bã, khẽ ngâm:

Việc đời đã chắc chắn đâu,

Lỡm lờ con tạo một màu trời người.

Hóa nhi đa hí lộng,

Đúc chuốt ra rồi bắt bẻ làm sao.

Khéo gán phần những việc đâu đâu..

Chương 2

Kẻ thì cho tin lành. Người thì cho tin dữ. Giặc châu chấu đã dẹp xong ! Nguyễn Công Trứ ngồi trầm ngâm bên chén rượu, không biết nên vui hay nên buồn khi nhận những dòng tin ấy.

Chu Thần Cao Bá Quát bị tử trận dưới cờ Bình Dương, Bò Bản vô Nghiêu, Thuận / Mục Dã, Minh Điền hữu Vũ, Thang (Ở Bình Dương, Bò Bản không có vua Nghiêu, vua

Thuần (thì) ở Mục Dã, Minh Điền có Vũ Vương, Thành Thang nổi dậy lật đổ Kiệt, Trụ) trên mảnh đất Yên Sơn (Sơn Tây), kể ra cũng đáng buồn – cái buồn của chút tình riêng.

Hiện nay, triều đình cho truy bắt những người có liên quan đến đám nghịch tặc, thậm chí phải đốt cho kỳ hết những áng thơ, văn có dính dấp tới họ. Chết ! Kiểu này thì con cháu dòng họ Cao sẽ không còn, và cái làng Phú Thị hiền lành, lắm người tài hoa ấy cũng sẽ ngóc đầu không nổi ít ra cũng bốn năm thế hệ. Nguyễn Công Trứ lật lại đồng thơ, văn của những quan khách đã đến mừng ông, chia tay với ông nhân ngày ông được về hưu (1848). Nhìn nét chữ như rồng bay phượng múa với dòng lạc khoản: Lễ bộ hành tấu Cao Chu Thần kính bái, Nguyễn Công Trứ thấy bụi ngùi muốn khóc.

Ngày ấy, đơn xin về hưu của ông được nhà vua châu phê, ông làm bài thơ Thất thập tự thọ, và đã được thân bằng cố hữu, các quan trong triều, các quan lại có dịp đến kinh đều có đến mừng và họa. Nguyễn Công Trứ đọc lại bài xướng của mình:

Nhật đối nhi tào tự giải di, Kim ngô bất tự cố ngô thì.

Tùy cơ khỏi lỗi chiêu nhân tiếu, Trục ký niên hoa giới cổ hi.

Lão thực phát kham trang diện mục, Anh hoa an dụng nhiễm tu ti.

Tự tâm hào mạt hồn vô trạng, Tiểu sái Hồng Sơn hữu thị phi.

(Nhìn trẻ thường ngày tự mỉm môi, Nay ta khác hẳn lúc xuân thời.

Áo xiêm trò múa cười bao độ, Ngày tháng trôi đưa tới bảy mươi.

Đã biết mặt mày cần cổ thật, Cần chi sơn phấn điểm tô hoài.

Thẹn mình công trạng không may mảy, Phải, trái Hồng Sơn cũng nức cười).

Đọc lại bài xướng ngày nào thú thật ! Nguyễn Công Trứ nghĩ thế rồi ngâm lên lần nữa sau hớp rượu tê tê đầu lưỡi.

Nguyễn Công Trứ đưa mắt liếc khắp các bài họa của bạn bè và dừng lại bài họa theo nguyên vận của Cao Bá Quát:

Quần sơn Nam vọng độc chi di, Dao tướng tiên sinh vị lão thì.

Tự cổ anh hùng ngộ đa dị, Tức kim xỉ đức kiến chân hi.

Thường đa thế vị chung tu tửu, Cầm đoan sương hoa bất thượng ti.

Vấn đạo hồng phong dục hồi thủ, Khởi ưng Lục thập cửu niên phi.

(Non Nam nhìn tới mỉm đôi môi, Tướng nhớ tiên sinh lúc thiếu thời.

Những kẻ anh hùng riêng mỗi cảnh, Mấy ai xỉ đức được như Người.

Rượu nhờ tẩy sạch bao mùi tục, Râu cằm không màng những phần bôi.

Nghe nói Hồng phong nay trở gót, Lễ nào sáu chục chín năm sai !) Đúng là bậc tài hoa ! Chỉ mỗi câu kết bài thơ là nói được tất cả. Khen đấy mà cũng chê đấy. Đa thọ đa nhục cụ ời. Bảy mươi tuổi mới chịu về hưu thì làm sao khỏi có nhiều lầm lỗi. Tham quyền cố vị như cụ, thật chẳng mấy người. Hay ! Hay lắm lắm, Chu Thần ạ. Nhưng cái hay, cái giỏi ấy, Chu Thần đã đem dùng không đúng chỗ rồi. Nguyễn Công Trứ vừa rung đùi khẽ ngâm, vừa ứa nước mắt.

Qua bài xướng của ông, mỗi người họa lại đều gửi gắm một nỗi niềm cho ông. Bài họa chữ có, nôm có, song trong thâm tâm, Nguyễn Công Trứ vẫn thích bài họa của Chu Thần. Lúc này, nghĩ lại... tội nghiệp.

Tại sao ở đời vẫn còn lắm người tưởng hễ biết thơ văn là biết tất cả, kể cả việc kinh bang tế thế ? Sợ thật ! Từ thời Tiền Đường, Viên Mai từng đỗ tiến sĩ, từng lĩnh chức tri huyện và cũng đã từng nói: Mỗi phạn bất vong duy trúc bạch. Lập thân tối hạ thị văn chương (Mỗi bữa không quên ghi thẻ trúc. Lập thân thấp nhất ấy văn chương). Dĩ nhiên ở đời, không thiếu người thăng quan tiến chức, quyền nghiêng thiên hạ chỉ nhờ vào vài ba cuốn sách, dăm bảy bài thơ. Trịnh Khải vì thơ hay mà làm nên tể tướng. Và cũng chính ông ta tự mỉa mai: "Tôi mà làm được tể tướng thì cuộc đời này như thế nào rồi, không nói đã rõ". Thế mà... Nguyễn Công Trứ lại chép miệng thở dài. Khôi phục nhà Lê ư ? Thực ra, nhà Lê có còn gì đáng để khôi phục ? Ngay từ năm 1533, Nam triều được dựng lên. Nam triều là triều Lê, nhưng quyền bính thực sự đã nằm hết trong tay Nguyễn Kim. Tháng 5 năm Ất Tỵ (1545), Nguyễn Kim bị một hàng tướng của nhà Mạc – tức Bắc triều – là Dương Chấp Nhất, hạ độc chết. Từ đó, tất cả quyền bính của Nam triều lọt hết vào tay người con rể của Nguyễn Kim là Trịnh Kiểm. Vua Lê ngay từ thời ấy có khác gì con bù nhìn đầu. Thậm chí, những ngày cuối của triều Lê, thân sinh ông là Đức Ngạn Hầu vẫn trở về làng cũ sống với ruộng vườn cho đến hết đời, kia mà. Lê Duy Cự là cái gì mà Chu Thần phải theo để làm khổ cả dòng họ, cả xóm làng.

Nói cho công bằng, triều Nguyễn hiện giờ có gì không phải với Chu Thần ? Khoa thi năm Tân Mẹo, Minh Mệnh thứ mười hai (1831), trường Thăng Long lấy hai mươi cử nhân. Chu Thần đỗ nhì sau Giải nguyên Đào Huy Phúc, người xã Thượng Hiệp, huyện Đan Phượng. Nhưng sau đó, bộ Lễ xét lại và cho Chu Thần đỗ cuối bảng. Điều đó có thật, nhưng cuối bảng vẫn là cử nhân, vẫn được bổ dụng, chứ nào vứt bỏ ai đâu. Tam thập nhi lập, và anh ta mới hai mươi hai tuổi vẫn là trẻ, quá trẻ so với ông ngày nào.

Bước vào quan trường, Chu Thần đã là Hành tẩu bộ Lễ cũng như ông ngày ấy (Hành tẩu Sứ quán) chớ nào thua kém gì. Trong lúc đó ông đỗ Giải nguyên, chớ nào chỉ đỗ nhì rồi cho xuống cuối bảng như Chu Thần đâu. Và ông nhớ không lầm, chẳng bao lâu, Chu Thần được đặc cách thăng Lang trung, còn ông phải những... bốn năm. Hồ Hằng Tánh, người xã Phú Mỹ, huyện Diên Phước, đỗ Phó bảng khoa Giáp Thìn, Thiệu Trị thứ tư (1844) cũng làm quan tới chức Lang trung rồi về, chớ nào phải ai muốn làm gì thì làm. Dễ như làm ruộng, thế mà phải chịu một nắng hai sương, cày sâu cuốc bẫm, hạt đã xám lá gai và chỉ qua một đêm trời hại là không còn một hạt nấu cháo, hưởng gì tước lộc triều đình. Còn gì nữa nào ? Sợ khảo trường thi. Phải rồi. Chu Thần được cử làm sơ khảo trường thi Thừa Thiên, khoa Tân Sửu (1841). Rắc rối bắt đầu từ đây. Nguyễn Công Trứ tin lòng Chu Thần sáng tỏ như gương. Nhưng ai biết được ! Dám lấy muối đèn chữa văn cho hai mươi bốn quyển thi trong khoa này là quá lắm lắm. Nếu bảo, trí rộng giữ mình an, thì Chu Thần còn kém lắm. Lại gì những anh nôm hay mà chữ dốt. Với ông, đã thực tài, thì những chuyện vặt vãnh của trường qui cũng dễ đi qua. Học tài thi phận chỉ là cái cớ để an ủi cũng như mượn nhang đèn khấn vái chư thần.

Ngày ấy, sau khi bị phát giác, Chu Thần bị khép vào tội giảo giam hậu (thắt cổ chết nhưng hoãn thi hành, giam lại đợi lệnh). Song triều đình miễn tài văn chương của Chu Thần mà buộc đi dương trình hiệu lực ở Giang-lưu-ba (Gia-các-ta) đái công chuộc tội. Phúc bảy đời, còn đời gì nữa. Phái bộ đi Giang-lưu-ba ngày ấy, ai không biết danh Thánh Quát. Và ai nỡ lòng nào bắt Thánh Quát dâng trà, hầu rượu. Thậm chí, hai năm ngồi trong ngục, Thánh Quát vẫn được đem theo tiểu đồng lo miếng ăn, giấc ngủ kia mà. Trọng dụng đến mức ấy, chẳng lẽ chưa đủ sao ? Đặt điều này ra, không phải ông bệnh vực cho triều đình, song cái gì cũng phải có ranh giới nhất định, chớ không thể vì chút tình riêng mà muốn nói gì cứ nói để những người hiểu chuyện, hoặc ngày sau con cháu cười chê.

Cuối đời, ông muốn nông nhênh đôi chút để vui nỗi buồn thầm kín mà ngoài ông ra không còn ai hiểu được. Ai ơi, xin chớ có cười, Chỉ che lỗ miệng những người thế gian.

Nói thì nói thế, chớ ông sợ "miệng thế gian lắm". Trăm năm bia đá thì mòn, Ngàn năm bia miệng hãy còn trơ trơ. Sử sách không ghi, song lòng người nhớ mãi. Thú thật, ông đã biết sợ, mà nào có ai biết ngoài ông.

Giáo thụ phủ Quốc Oai nhỏ lắm sao ? Nguyễn Tường Phổ, người xã Cẩm Phô, huyện Diên Phước, đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Dần, Thiệu Trị thứ hai (1842) và là con của Binh bộ thượng thư Nguyễn Tường Vân, Phó tổng trấn Bắc thành chớ phải con nhà dân dã đâu, thế mà đến cuối đời cũng chỉ làm đến Giáo thụ phủ Điện Bàn.

Thôi, cứ cho rằng, vì dân vì nước, Chu Thần theo Lê Duy Cự chống lại triều đình, thì phải ngẫm lại Lê Duy Cự đã làm được gì cho dân cho nước ? Dựng lại mồ ma một triều đại không còn chút thực quyền những mấy đời, thì có nên chăng ? Nếu là tôi trung, là kẻ sĩ đứng trong trời đất, Chu Thần phải đem cái tài cái đức của mình ra phục vụ, hiến những kế sách hay làm cho dân giàu nước mạnh. Đằng này, ông chưa thấy Chu Thần hiến được một kế gì ngoài những áng văn thơ than trời trách đất, thương xót chung chung. Dân nghèo, dân đói ư ? Quan tham, quan nhũng ư ? Đã gọi là xã hội thì làm sao tránh khỏi những điều ấy. Và chính vì những điều ấy, có những điều ấy mới giúp kẻ sĩ thể hiện tài năng của mình, chớ ai cũng giàu, cũng sang, "bốn phương phẳng lặng, hai kinh vững vàng", thì kẻ sĩ làm gì ? Tọa thực, sơn băng. Thiên tai, dịch bệnh, triều đình cũng chỉ giúp ngạt chớ đâu thể giúp nghèo. Vua quan cũng có công việc của vua quan, chớ ai ngồi không mà thụ hưởng đâu ?

Dân nghèo, dân đói quả có thật, song đâu đã đến nỗi người ăn thịt người như sử sách Trung Hoa ghi chép. Chu Thần lẽ ra phải biết điều ấy hơn ai hết. Muốn trị quốc thì trước hết phải tề gia, muốn tề gia thì phải tu thân, muốn tu thân thì phải chính tâm, muốn chính tâm thì phải thành ý, muốn thành ý thì phải cách vật trí tri. Đó là cả một quá trình gian nan, khổ công tu học cả đời kia mà.

Khi nghe tin Chu Thần theo Lê Duy Cự làm giặc, Nguyễn Công Trứ giận lắm, muốn dâng sớ xin đi dẹp ngay, nhưng nghĩ lại thấy cũng chẳng cần. Tài của Chu Thần mà làm Quốc sư, thì chẳng mấy ngày sẽ bị quân triều đình đánh tã toi không còn manh giáp. Bởi ở chiến trường, không thể múa bút ngâm thơ. Chu Thần có thể là người thầy giỏi trong thời bình, chớ không thể là một nho tướng, một mưu thần ngồi trong trướng quyết định thắng bại ngoài chiến trận. Vả lại, Nguyễn Công Trứ cũng không muốn nhìn Thánh Quát bị đóng gông, hoặc chết trước mắt mình.

Nhà trống ba gian, một thầy, một cô, một chó cái Học trò dăm đứa, nửa người, nửa ngợm, nửa đười ươi Quan Tổng đốc Sơn Hưng Tuyên Nguyễn Bá Nghi có lần kể cho Nguyễn Công Trứ nghe câu đối dán nhà Thánh Quát khi làm Giao thụ phủ Quốc Oai. Ngày ấy, ông chỉ cười không nói. Theo ông, Chu Thần đã tự đánh mất mình từ đấy. Ngưu tầm ngưu, mã tầm mã. Nhưng thôi, chuyện đã rồi. Nghĩa tử, nghĩa tận. Thương chẳng là thương cho dân làng Phú Thị, thương những người vô tội chết oan. Nguyễn Công Trứ thờ dài, uống nốt chén rượu, đọc đi đọc lại bài thơ thất ngôn bát cú mà Chu Thần đã họa bài thơ ông làm khi về hưu. Tiếc thật ! Tiếc thật ! Nguyễn Công Trứ cuộn bài thơ bỏ vào ống cùng với những bài văn, bài thơ của bạn bè thay vì đốt bỏ theo lệnh của triều đình.

Tiếng muỗi cứ vo ve như trên người người khó ngủ. Nguyễn Công Trứ cứ thờ dài thườn thượt. Những việc có liên quan đến Cao Bá Quát cứ như lớn vồn trước mắt ông, trong tâm trí ông, cứ như mới ngày hôm qua, hôm kia. So với ông, Cao Bá Quát gặp may nhiều hơn gặp rủi. Khi Cao Bá Quát được vời vào Kinh, sung làm chức Hành tẩu bộ Lễ, ai ai cũng tấm tắc khen quan tỉnh Bắc Ninh tiến cử đúng người, khen phúc âm gia đình Chu Thần. Những tháng ngày ở kinh thành, nhờ bạn bè, Nguyễn Công Trứ mới có dịp biết đến bản mặt tấu ngày nào giúp Chu Thần qua cơn bĩ cực.

Tuy đã lâu và cũng chỉ đọc qua một lần, nhưng Nguyễn Công Trứ vẫn còn nhớ như in tấm lòng của kẻ sĩ đối với dân với nước:

"Sĩ phu trong đời tuy hiem nhưng không phải là không có.

Cây trầm, cây quế trong rừng dầu khó tìm, nhưng vẫn chưa là hết hẳn. Phàm người có chút học thức ai cũng chả mong có chút tước lộc của triều đình ? Kẻ cầm gươm lẫn lóc ở chiến trường, há chẳng phải vì chữ "Phong Hầu Bái Tướng" ? tên cuồng sĩ Cao Bá Quát tài học xét ra thật uẩn súc cao siêu, nhưng tính tình lại kiêu sa ngạo mạn. Triều đình chủ trương đào luyện nhân tài theo đường lối đạo đức của thánh hiền, không vì tiếc rẻ một nhân tài mà để giảm thanh danh của Khổng giáo. Sách có chữ: "Như hữu Chu công chi tài, chi mỹ, sử kiêu thả lận, kỳ dư bất túc quan đã dĩ" (Dù có tài giỏi như ông Chu công, mà còn giữ thói kiêu ngạo và biếng lận thì cái tài giỏi kia là thừa).

Như vậy, triều đình không trọng dụng tên Quát thật là chí công, chí lí thay.

Nhưng ít lâu nay, thần được biết tên Quát vì bất đắc chí thành ra phóng đảng giang hồ, thường nay đây mai đó, khi quán rượu, lúc bến đò, dùng văn chương châm biếm người đời, lấy kinh sách mỉa mai thế tục.

Hành vi của Quát xét ra có hại đến thanh danh của giới sĩ phu, mà cũng có thể làm cho dân chúng hiểu lầm là triều đình quá ư bạc đãi nhân tài, coi nho gia như phường tục tử.

Thần trộm nghĩ, sách có câu: "Quân tử cố cùng, tiểu nhân cùng tử lạn hĩ" (Người quân tử chịu được cảnh nghèo túng, còn kẻ tiểu nhân khi nghèo túng tất làm bậy). Xem như tên Quát gia đình bần bách, ba gian nhà cỏ không đủ che nắng mưa, vài thửa vườn rau cơ cực, bữa cơm bữa cháo. Trên mẹ già tuổi ngoại thất tuần, rầu rĩ mong chờ lắng tử. Dưới con nhỏ tối ngày gào khóc thương nhớ phụ thân. Than ôi ! Hữu tài mà chẳng được dùng, ai oán con người bạc phước. Vô hạnh sao không tu kỹ, cơ hàn trói buộc văn nhân.

Thần ngửa trông lượng trên ban cho tên Quát chút ơn vũ lộ, trước là cho hấn yên thân nuôi nấng mẹ già, sau để cho hấn ra vào cửa khuyết, sợ uy trời mà bỏ bớt tính ngông cuồng" (Unesco Vietnam, VIII, tháng 12-1964).

Chuyện đời chẳng ai tính trước ! Nguyễn Công Trứ lại thờ dài. Cái giá của kẻ không tự lượng sức mình lớn quá ! Nghĩ rằng Chu Thần không hiểu Kinh Dịch thì quá đáng, nhưng qua việc làm của ông ta thì rõ mười mươi. Nhưng chính Khổng tử trước khi trút hơi thở cuối cùng còn than tiếc với học trò: "Giá như ta được thêm ít năm nữa để học Dịch cho trọn vẹn thì không có điều sai lầm lớn", kia mà.

Gắt lại bài hịch mà Chu Thần viết cho Lê Duy Cự công bố với tướng sĩ của mình trước giờ khởi nghĩa, Nguyễn Công Trứ không hiểu, đúng là không thể hiểu được Chu Thần.

"Hỡi các tướng sĩ:

Người xưa có nói: "Thiên chi sinh vật, tất nhân kỳ tài nhi đốc yên, cổ tài giả bồi chi, khuynh giả phúc chi". Nghĩa là trời sinh muôn vật, hễ vật nào có tài lực thì vun đắp cho tốt lên, vật nào kém hèn nghiêng lệch thì làm cho đổ nát đi. Lại có câu: "Bất tri mệnh vô dĩ quân tử giả". Không biết mệnh trời không phải là quân tử.

Xét qua hai câu này thì phàm đã là kẻ thức giả tất phải biết cái lẽ "Thuận" và lẽ "Nghịch". Ở đời thuận hay nghịch đều do thiên mệnh, cho nên khi trời đã bày ra cảnh thuận, tức như vạch một con đường hay để người tài bồi vun đắp cho cảnh thuận mãi. Nhưng khi trời đã bày ra cảnh nghịch, khác nào gây sự hỗn loạn, nghiêng ngửa thì con người phải theo ý muốn của trời mà san phẳng nghịch cảnh. Do đó, ta có thể ngắm

cảnh tượng của tạo hóa mà biết được việc trước sau, xét việc của người mà đoán được lẽ biến hóa của trời đất vậy.

Nay thử lần giở trang sử nước nhà để tìm hiểu thế nào là cảnh thuận, thế nào là cảnh nghịch, ngõ hầu vạch một con đường chính nghĩa cho mọi người noi theo.

Kể từ khi họ Hồng Bàng lập quốc, dân ta đã có một hệ thống phong tục tập quán thuần mỹ, tình cha con, nghĩa vợ chồng được coi như căn bản của đạo lý. Trải qua đời Thực, đời Triệu, luân thường vẫn không bị xâm phạm mà còn vun trồng tươi tốt thêm. Như vậy có thể gọi là cảnh thuận. Đến khi đất nước biến chuyển, giang sơn bị lệ thuộc vào Trung Quốc, hệ thống luân lý cổ truyền bị làn sóng đô hộ biến thể nhưng vẫn chưa mất hẳn bản sắc, cho nên tới ngày nay, ở một vài nơi, ta còn thấy những tục lệ tốt đẹp của thời xưa. Kịp khi Ngô Vương Quyền đánh tan năm vạn quân Nam Hán ở sông Bạch Đằng phục hồi độc lập cho đất nước, thì dân ta mới lại được sống trong cảnh thuận tiếp diễn qua các triều Lê, Lý, Trần... Nhưng về vang hơn hết là vị anh hùng ở đất Lam Sơn đã nổi lên quét sạch giặc Minh mở một kỷ nguyên mới cho đất nước, tức như thay trời mà đem lại cảnh thuận cho dân tộc.

Xem như thế ta đã biết cảnh thuận và cảnh nghịch của lịch sử xen lẫn nhau, con người luôn luôn theo ý muốn của trời mà hành động, người và trời tương ứng, tương cảm với nhau, trong sự tạo nên vũ trụ vậy.

Giang sơn ta, cuối đời nhà Trần, như chiếc nhà mục nát chỉ rình đổ, họ Hồ lợi dụng thời cơ mưu việc thoán vị. Kế đến quân Minh mượn danh nghĩa phù Trần, giày xéo đất nước, tàn phá dân ta, bày ra những trạng thái vô cùng bi đát, thì tưởng trăm phần trăm ách nô lệ lại quàng vào cổ của hai mươi triệu dân Nam một lần nữa. Nhưng đáng mừng thay, Đức Lê hoàng ở Lam Sơn lấy nhân nghĩa mà trị được bạo tàn, vì nòi giống mà chịu đựng mười năm lao khổ, gây dựng được nền vương nghiệp tốt đẹp, đem lại cảnh “thuận” cho toàn dân suốt một trăm năm thanh bình thịnh vượng. Không ngờ họ Mạc làm phản, gây ra cảnh Nam, Bắc triều, chia thế lực với triều Lê ta, cam tâm cúi lườn Trung Quốc để tác oai ở miền Bắc. Rồi thì nghịch cảnh cứ tiếp diễn mãi, hết Trịnh, Mạc tranh giành nhau ảnh hưởng, lại đến Trịnh, Nguyễn chia giới hạn để cai trị, sự rối loạn càng nhiều, nhân dân đồ thán lưu vong đến cùng cực. Tuy nhiên đất đai này vốn của nhà Lê, công ơn của vị anh hùng Lam Sơn đối với quốc dân vẫn còn chói lọi như ánh sáng của vùng Thái dương, cho nên khi vua Tây Sơn kéo quân ra Bắc chỉ dám nói diệt Trịnh mà không dám xâm phạm đến một tấc đất của Lê triều. Ngờ đâu Nguyễn Phúc Ánh nhờ quân Pháp giúp sức đánh lại được Tây Sơn, không trả lại ngai vàng cho nhà Lê, lại tự lập làm vua, nói là nhà Lê không người thừa kế trực hệ.

Người xưa đã nói: “Phú dữ qui thị nhân thi, sở dục giả bất dĩ kỳ đạo đắc chi, bất sử dã”, nghĩa là “Phú quý thì ai cũng muốn, nhưng không lấy đạo mà được, thì không nhận”. Nguyễn Phúc Ánh đã làm việc trái với lẽ phải, không giữ trọn đạo thần tử đối với nhà Lê, lại có tội đem người Pháp sang nước ta để sau này gây nhiều chuyện rắc rối. Nghĩ lại ba trăm năm vương nghiệp triều Lê vô cùng rực rỡ, thì ta không khỏi căm thù dòng dõi của Nguyễn Kim đã đại dột để cho ngoại bang xen vào nội bộ của nước ta chỉ vì tham chiếc ngai vàng. Đến khi đắc chí, lại bày ra nhiều trò báo oán nhỏ nhen, nào là quật chết hai đứa con vô tội của vua Quang Trung, đào mả ba anh em vua Tây Sơn lấy thủ cấp làm đồ đi tiểu, tàn sát con cháu những cựu thần nhà Lê đã hợp tác với quân Tây Sơn để chống lại cuộc xâm lăng của nhà Mãn Thanh. Hơn thế nữa, Ánh lại giết hại những người đã cùng giúp mình làm nên nghiệp lớn như Nguyễn Văn Thành, Đặng Trần Thường... ưu đãi bọn Pháp-lan-tây, uốn lượn thần phục Trung Quốc là nước thù địch của ta, tóm lại Nguyễn Phúc Ánh đã có những hành động và tư tưởng phản bội lịch sử. Con là Minh Mạng lại dâm dật tàn ác hơn bố, giết chị dâu và cháu, san phẳng mộ của

Lê Văn Duyệt và Lê Chất là những công thần đã chết, lưu đầy thân thuộc của họ và tịch biên gia sản sung công. Kể từ khi Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi truyền đến con là Minh Mạng và cháu là Thiệu Trị, suốt thời gian bốn mươi lăm năm đế chế, dân tộc ta đã chịu bao nhiêu sưu cao, thuế nặng, ăn bữa tối lo bữa mai, lụt lội mùa màng trôi sạch, xóm làng, đường sá tiêu điều. Trong khi đó bọn tham quan ô lại ra sức bóp nặn lương dân, tụi giặc đói tha hồ đốt nhà cướp của. Than ôi ! Dân ta có tội tình gì mà trời đất gieo tai, rắc vạ như vậy ? So với thời thanh bình ở các triều Lê, dân ta dưới chính sách áp chế dã man của họ Nguyễn Phúc quả đã lâm vào tình trạng đảo huyền cơ cực.

Hỡi các tướng sĩ, Cái gì tốt đẹp thì vun đắp cho tươi tốt thêm lên, cái gì nghiêng ngửa thì làm cho đổ nát đi. Nhìn vào kiến trúc xã hội ngày nay, thì tất cả nền móng xã hội chính trị, cơ cấu kinh tế, trạng thái sinh hoạt đều nghiêng lệch, chỉ rình sụp đổ. Trời đất, quỷ thần đều oán giận bọn thống trị nên mới bày ra những thảm cảnh để trông thấy mà suy nghĩ về tương lai. Lúc này chúng ta phải theo ý trời mà hành động tiêu diệt cái triều đại đổ nát này và xây đắp một xã hội khác tốt đẹp và thịnh vượng hơn lên. Và lại lịch sử của họ Nguyễn Phúc đã chấm dứt từ khi Thiệu Trị thở hơi cuối cùng, tên hôn quân Tự Đức là dòng dõi người ngoài mượn họ Nguyễn Phúc để lên ngôi vua đó thôi. Hơn nữa, trong trời đất, mọi vật đều biến chuyển không ngừng, có cái gì là tồn tại vĩnh viễn đâu, chiếc ngai vàng kia cũng là của chung thiên hạ ai có đức thì được, có phải riêng gì một họ ? Ta dòng dõi của đức Lê Thái Tổ đau xót vì những cảnh khổ mà toàn dân đã chịu đựng ngót nửa thế kỷ nay, nhất quyết phát cờ khởi nghĩa, nên mài sẵn gươm thiêng, đúc thêm súng đạn giải phóng đất nước khỏi sự áp bức của bọn phong kiến sài lang, xây đắp một xã hội công bình và nhân đạo.

Quân ta đi đến đâu, một lá rau, một hạt thóc cũng không tơ hào của nhân dân, dè dặt từng giọt máu, từng viên đạn, tôn trọng từng luống rau, nắm cỏ. Kẻ nào giết người vô tội phải đền mạng, bứt một bông hoa phải thương tiền, giẫm nát cây lúa phải phạt tạ.

Hỡi các tướng sĩ, Tiếng trống khởi nghĩa đã bắt đầu rung lên trong canh đêm thu.

Lòng người đã thức tỉnh và vâng theo mệnh lệnh quỷ thần. Hãy trời dậy cả lên ! Ai có dáo vác dáo, ai có gậy vác gậy, tiêu diệt hết bọn quan lại tham ô, san phẳng hết những bất công của thời đại và cương quyết phục hồi đất nước cho triều Lê.

LÊ DUY CỰ" (Unesco Vietnam, đd) Nói người chẳng nghĩ đến ta. Ngay chữ nghĩa, ý tưởng trong lời hịch đã tự mâu thuẫn nhau rồi thì làm sao thuyết phục được ai. Không phải Chu Thần không biết, nhưng sự thật vẫn là sự thật, làm sao Chu Thần có thể đổi trắng thay đen. Thế mới biết, chữ nghĩa thánh hiền đôi lúc cũng có hạn. Và mọi chuyện nào có dễ dàng. Đã hiểu Kinh Dịch thì không ai làm vậy. Ngay thẳng, cương nghị và nhu hòa là ba đức tính cần thiết trong việc lãnh đạo quốc gia của đáng quân vương. Có ngay thẳng tức là có chí công vô tư mới thực hiện được vương đạo, mới điều hòa được Tam tài, mới đại diện được Vũ trụ để nắm vững những nguyên lý căn bản của thiên nhiên. Có ngay thẳng mới mong giải quyết công bằng hợp lý mọi việc trong xã hội khiến nhân quần có một cuộc sống trật tự, ấm no và hạnh phúc. Nhưng chỉ ngay thẳng thôi chưa đủ. Tiếp thế xử vật lại cần phải có khi cương khi nhu. Cương nhu là hai đức tính cần thiết của bất cứ ai, nhất là đáng quân vương. Cương đối với kẻ hèn kém. Nhu đối với người cao minh. Tùy nghi sử dụng cương nhu, có thể mới gọi là khôn khéo. Cái khôn khéo của đáng quân vương là vậy, chớ đâu phải vì mình mà đưa dân tới bờ vực thẳm. Ở đời, ai không muốn ăn sung mặc sướng, ai không muốn lên ngựa xuống xe, nhưng ai cũng có quyền ấy, ai cũng cầu được, ước thấy thì sẽ tai hại cho nhà cho nước. Đây là hậu quả của cái đạo tiểu nhân khác cái đạo quân tử mà Dịch Hệ hạ chủ trương khi giải thích tại sao Dương quái nhiều Âm, Âm quái lại nhiều Dương. "Dương nhất quân nhi nhị dân, quân tử chi đạo dã. Âm nhất quân nhi nhất dân, tiểu nhân chi đạo

dã" (Dương là một quân mà hai dân, đó là đạo của người quân tử. Âm một quân mà một dân, đó là đạo của kẻ tiểu nhân).

Nhưng chỉ có tam đức thôi cũng chưa đủ. Có tam đức rồi, đáng quân vương còn phải lo tới ngũ sự. Ngũ sự tức là dung mạo, lời nói, mắt trông, tai nghe, bụng nghĩ. Đây là năm việc cần thiết của đáng quân vương khi thể thiên hành đạo, mong theo được vương đạo, vương nghĩa, vương lộ.

Mắt trông, tai nghe để quan sát sự vật. Quan sát phải tường tận, không được cầu thả. Mắt trông, tai nghe rồi bụng nghĩ. Suy nghĩ chín chắn để giải quyết mọi vấn đề, không hề lằm lẩn, hư hỏng. Tin chắc ở ý nghĩ rồi mới phát biểu ra lời nói. Có thể mới gọi là "tam tứ nhi hậu hành". Lời nói phải là lời vàng lời ngọc, nghĩa là lời nói phải theo lẽ, phải rõ ràng chứ không được mơ hồ, mờ ám. Đáng quân vương há lại không biết "Một lời nói có thể hưng bang, một lời nói có thể táng quốc" đó sao? Cần trọng ở lời nói. Đứng đắn ở lời nói thì thái độ hẳn nghiêm chỉnh, dung mạo hẳn khiêm cung. Ai thấy cái dung mạo ấy, cái thái độ ấy mà chẳng kính quý, tin yêu.

Dùng đức trị dân, dân mới cảm mến mà tuân theo. Không tốn một giọt máu, không phí một giọt mồ hôi mà thiên hành hạ hiệu, bốn bề một nhà, quốc thái dân an, thế mới gọi là bậc thánh. "Kỳ duy thánh nhân hồ? Tri tiên toái tồn vong nhi bất thất kỳ chính giả, kỳ duy thánh nhân hồ?" (Duy chỉ có đáng thánh nhân như thế thôi sao? Biết tiên, biết lui, biết còn, biết mất mà chẳng để mất chánh đạo, phải chăng chỉ có đáng thánh nhân mà thôi?).

Càng nghĩ, Nguyễn Công Trứ càng giận, càng buồn, nhưng rốt lại chẳng còn biết giận ai, buồn ai. Chữ nghĩa thánh hiền đã có, song học rồi hành lại càng khó hơn. Nhưng nghĩ cho cùng sửa mình là trọng. Từ vua đến dân nếu không nội tính ngoại tu thì làm sao trở nên người đạo đức, sống trọn đời không rui ro, không tội vạ. Nếu con người không tích cực làm ăn thì làm sao trở nên giàu có; không từ bỏ dục vọng, trác táng thì làm sao có thể khỏe mạnh, bình yên, sống lâu được. Và nếu mọi người tự biết bổn phận, khôn khéo mưu sinh, tìm cách tiến thủ, thì chẳng những tránh được lục cực mà còn hưởng được ngũ phúc một cách chắc chắn và lâu dài. Đức Khổng tử cũng đã có dạy: "Tự nhiên tự dĩ chí ư thú nhân, nhất thí giai dĩ tu thân vi bản" (Từ đáng thiên tử cho đến kẻ thứ nhân, ai cũng đều phải lấy việc sửa mình làm gốc). Nhưng mà... Nguyễn Công Trứ lại thờ dài, quờ tay cầm chiếc quạt nan, phất qua phất lại dưới cặp chân, rồi đập đập mấy cái vào ống quyển như muốn xua tan những ẩn ức, buồn thương...

Mỗi thời mỗi khác, mỗi người mỗi khác, song trong cái riêng bao giờ cũng có cái chung. Nếu so sánh cùng mục đích, thì Ưc Trai có nhiều điểm đáng để đời sau học tập hơn Chu Thần. Là cháu ngoại của nhà Trần. Được nhà Trần nuôi ăn học từ tấm bé, cơm của nhà Trần nuốt chưa khỏi cuống họng, nhưng để đối phó với giặc Minh cướp nước, Ưc Trai không theo Giản Định để Trần Ngỗi và Trùng Quang để Trần Quý Khoáng mà theo phò hào trưởng Lê Lợi ở Lam Sơn. Khi thoát khỏi tay Trương Phụ, Nguyễn Trãi từng tâm sự với Trần Nguyên Hãn:

- Kể về thanh thế thì không chỉ có cuộc dấy binh của Giản Định, Trùng Quang mới gọi là lớn. Và không phải tôi không có ý theo phò. Ngặt vì khởi binh đánh giặc làm làm một việc lớn. Mà mưu việc lớn phải lấy nhân nghĩa làm gốc, nên công to phải lấy nhân nghĩa làm đầu. Duy nhân nghĩa gồm đủ thì công việc mới thành được. Lẽ ấy, tôi không tìm thấy trong các cuộc khởi binh đánh giặc mà tôi biết. Ngay hai vị vương họ Trần, dầu có danh tướng Đặng Tất, Nguyễn Cảnh Chân hết lòng giúp đỡ, đã có lúc lấy được Nghệ An, Thuận Hóa, nhưng thiếu chiến sách và nội bộ chưa gì đã mất đoàn kết. Khôi phục cơ nghiệp nhà Trần cũng được, nhưng ngày nay không còn ai xứng đáng với tiên triều. Lòng dân đã không còn mong thì sự nghiệp lớn sao thành?

Nhà Trần trị vì thiên hạ 175 năm. Vài năm cuối, Trần Thuận Tông (1378-1398) làm vua được chục năm thì bị cha vợ là Hồ Quý Ly sai người bức tử, rồi đến con trai là Trần Thiếu Đế lên ngôi được hai năm (1398-1400) bị ông ngoại (Hồ Quý Ly) cướp ngôi giáng làm Bảo Ninh Đại Vương, chứ chưa tai tiếng gì. Ngược lại nhà Lê, thì sau thời Hồng Đức đã hỏng. Lê Hiến Tông làm vua được bảy năm, Lê Túc Tông ngồi ngai vàng được sáu tháng. Lê Uy Mục, Lê Tương Dực, Lê Chiêu Tông, Lê Cung Hoàng... ai cũng bị giết sau khi ngồi ngôi vị chừng 5 – 6 năm. Năm 1527, Mạc Đăng Dung cướp ngôi và chia ra Nam triều (nhà Lê), Bắc triều (nhà Mạc). Nhưng nhà Lê nào được yên. Tháng 5 năm Ất Tỵ (1545), Nguyễn Kim bị một hàng tướng của nhà Mạc là Dương Chấp Nhất bỏ thuốc độc giết chết. Từ đó, tất cả quyền bính của Nam triều lọt hết vào tay con rể của Nguyễn Kim là Trịnh Kiểm. Cục diện vua Lê chúa Trịnh bắt đầu xuất hiện và xu hướng chung là vị trí của vua Lê đã lu mờ lại càng bị lu mờ hơn. Vị vua cuối đời là Lê Chiêu Thống cũng đã phải gửi nắm xương trẻ nơi xứ người. Và nhà Lê cũng đã truyền ngôi những 360 năm chứ ít ỏi gì nữa. Thực ra, chỉ có 11 vị vua đầu nối nhau trị vì 100 năm, tuy mạnh yếu không đều nhau, nhưng nhìn chung, đó là những vị vua của thời cường thịnh. Và từ vị vua thứ 12 (Lê Trang Tông) trở đi, quyền lực ngày càng bị thu hẹp và cuối cùng chỉ còn là danh nghĩa tượng trưng. Đã biết "trong trời đất, mọi vật đều biến chuyển không ngừng có cái gì là tồn tại vĩnh viễn đâu, chiếc ngai vàng kia cũng là của chung thiên hạ ai có đức thì được, có phải riêng gì một họ?", thì có gì phải "nhất quyết phát cờ khởi nghĩa" ?

Đã là kẻ sĩ thì phải biết nhìn trước ngó sau, phải cân đong nặng nhẹ để xem nơi nào ta có thể gửi được chí mình, chớ không thể nhất thời nghe vài ba câu đầu môi chót lưỡi để không chỉ hại mình mà còn hại cả tông tổ, xóm làng. Tài như Trương Lương, Hàn Tín, thế mà kẻ thức thời phải đi tu, người không thức thời bị rã thịt làm mắm, hưởng hồ gì...

Vô kể ưu thiên hoan tự tiểu Khu khu văn mặc quá hà vi (Thơ của Bùi Dương Lịch – Huấn đạo thời Cảnh Hưng, nhà Lê) Tạm dịch:

Cười mình không kể lo trời sập Bo bo sách vở được gì đâu.

Bên ngoài, gió vẫn rao rao thì thầm cùng cây cỏ. Nguyễn Công Trứ rung đùi ngâm ngợi mà lòng xốn xang.

Tiếng vạc lưng trời nhắc ông nhớ đến tuổi mình.

Nguyễn Công Trứ ngả người xuống trường kỷ, và lại vất tay lên trán ôn lại chuyện đời, dù ông có cố muốn quên đi.

- Tướng công suy nghĩ hoài chuyện ấy làm gì. Tướng công thường nói việc gì đến sẽ đến...

- Ta biết, nhưng nàng bảo làm sao ta có thể yên giấc được. Dân lành vốn vô tội.

Thấy Nguyễn Công Trứ rưng rưng nước mắt, người hầu thiếp vỗ về:

- Thiếp hiểu nỗi lòng tướng công – vừa nói, người vợ trẻ dịu ông nằm xuống, kéo tấm chăn đắp ngang người ông – Thôi, tướng công chợp mắt một chút cho khỏe. Chu Thần sẽ được người đời phong anh hùng đấy, không có sao đâu.

Tưởng đâu giải bày vậy, Nguyễn Công Trứ yên tâm dỗ giấc ngủ, ai ngờ ông lại ngồi bật dậy, nhìn người hầu thiếp trừng trừng.

- Thế nào là anh hùng ? Thế nào là không anh hùng ? Anh hùng phần mình, còn thân tộc, xóm làng chết dờ sống dờ, vậy có đáng anh hùng không ?

Người hầu thiếp lại đỡ ông nằm xuống, dỗ dành:

- Thiếp xin lỗi. Tướng công hãy cố quên mọi việc để thấy đầu óc thanh thoi hơn.
- Cũng có thể... Cũng có thể... – Nguyễn Công Trứ lăm bắm và níu tay người hầu thiếp lại – Nàng đọc Kiều của Nguyễn Tiên Điền cho ta nghe.

Người hầu thiếp sẽ sàng ngồi xuống bên ông, khẽ thưa:

- Thiếp nghe mọi người truyền miệng rồi nhập tâm ít câu, chớ có đọc được bài bản như đọc thơ tướng công đâu.
- Nàng cứ đọc đến đâu hay đến đó. Ta rất muốn nghe.

Người hầu thiếp lấy giọng đọc:

Rằng năm Gia Tĩnh triều Minh, Bốn phương phẳng lặng, hai kinh vững vàng.

Có nhà viên ngoại họ Vương, Gia tư nghĩ cũng thường thường bậc trung...

Với giọng bổng trầm của đào hát, người thiếp trẻ cứ nghĩ mình đang hát ru và lấy làm mừng khi thấy cặp mắt của ông lim dim. Tuổi già hạt lệ như sương, nên thấy ông ăn ngủ được là nàng mừng. Ông còn sống ngày nào, nàng bớt cô quạnh ngày đó... Thấy ông thờ ơ, nàng định đi lo công việc, thì ông kéo tay nàng lại.

- Nàng thấy chưa ? Thái bình là thế, ấy mà vẫn có những nỗi oan, vẫn có một Thúy Kiều mười lăm năm lưu lạc, vẫn có một Từ Hải “gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo”... Vậy Từ Hải là anh hùng hay phản loạn ? Triều Minh còn đáng tồn tại để chặn dân ?

Người hầu thiếp giật mình, té ra ông lim dim đôi mắt là nghe nàng đọc Kiều, chớ có ngủ ghê gì đâu. Nhíu mày suy nghĩ một hồi, nàng nói:

- Chuyện triều ca thiếp không dám bàn. Nhưng Từ Hải là anh hùng, ít ra cũng anh hùng với Thúy Kiều, với những người đã toàn tâm toàn ý theo phò ông ta suốt một thời ngang dọc.

Nguyễn Công Trứ trầm ngâm một lát, nói như muốn chỉ cho mỗi mình mình nghe.

- Cũng có lý... Cũng có lý... – Nguyễn Công Trứ nhìn người hầu thiếp rồi nhìn ra bên ngoài, lăm bắm – Sinh vi tướng, tử vi thần. Ta mong Chu Thần sẽ là phúc thần trong lòng mọi người chớ không phải là ác thần. Nhưng...

Nói đến đó, dường như Nguyễn Công Trứ đã trút được phần nào nỗi lòng của mình dành cho Chu Thần nên ông đã đi vào giấc ngủ dễ dàng.

Người hầu thiếp cũng thở dài thương cảm, nhẹ nhàng bước xuống bếp lo công việc của thường ngày.

Chương 3

Khí trời oi nồng, khó chịu. Vừa tắm xong đã lấm tấm mồ hôi. Nguyễn Công Trứ lấy tay vuốt mồ hôi đang rịn ra trên vòng ngực trai trẻ, rồi đứng dậy bước ra sân mong đón ngọn gió của trời đêm.

Trăng thượng tuần như vệt mây bạc treo lơ lửng trên nền trời sâu thẳm. Nguyễn Công Trứ ngả người trên chiếc võng tre mắc ở đầu hè, nhìn cây khế đứng thù lù như muốn tập trung tinh lực lắng nghe tiếng côn trùng rả rích.

Từ ngày thân phụ qua đời, Nguyễn Công Trứ thấy nhà trống vắng hơn và trách nhiệm làm người của ông cũng nặng nề hơn. Trăm đầu đồ đầu tằm. Cha mẹ chỉ có mỗi mình

ông, thì biết than với ai. Cái nông nghênh thành nét cũng từ chỗ "hũ mắm treo đầu giàn" này mà ra. Chiến tranh, loạn lạc và cái đói luôn rình rập mọi nhà, mọi người, nhưng ông vẫn được cơm no áo ấm, vẫn được học hành. Bây giờ nghĩ lại, ông mới thấy thương cha thương mẹ. Thì ra, cha ông có nỗi khổ tâm mà ông nào hay biết. Tiến vì quan, thối vì sự, cha ông được vậy là tốt là hay. Ý nghĩ ấy của ông đúng là nông cạn, trẻ con hết sức. Khi được làm chồng làm cha, đúng hơn khi được làm cha, Nguyễn Công Trứ mới biết cảnh nhà túng quẩn.

No thời ra bụi, đói ra ma,

Chẳng lạ nhân tình đất kẻ ta.

Khôn khéo chẳng qua thằng có cửa,

Yêu vì đâu đến đũa không nhà.

Ở đời mới biết cùng thời dễ,

Muôn sự cho hay nhin cũng qua.

Cơ tạo có đi thời có lại,

Vạch vôi lấy đó mãi ru mà.

Phụ thân ông khế vuốt râu, lắc đầu:

- Tổ hoạn nạn hành hồ hoạn nạn (Gặp cảnh hoạn nạn thì xử sự cho hợp cảnh hoạn nạn). Nhưng đối cho sạch, rách cho thơm. Đời người không mấy ai không trải qua những cơn hoạn nạn, và mỗi lần ta vượt qua là mỗi lần ta lớn khôn thêm. Đã là người, nhất là kẻ sĩ đừng để cái nghèo làm cho hèn người, đừng để cái giàu sang làm hỏng nhân cách. Thầy già rồi, nhưng anh chưa nên người là cái lỗi ở thầy, song lực bất tòng tâm.

Thân phụ ông nén tiếng thở dài, dõi nhìn vào cõi xa xăm nào đó, rồi nói tiếp:

- Kể ra, anh cũng đã đủ lông cánh, đủ sức bay nhảy với đời. Dòng họ nhà này chỉ còn trông cậy vào anh. Phúc hay họa do anh quyết định lấy.

Ông Nguyễn Công Tấn đưa tay vuốt chòm râu bạc, nhẹ bước ra ngoài, miệng ngâm khe khẽ:

Thử địa biệt Yên Đan,

Tráng sĩ phát xung quan.

Tích thời nhân dĩ một,

Kim nhật thủy do hàn.

(Đất này biệt chú Yên Đan,

Tóc anh tráng sĩ tức gan dựng đầu.

Người xưa nay đã đi đâu,

Lạnh lòng sông nước cơn sầu chưa tan)

Thơ Lạc Tân Vương – Tản Đà dịch

Nguyễn Công Trứ thấy thân phụ nói không mấy sai, nhưng đã mấy ai làm được gì giữa thời buổi loạn ly này. Nguyễn Công Trứ rất tin vào bản thân và không mấy nôn nóng trên đường hoạn lộ. Ông không thể bì với thân phụ, hai mươi tuổi đã đỗ đầu Hương cống, hết làm Giáo thụ phủ Anh Sơn, đến tri huyện Quỳnh Lôi, rồi Tri phủ Tiên Hưng

(Thái Bình), thăng Tham tán Sơn Nam. Cuộc đời của thân phụ ông những tưởng thẳng đường mà tiến bởi tài năng và đức độ. Nhưng cuộc đời đâu có đơn giản như bấm đốt ngón tay.

*

* *

Chúa Trịnh ngày càng quá quắt và nạn kiều binh càng làm cho dân tình thêm thống khổ. Vận nước đã đến hồi mạt rồi ư ? Buồn chỉ để buồn chớ làm được gì hơn, ngoài những đêm thức trắng thờ vãn than dài. Trai trung không thờ hai chúa, Gái chính chuyên không lấy hai chồng. Nguyễn Công Tấn gắng giữ đạo thần tử, thể hiện qua việc chặn dất dân lành, còn mọi việc tới đâu hay tới đó, chớ ở đời chẳng ai bẻ nạng chống trời.

Năm Bính Ngọ (1786), nhà Tây Sơn từ phương Nam tiến quân ra phủ Lê diệt Trịnh. Thực tâm, ông không mấy tin và đã lo sợ. Bởi quân nhà Tây Sơn đi tới đâu, quân tướng chúa Trịnh bỏ chạy tới đó. Mạnh ai nấy chạy, mong được thoát thân. Những tướng gọi là tài như Trịnh Tự Quyền, Đích Tích Nhượng... đều vớt cả thuyền bè, binh khí tháo chạy tán loạn, để chẳng mấy ngày quân Tây Sơn chiếm cả Thăng Long.

Chúa Trịnh Khải tự vận vì quân mình phản bội.

Đúng là vận nước đã hết !

Nhìn đứa con trai mới lên chín, Nguyễn Công Tấn muốn ứa nước mắt. Thương quá ! Rủi thời gặp phải bề gì... Nguyễn Công Tấn không dám nghĩ tiếp, phó mặc cho số mệnh.

*

* *

Tin Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ kết hôn với Công chúa Ngọc Hân rồi rút quân về lại phương Nam, Nguyễn Công Tấn chạy tịnh bảy ngày, đặt bàn hương án ra trước sân tạ ơn trời đất. Cơ đồ nhà Lê chắc từ đây rạn vỡ, không còn nạn phủ chúa chuyên quyền. Đúng là ông trời có mắt. Nhưng tốt nhất, chẳng nên trách ai. Có khi đó là cái nghiệp mà con cháu nhà Lê phải trả. Ông sung sướng ra mặt và thấy đời đáng yêu hơn.

"Tôi nghe ngày xưa đức Thái Tổ mở mang ra nước Nam Việt, công đức như trời. Tôi tuy ở xa khuất tại miền biển phương Nam, song cũng là đất của đức Thái Tổ khai thác. Tôi vì giận kẻ cường thần hiếp chế nhà vua, nên phải làm việc tôn phò. Nếu là đất của họ Trịnh, một tấc tôi cũng không để; còn đất của nhà Lê, thì một tấc tôi cũng không dám lấy. Tôi nghĩ rằng, nước ta đây mới dẹp yên, còn nhiều việc cần phải sửa sang, vì vậy tôi phải ra để giúp đỡ nhà vua. Sau khi bốn phương đã phẳng lặng, anh em tôi lại xin rút về nước. Bây giờ chỉ mong nhà vua chấn chỉnh giường mồi triều đình, cùng nước tôi đời kết nghĩa láng giềng, như thế là phúc cho cả hai nước vậy" (Hoàng Lê nhất thống chí, Nxb Văn học, H, 1987, trang 153).

Đã là "đất của đức Thái Tổ khai thác" mà đời "kết nghĩa láng giềng", nghe chẳng xuôi tai. Nhưng vậy cũng là chí tình rồi. Đây chính là hồng phúc của nhà Lê. Và Nguyễn Công Tấn được cử làm Tham tán ở Sơn Nam.

Niềm vui ở những người như Nguyễn Công Tấn chưa đọng được bao lâu, thì mọi việc lại trở về với bài bản cũ. Vua Lê Chiêu Thống bắt tài để cho các quan trong triều kết bè kết cánh. Họ buộc vua Lê Chiêu Thống rước Trịnh Bồng về phong làm An Đô vương. Và cung vua phủ chúa lại tiếp tục làm khổ nhân dân.

Điều Nguyễn Công Tấn suy đoán chẳng sai là bao. Vua Lê Chiêu Thống bí mật cho mời Nguyễn Hữu Chỉnh ra diệt Trịnh Bồng. Nhưng xong việc, Nguyễn Hữu Chỉnh quay lại chống Tây Sơn, muốn trở thành thứ nhà Trịnh thứ hai.

Đúng là loạn lạc !

"Ngồi trong trướng" Nguyễn Công Tấn âm thầm theo dõi thời cuộc và được biết, sở dĩ Nguyễn Hữu Chỉnh có hành động nghịch đạo như vậy chẳng qua tin vào lời xưa: "Hổ tự tây sơn xuất. Long tàng đông hải lai" (Hổ từ núi phía tây ra. Rồng từ biển đông đến). Chỉnh là người Đông Hải, anh em Nguyễn Huệ là người Tây Sơn, nên Chỉnh lấy làm đắc ý "tuân theo mệnh trời".

Nguyễn Hữu Chỉnh hí hửng chưa lâu, thì Tây Sơn đem quân bắc phạt. Tiết chế quận Nhậm (Vũ Văn Nhậm) tấn công như vũ bão, bắt giết cha con Nguyễn Hữu Chỉnh tại Mộc Sơn (Yên Thế – Hà Bắc). Vua Lê sợ quá, chạy về Hưng Hóa và trước đó đã sai nội thị Trường phái hầu Lê Quýnh bảo vệ Hoàng thái hậu, hoàng phi và "phủ ấn bảo quốc" lên Lạng Sơn. Thái hậu đem nguyên tờ sắc phong và bảo ấn theo đường trạm chạy sang Tàu tàu lên triều đình nhà Thanh.

Vua Càn Long (nhà Thanh) sai Tuần phủ sứ Tôn Sĩ Nghị dẫn hai mươi vạn quân thu phục Thăng Long, lập vua nổi ngôi. Vua Chiêu Thống được nhà Thanh phong làm An Nam Việt quốc vương. Nhà vua hạ chiếu kêu gọi mọi tầng lớp quan lại, dân chúng đứng lên diệt quân Tây Sơn.

Hưởng ứng chiếu Càn vương, Nguyễn Công Tấn được phong Đức Ngạn hầu. Ân tứ ấy lớn lắm. Nguyễn Công Tấn hi vọng lần này sẽ có dịp thể hiện rõ hơn đạo vua tôi để đền đáp ơn vua lộc nước. Nguyễn Công Tấn lo tích lương, luyện tập quân sĩ, sửa sang thành lũy phòng khi bất trắc. Thế rồi, tin tức hàng ngày đưa đến, Nguyễn Công Tấn càng lo, bởi toàn những tin chẳng tốt lành gì cho đại cuộc. Quân Tàu thì ngênh ngang cướp bóc, hãm hại dân lành. Vua tôi nhà Lê từ việc lớn tới việc nhỏ đều xin phép Tôn Sĩ Nghị. Nhục nhất, theo ông vẫn là việc những công văn, giấy tờ mà tất cả quan lại phải quỳ xuống tiếp chỉ đều được ghi niên hiệu Càn Long. Vua hèn đã đành, bởi đó là việc của vua, chứ những người như ông cũng hèn nữa sao ?

Nam quốc sơn hà nam đế cư, Tiệt nhiên định phận tại thiên thư (Nước Nam sẵn có vua rồi, Đã định rành rành ở sách trời). Từ xa xưa, Lý Thường Kiệt đã nói vậy rồi, hà có gì phải quỳ lạy, cúi đầu trước niên hiệu Càn Long ? Mà nói chi đâu xa. Mưu thần Nguyễn Trãi của Đức Cao hoàng Lê Lợi cũng đã dạy: "Nhớ Đại Việt ta từ trước, Thật là một nước văn hiến. Bờ cõi sông núi đã riêng, Phong tục Bắc, Nam cũng khác. Trải Triệu, Đinh, Lý, Trần nổi đời dựng nước, Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên đều chủ một phương. Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau, Mà hào kiệt không bao giờ thiếu".

Ông cha như thế, chẳng lẽ con cháu không học được mảy may ? Cơ đồ nhà Lê chắc kết thúc bởi kẻ cồng rắn cắn gà nhà, rước voi giày má tổ. Lịch sử bao đời đã chứng minh điều ấy. Và trong lòng Nguyễn Công Tấn dấy lên những nỗi niềm không biết tỏ cùng ai. Trung quân, ái quốc ngó thế mà có lúc không dễ gì vẹn cả đôi đường. Nguyễn Công Tấn nhớ lại trong Kinh Thi có chép rằng: "Vua Thành Thang khi khởi cuộc chinh phạt (chống vua Kiệt), trước hết chiếm đất Cát. Thiên hạ đều tin tưởng Ngài. Ngài đương chinh phục miền Đông thì đoàn rợ Di miền Tây phiên trách, tới chừng Ngài chinh phục miền Nam thì đoàn rợ Địch miền Bắc phiên trách. Họ trách rằng: Sao Ngài chẳng đến sớm nước ta. Dân chúng khắp thiên hạ mong chờ Ngài đến, như lúc trời hạn người ta không cho thấy mây và mống trời. Đến chừng Ngài kéo binh vào xứ họ, họ vẫn tự nhiên chẳng sợ sệt gì cả: Người đi chợ vẫn đi, người đương cày vẫn cày. Ngài giết những vị vua hôn bạo mà giải cứu cho nhân dân. Bá tánh đều mừng rỡ, dường như

được mưa tuôn phải lúc". Và ông sẽ làm gì, nếu những điều ông suy nghĩ trở thành sự thật ? Nguyễn Công Tấn cứ thờ vắn than dài khi chỉ có một mình trước ngọn đèn đêm. Ông biết quyết định vội vàng trong lúc này sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến nhân cách của đứa con trai mà vợ chồng ông đã đặt hết niềm tin vào nó.

Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ lên ngôi, lấy hiệu Quang Trung, tiến quân ra Bắc. Dân chúng đất Bắc nói chung, Thái Bình, Sơn Nam nói riêng hầu như nô nức đón chờ. Và Nguyễn Công Tấn càng thấm thía lời dạy của mưu thần Nguyễn Trãi: Lật thuyền mới thấy dân như nước. Rõ ràng là chuyện Cần vương mà lâu nay ông khuyến dụ chẳng qua người người quý ông mà vâng vâng dạ dạ, chứ thực ra lòng dân chẳng còn ai tin vào ông vua hèn, bầy tôi nhọc.

Mạch suy nghĩ của Nguyễn Công Tấn dường như chưa dứt, thì đại quân của người anh hùng áo vải Tây Sơn giành hết thắng lợi này tới thắng lợi khác. Mấy chục vạn quân Thanh, kể cả Tuần phủ sứ Tôn Sĩ Nghị bỏ cả ấn tín trốn chạy về Tàu. Những bậc hiền giả cao minh ông hằng kính trọng như La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp, Nguyễn Nễ, Bùi Dương Lịch, Ngô Thời Nhậm, Phan Huy Ích, v.v... sớm về với Tây Sơn. Ai cũng có cái lý cho riêng mình, nên ông chẳng trách buồn ai. Khi nghe bài chiếu Dụ cựu triều văn võ của Quang Trung: "Những người bị tù đều nhất loạt được tha. Những người trốn tránh đều không truy nã" thì Nguyễn Công Tấn cho rằng, đó là phép an dân, chẳng có gì cao minh cả. Quan trọng là thời gian. Hết trước sau như một mới là bậc quân tử, đúng là kẻ tham nhuần đạo thánh hiền. Thánh nhân đã dạy: Quân tử đạo giả tam: nhân giả bất ưu, trí giả bất hoặc, dũng giả bất cụt (Đạo quân tử có ba điều: có nhân tức chẳng lo rầu, có trí tức chẳng lầm lạc, có dũng tức chẳng sợ sệt). Ông sẽ coi. Sống ở thác về, chẳng có gì phải lo sợ. Cùng lắm, ông sẽ hành động như Đức Khổng tử, chống gậy hát ngêu ngao: Thái Sơn kỳ đồi hồ, lương mộc kỳ hoại hồ, triết nhân kỳ suy hồ (Ồi non Thái bạt ngàn, lương mộc nát tan, triết nhân suy tàn). Nhưng trong thâm tâm, ông muốn nước nhà ổn định để đứa con trai của ông có điều kiện giúp ích cho đời. Cái tài của cậu Cử nhà ông sớm lộ rõ. Song với ông, cái đức mới là quan trọng. Đức thắng tài vi quân tử. Tài thắng đức vi tiểu nhân. Và đó là bốn phận của ông, của người cha biết lo cho tương lai con cái.

Và Nguyễn Công Tấn đã dốc hết kinh nghiệm ở đời, lẫn chữ nghĩa cho con. Nguyễn Công Tấn cố quên nhà Lê, nhưng mùa đông năm Quý Sửu (tháng 10, Cảnh Thịnh thứ 1, 1793) được tin vua Chiêu Thống băng hà nơi đất khách, ông đã khóc. Có người cho ông biết, gia đồng của Phạm Như Tùng và Lê Huy Vượng có công khó nhọc với vua, nên được nhận làm con nuôi, đặt tên là Duy Khang. Trước giờ lâm chung, vua Chiêu Thống có di mệnh với các bề tôi và Duy Khang rằng: "Gặp khi vận nhà suy kém, không thể liều chết để giữ xã tắc, phải chạy sang đất người để khôi phục. Không ngờ lại bị người lừa dối để đến nỗi như thế này, không còn biết làm sao được. Ngày sau, các người trở về nước nhà được, nhất thiết phải mang nắm xương tàn của ta về chôn ở nước nhà để làm cho chí của ta được rõ".

Đúng là đức nhà Lê đã hết, và biết đến bao giờ, rồi ai là người thực hiện được cái chí nhỏ nhoi của vị vua cuối cùng triều Lê ? Ôi, chỉ chút đón hèn mà trở thành kiếp ăn nhờ ở đậu... Bệ hạ ơi... Nguyễn Công Tấn gục đầu xuống bàn, nén tiếng khóc mà nước mắt cứ đổ, đôi vai già cứ rung...

Nắm xương tàn về quê cha đất tổ là đúng rồi, bởi cáo chết ba năm còn quay đầu về núi hướng gì con người, nhưng "chí" gì được tổ ? Chẳng có chí gì cả, bệ hạ ơi ! Con không được trách cha. Bề tôi không được trách thiên tử. Nhưng... vua hèn thì tôi nhục. Cũng là cái chết, nhưng có cái chết mà không chết, còn bệ hạ thì đã chết trong lòng mọi người từ khi bỏ nước ra đi. Thần khóc chưa hẳn đã khóc cho bệ hạ mà khóc cho đức của nhà

Lê ta kiệt. Nếu cõi âm có thật, thần không biết bệ hạ, thậm chí cả hạ thần ăn nói làm sao với liệt tổ liệt tông...

Nguyễn Công Tấn mệt mỏi đứng dậy, từ từ đi lại bàn thờ đốt nắm nhang ra vái tứ phương.

*

* *

Gà đã gáy sang canh, Nguyễn Công Trứ giật mình mới hay mình đã khóc. Nguyễn Công Trứ tự trách mình quá vô tâm vô tình để khi hiểu được cha thì cha đã ra người thiên cổ. Ông vùng dậy, quay vào thư phòng, khêu ngọn đèn dầu lạc, vung bút một hơi, rồi ngâm lên sang sảng như bao lần đọc trước mặt cha:

Vũ trụ chức phận nội,

Đấng trượng phu một túi kinh luân.

Thượng vị đức, hạ vị dân,

Sắp hai chữ "quân, thân" mà gánh vác.

Có trung hiếu nên đứng trong trời đất,

Không công danh thời nát với cỏ cây.

Chí tang bồng hồ thỉ dạ nào khuây,

Phải hăm hờ ra tài kinh tế.

Người thế giả nợ đời là thế,

Của đồng lần thiên hạ tiêu chung.

Riêng nhau hai chữ anh hùng.

Khí phách lắm, hào hùng lắm và cũng... chừng chặc lắm lắm ! Nguyễn Công Trứ tưởng chừng như thân phụ đang mỉm cười, bằng lòng với chí định của con mình.

Bên ngoài, tiếng học bài của con, tiếng lợn trong chuồng đòi ăn và tiếng vo gạo của vợ... báo hiệu ngày mới đã về

Chương 4

Tròn nửa đời người, Nguyễn Công Trứ mới cảm nhận hết mùi cay đắng. Ngày đổ đầu xứ sau một kỳ sát hạch Tiến Ích (Ngày xưa, chừng một năm, các trường Đốc học ở tỉnh, Giáo thụ ở phủ, Huấn đạo ở huyện, đều có mở các kỳ khảo hạch khả năng các sĩ tử để xem việc học hành có tiến bộ hay không. Những kỳ khảo hạch này gọi là hạch Tiến Ích) cùng với các thí sinh hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, Nguyễn Công Trứ thấy trước mắt con đường tương lai rộng mở. Có lẽ, ông là ông đầu xứ thường hay lê la với đám hát cô đầu, với những sông tổ tôm, mạt chược. Thân phụ ông cũng có lúc la rầy, nhưng chừng nào tạt nấy. Con một có cái hư của con một, con bầy có cái hồng của con bầy. Và thân phụ của ông chỉ còn biết thờ dài. Hồng kỳ thi hương lần này do ông nhiều hơn là do số mệnh.

Ngày đổ đầu xứ, ông đi hát xướng những mấy ngày liền, thân phụ ông đã đe nẹt:

- Anh nhớ rằng đổ đầu xứ kỳ thi hạch Tiến Ích không là gì hết. So sánh chẳng có gì hay, nhưng nói cho anh biết, ngày bằng tuổi anh, thầy đã được quyền viết chữ sĩ có bộ nhơn

kèm theo rồi, và với dòng họ cũng nở mày nở mặt. Anh đã nên bề gia thất, thầy không muốn quở mắng anh nhiều. Mọi việc ở đời nên biết dừng lại đúng lúc, đúng nơi. Anh nghiệm lấy mà sống để khỏi xấu mặt với tiền nhân.

Thật là bỉ mặt với tổ tông. Nguyễn Công Trứ cột chặt cửa thư phòng không để cho vợ con quấy rầy. Ông thần thờ nhìn vòng khói nhang chập chờn hư ảo trên bàn thờ gia tiên. Ông cầu xin tiền nhân chứng giám cho lòng ông. Lúc này, ông mới thấy hết cái tài hay chữ, cái danh đầu xứ vùng Hoan Châu (Nghệ An – Hà Tĩnh) đã hại ông. Và hình ảnh thân phụ như hiện về trong ông với nụ cười hiền từ nhưng không kém phần nghiêm khắc. Ông khẽ nhếch môi cười, vì ông hiểu được nụ cười của thân phụ. Ai không vui khi trồng cây được hái quả ngọt lành. Ngay từ nhỏ, ông đã được cho là người sáng dạ và thân phụ ông thường cười bằng mắt trước những lời khen của những người quen biết. Theo mẫu thân kể lại, thì năm Giáp Thìn, Cảnh Hưng thứ 45 (1784), quân lính kiêu căng, kéo bè kết cánh kéo vào tận phủ chúa đòi ban thưởng và đập phá dinh thự Tán quận công Nguyễn Khản (anh ruột Nguyễn Du). Thân phụ ông buồn lắm, nhưng còn nhờ vào đứa con trai thông minh đĩnh ngộ nên khuây khỏa nỗi buồn. Với mẹ, thì cậu Củng thời nhỏ cái gì cũng nhất thiên hạ. Và... Nguyễn Công Trứ thờ dài, nhìn làn khói nhang khi mờ khi tỏ qua luồng ánh sáng dội vào vách phen tre đã tróc cút trâu.

Nhớ lại ngày ấy, hai cha con đi chơi, ngang qua cái cổng được xây ghép bằng đá xanh, thân phụ của ông chỉ vào, nói:

Đá xanh ghép cổng, hòn dưới chống hòn trên

Cậu bé Củng nhìn quanh và dừng lại mãi ngó lợp âm dương của ngôi nhà bên đường, nói ngay:

Ngói đồ lợp nghè, lợp sau đề lợp trước

Ông không ngờ câu đối bất chợt của đứa bé bảy tuổi đã làm cho thân phụ vui, quên vận nước đang hồi điên đảo. Rồi dường như cũng vào năm đó, thân phụ ông tiếp khách, lâu lâu lại kéo thuốc Lào, thả khói thơm lừng. Khách hỏi thân phụ ông đã dạy ông phép làm thơ chưa. Thân phụ ông cho rằng con còn nhỏ chưa đến lúc khai tâm. Bé Củng thấy cha về thuốc Lào vào điếu, vội đốt đóm hẩu. Việc này không ai buộc, nhưng cậu bé Củng thích tiếng kêu ro ro của nó và thích ngửi mùi thơm dễ chịu, nên tình nguyện và chưa một lần bị quở mắng. Thấy khói thuốc Lào quánh đặc từ miệng, từ mũi của thân phụ bay ra, cậu bé Củng ứng khẩu:

Nín hơi biển động ba từng sóng

Há miệng rồng bay chín khúc mây

Khách vỗ đùi khen hay. Thân phụ của ông tròn mắt nhìn. Như được động viên, cậu bé Củng sung sướng đọc tiếp:

Ba từng sóng dội vang trời bể

Năm sắc mây bay thấp thoáng trời

Khách xoa đầu cậu bé sáng dạ, tương lai phong vân đắc lộ, sự nghiệp kinh nhân và xin phép chủ nhà được phép khai tâm cho đứa bé. Và đó là người thầy đầu tiên của Nguyễn Công Trứ. Ngày theo song thân giả từ người thầy đức độ trở lại quê cha đất tổ ở làng Uy Viễn này, ông nào có biết gì. Ông cứ tưởng vì lo kiếm thầy giỏi để ông có điều kiện được học những điều hay điều tốt của thánh hiền nhằm lớn lên giúp nhà, giúp nước, chứ nào biết Đức Ngạn hầu muốn về quê ẩn dật giữ tròn chữ trung, bảo toàn danh tiết.

Trước ngày lên đường, cậu bé Củng đến tạ ơn người thầy đầu tiên câu đối:

Tuy tôn sư chi giáo trạch vô cùng, hà cảm xá cận nhi cầu viễn
 Nhi quốc gia chi học qui hữu định, tương sử tự hạ tiệm thăng cao
 (Tuy ơn giáo dục của tôn sư vô cùng, đâu dám bỏ nơi gần mà tìm nơi xa
 Nhưng phép học hành của quốc gia có định, nên phải từ chỗ thấp mà bước lên chỗ cao)
 Năm đó, tuổi của ông vừa tròn con giáp. Nguyễn Công Trứ nhớ lại và thảm cười một mình. Kể cũng lạ. Ngày ấy chẳng hiểu sao, ông nói toàn những giọng trỏ trời, nghịch ngợm, nhưng người lớn nghe được cứ cho rằng, đó là văn chương khẩu khí. Hồi mới học phép làm thơ, gặp lúc trời mưa giông, có người ném gánh củ cho trâu xuống đất, chạy vào núp mưa dưới mái hiên. Vừa tạnh hạt, người nọ vội chào chủ nhà rồi chạy ra xách gánh củ, bươn thẳng. Cậu bé Củng ứng những lời thầy dạy, tức cảnh đọc sang sảng:

Tạnh cơn phong vũ lò ngay mặt

Sắn gánh càn khôn ghé thẳng vai

Ai nấy đều tấm tắc khen hay và khí khái, làm cậu bé Củng xấu hổ không biết trốn vào đâu. Nếu ở nhà, chắc chắn cậu sẽ sà vào lòng mẹ.

Và nào chỉ vậy. Một lần khách đến thăm nhà, thân phụ cho người sai ông lên hầu trà. Khách thấy ông vội ngó người và khen lẩy khen đề. Khen thật chứ không phải là khen lẩy lòng. Bởi trước đây, người khách ấy không biết ông là con nhà ai cũng đã thốt lên: "Khả úy đoan đoan đích hậu sinh" (Kẻ hậu sinh này rất đáng sợ).

Sự thể chẳng là một hôm ở nhà thầy học, ông theo bạn bè về quê hương người trưởng thành chơi, giữa đường gặp đoàn xe ngựa, dù lộng rợp trời, ai nấy đều tránh dạt hai bên đường, riêng cậu bé Củng cứ như chôn chân tại chỗ, tròn mắt nhìn, vì mọi thứ đối với cậu đều lạ mắt quá.

Bị cho là vô lễ, cậu bé Củng bị lính bắt, vội khóc lóc hô hoán rầm trời. Các bạn bè, kể cả anh trưởng thành chẳng ai dám bước ra nói một lời van xin. Kiêu của vị quan lớn tới hồi đầu đuôi, và ra về đối:

Khách khoa bảng, khách văn chương, giữa quan khách, khách lại gặp khách

Bé Củng lấy tay áo chùi nước mắt, nhìn vào chiếc kiệu, đối ngay:

Ai anh hùng, ai hào kiệt, trong trần ai, ai dễ biết ai ?

Nhắc lại chuyện đó, thực tình Nguyễn Công Trứ không hiểu sao mọi người cứ cho ông là thần đồng. Chẳng lẽ hễ ai biết ứng đối nhanh, biết làm thơ hay là làm vương làm tướng được hết hay sao ? Tuy còn nhỏ, nhưng Nguyễn Công Trứ đã thấy đó là điều lạ.

Còn đang nghĩ vu vơ, thì thân phụ ông vuốt râu mỉm cười, sung sướng bảo:

- Cậu ấm (vì con quan) hãy tạ ơn quan bác và ứng khẩu kính quan bác bài thơ.

Ấm Củng đỏ mặt, lí nhí trong miệng xin khách ra đề. Khách cũng đưa tay vuốt chòm râu ra chiều sung sướng, dõi nhìn ra ngoài vườn rồi bảo bé Củng vịnh cây cau.

Ấm Củng nhìn hàng cau cao vút ngoài vườn, lấy ý, lựa vắn rồi xin phép, đọc liền một mạch:

Ơn chúa vun trồng kể xiết bao,

Càng ngày càng một rần lên cao.

Lưng đeo vai bạc sương vừa nhuốm,
 Đầu đội tàn xanh nắng chẳng vào.
 Buồng chất cháu con khôn xiết kể,
 Nhà nhiều quan khách dễ khuyên chào.
 Kinh thiên một cột đưa tay chống,
 Dấu gió lung lay cũng chẳng nao.

Nghe xong, khách cười khà, khen nức nở. Thân phụ của ông cũng lấy làm sung sướng. Nhưng thời của cậu ấm Cũng sớm đi qua. Mới mười bốn, mười lăm tuổi, Nguyễn Công Trứ đã được gia đình kiếm vợ những mong sớm có người nối dõi tông đường. Và cậu ấm cứ vẫn là cậu ấm chẳng nên thân chút nào. Những lời khen của người lớn, nhất là khi trở thành "ông đầu xứ", thì Nguyễn Công Trứ càng tự tin – tự tin đến độ quá quắt.

Ngưu tầm ngưu, mã tầm mã. Khi Nguyễn Công Trứ đỗ đầu xứ, Nguyễn Trùng Quang ở phủ Thạch Hà (Hà Tĩnh) nghe tiếng, ghé đến thăm và mời Nguyễn Công Trứ đến nhà chơi. Đúng hẹn, Nguyễn Công Trứ đến chỉ thấy ngoài cửa sổ đề câu đối:

Sinh nê nhi bất nhiễm
 Hữu xạ tự nhiên hương
 (Sinh nơi bùn mà không nhiễm
 Có chất xạ tự nhiên thơm)



Nhếch môi cười thầm trong bụng, Nguyễn Công Trứ ung dung bước vào chào chủ nhà và thấy trên bàn có sẵn giấy bút nên xin được đề mấy chữ. Nguyễn Công Trứ không đợi nhiều. Chủ nhà gạt đầu mời ông phóng bút ngay:

Cửa sấm dấm đầu mang trống lại
 Đất người đành phải vác chiêng đi

Tuy rút ra từ hai câu tục ngữ: "Đánh trống trước cửa nhà sấm" và "Vác chiêng đi đánh xứ người", nhưng ông đầu xứ Nguyễn Trùng Quang hiểu người khách trẻ muốn nói gì, vội vàng đứng dậy chấp tay vái Nguyễn Công Trứ và xin chịu làm em, mặc dù tuổi có lớn hơn.

Nguyễn Công Trứ từ chối. Nguyễn Trùng Quang viết bên dưới câu đối nôm của Nguyễn Công Trứ hai câu thơ chữ Hán:

Kinh nhân văn tự đề giai cú,
 Tuyệt thế anh tài kiến thiếu niên.
 (Văn tự kinh người đời, đề đôi giai cú,
 Anh tài tuyệt cõi thế, thấy kẻ thiếu niên)

Từ chối không được, Nguyễn Công Trứ bèn cúi đầu tạ lễ, rồi hai người cùng ngồi lại đàm đạo văn chương. Khi chia tay, Nguyễn Trùng Quang viết tặng riêng cho Nguyễn Công Trứ hai câu thơ nói lên lòng thành thật của mình:

Khắc chấn danh gia năng hữu tử
 Bất tài tiện đệ nhượng vi huynh
 (Nổi nghiệp danh gia sanh được con tài giỏi
 Bất tài tiện đệ nhượng vi huynh)

Kém tài, tiện đệ nhường bậc đàn anh)

Nguyễn Công Trứ sướng lắm và hai người thường hay qua lại, rủ nhau đi viếng chùa này, đi thăm cảnh nọ. Một hôm nghe Nguyễn Trùng Quang báo có vị sư trụ trì một chùa không xa lắm, chữ nghĩa cũng giỏi. Nguyễn Công Trứ chờ dịp thuận tiện đi viếng cảnh chùa.

Đi đường cũng mệt, gặp cảnh chùa vắng lặng, Nguyễn Công Trứ bước thẳng xuống bếp hi vọng gặp ai đó xin miếng nước. Không dè khi vào tới bếp, vị sư đứng bên trong lên tiếng:

Khách khứa quản chi ông bếp núc

À, chắc vị sư giỏi chữ đây rồi ! Nguyễn Công Trứ thấy lòng phấn khởi, quên cả sự mệt nhọc đường trường. Nguyễn Công Trứ bình tĩnh rót tô nước vối uống một hơi ngon lành rồi nhìn vị sư đang vẫn sắp lại mấy vại cà, đối ngay:

Trai chạy mà có vại cà sư

Vị sư đứng bật dậy tròn mắt nhìn người khách trẻ. Còn Nguyễn Công Trứ thì mỉm cười. Ở vùng Nghệ Tĩnh vại cà và bà vãi đều nói là vại, nên câu đối của ông vô tình lại khá thâm thúy.

Vị sư chấp tay lên ngực, ngược mặt nhìn trần nhà, nói:

Xin chứng minh cho, Nam Mô A Di Đà Phật

Nghe vậy càng làm cho hào khí của Nguyễn Công Trứ bốc lên, quên hẳn mọi thứ trên đời. Với Nguyễn Công Trứ lúc này phải rạch ròi hơn thua trên tài trí, chữ nghĩa thánh hiền. Nguyễn Công Trứ đưa tay sửa lại nồi nước vối trên bếp, tiếp lời:

Còn chiếu giám đó, Đông trù Tư mệnh tướng quân

Dù là kẻ tu hành không thích hơn thua, nhưng nghe người khách trẻ chế nhạo mình, vị trụ trì cũng khế nhủu mày. Bên mời phật, bên nhờ vua bếp ra mình chứng, quả thực là hay, là tài trí. Vị sư nói tiếp:

Độc ba mươi sáu quyển kinh, không thiên địa thánh thần nhưng khỏi tục

Nguyễn Công Trứ hiểu ý nhà sư, nhưng đã bước vào trường chữ nghĩa rồi, chẳng lẽ chịu thua ? Nguyễn Công Trứ đối ngay:

Hay tám vạn tư mặc kệ, không quân thần phụ tử dèch ra người

- Mô Phật ! Thí chủ đây có phải người đầu xứ của vùng Hoan Châu không ?

- Xin đừng trách bần tăng có mắt không trông. Mời thí chủ quá bước lại trai phòng đàm đạo. Bần tăng nghe danh đã lâu, nhưng bữa nay mới gặp mặt. Danh bất hư truyền. Hay lắm, hay lắm!

*

* *

Hồng kỳ thi hương lần này (1807) tuy không có nỗi buồn nào bằng, nhưng nghĩ lại, Nguyễn Công Trứ nghiệm ra bài học nhớ đời. Những năm gần đây, từ kẻ sĩ đến thường dân đều truyền miệng bản Truyện Kiều của Nguyễn Tiên Điền. Cái tài, cái hay của bản thơ nôm, Nguyễn Công Trứ đã thấy và lúc này ông có cảm giác như Nguyễn Tiên Điền nhắc nhở mình: Thiện căn ở tại lòng ta, Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài. Đúng là, biết khôn có sự đã rồi. Khổng tử đã dạy: Tam thập nhi lập. Thế mà, ông đã làm được gì đâu. Thân phụ ông cũng là Đức Ngạn hầu thật đấy, nhưng nào có gì ngoài cái nhà tranh ba

gian, một miếng vườn nho nhỏ và mấy chồng sách cũ. Ông rất quý, rất kính trọng cuộc sống đạm bạc của thân phụ trước hoàn cảnh nước nhà nghiêng ngửa. Mọi ước mơ của thân phụ, ông là người duy nhất phải gánh vác, chu toàn mà chưa có gì ra hồn. Nhìn vợ con khổ cực, Nguyễn Công Trứ ứa nước mắt, gắng gượng làm vui. Phải gắng vậy ! Phải gắng vậy ! Nguyễn Công Trứ thăm dạn lòng như thế và nhúng cây bút lông vào nghiêng mực.

Cảnh muộn đi về nghĩ cũng rầu,
 Trông gương mà thẹn với hàm râu.
 Có từng gian hiểm mình càng trí,
 Song lắm phong trần lụy cũng sâu.
 Năm ấy đã qua thời chẳng lại,
 Giống kia có muộn mới còn lâu.
 Khi vui diều cợt mà chơi vậy,
 Tuổi tác ngàn này đã chịu đâu.

Tận nhân lực tri thiên mệnh. Ông đã tận lực đâu. Vẫn thôi nào tạt nẩy. Mất bò mới lo làm chuồng. Phải gắng vậy ! Phải gắng vậy ! Nếu buông xuôi, thì ông chỉ là anh đồ gàn làm khổ vợ con và lúc chết xuống suối vàng đâu dám gặp mặt tổ tiên. Ở đời đâu phải ai cũng “tam thập nhi lập”, đâu thiếu người ngoài bốn mươi mới nên danh phận, chớ nào chỉ mình ông. Phải gắng thôi ! Phải gắng thôi !

downloadsachmienphi.com

Chương 5

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Cư tang mẹ chưa xong, Nguyễn Công Trứ đã được thăng Tham tán quân vụ Bắc thành, Hình bộ thị lang ở tào hình và tham gia dẹp giặc Phan Bá Vành. Với tuổi "tri thiên mệnh", nhiều người tưởng đã mỗi gối chồn chân, nhưng với Nguyễn Công Trứ vẫn thấy mình còn... trai chán. Đứng bên nấm mộ của mẹ cùng khói nhang trầm thoang thoảng, Nguyễn Công Trứ thấy lòng ảm đạm. Dù sao, ông cũng trả được cái hiếu với quê hương, tổ tiên, cha mẹ. Về đời sống vật chất cũng chưa phải là dư dả, nhưng về đời sống tinh thần vào những năm cuối đời, thân mẫu ông khá bằng lòng. Ai trồng lúa chẳng mong tới ngày gặt lúa và còn chi sung sướng hơn là ôm về nhà những bông lúa trĩu tay ? Mẹ ông đã ôm được những hạt vàng ấy vào lòng, khiến ông cũng thấy thanh thản. Tội nghiệp. Hơn hai mươi năm mất chồng, mười sáu năm nhìn thẳng con lận đận trên đường tìm kiếm công danh, cộng với cái nghèo cái khó của gia đình có thêm những miếng ăn, thêm những lo toan mới, thân mẫu ông đứng vững được với những con cháu quả là người đàn bà có nghị lực phi thường. Chính bản thân ông có lúc không còn tin vào mình: Việc đời đã chắc chắn đâu, Lỡm lờ con tạo một màu trên người. Nhưng rồi nghĩ tới tổ tiên, cha mẹ, vợ con, ông lại quyết vượt lên từ khó khăn, buồn chán để thử thách “con tạo xoay vần”.

Và ngày mong đợi đã đến !

*

* *

Tứ thập nhi bất hoặc (Được bốn mươi tuổi, tâm trí ta sáng suốt, hiểu rõ việc phải trái, đạt được sự lý chẳng còn nghi hoặc – Khổng tử). Nguyễn Công Trứ vững tin vào kỳ thi

đang cận kề. Kỳ thi này mà hồng tiếp là coi như hết đời. Và ông sẽ không biết ăn nói sao với tiền nhân khi già từ cuộc sống, còn trước mắt là mẹ già cùng vợ con. Cách đây mấy năm, vợ ông đã khóc khi đọc được câu đối của ông dán ở thư phòng:

Anh em ơi ! bầm sáu tuổi rồi, khắp đông tây nam bắc bốn phương trời, đâu cũng lừng danh công tử xác

Trời đất nhẽ, một phen này nữa, xếp cung kiếm cầm thư vào một gánh, làm cho nổi tiếng trường phu kên.

Tuy cuộc sống gia đình luôn gặp khó khăn, cơm ăn không đủ no, áo mặc không đủ ấm, nhưng vợ ông chưa bao giờ để ông lộ rõ cái nghèo, cái thiếu trước bạn bè. Chưa có khi nào cô ta trách hờn khi ông đi chơi đây đó những mấy ngày liền, kể cả những lúc cùng bạn bè đón cô đầu về nhà hát xướng thâu đêm. Nào có ai ngờ cháu gái của Hồng Trạch hầu về làm bạn đời với con trai một của Đức Ngạn hầu lại vất vả đến thế. Họ Nguyễn làng Uy Viễn của ông cũng thuộc hàng tộc to họ lớn, nhưng vẫn chưa sánh vào đâu với họ Đặng của Hồng Trạch hầu. Ông là cháu ngoại của ngài Cảnh Nhạc bá – họ Nguyễn ở Thượng Phúc (Hà Đông), nhưng cũng “mang tiếng” cháu ngoại họ Đặng của Hồng Trạch hầu, bởi trước đây, thân phụ của ông từng là rể của dòng họ Đặng. Nếu người mẹ trước không qua đời, thì thân phụ của ông sẽ không tục huyền với người con gái thứ hai của ngài Cảnh Nhạc bá và không có ông bây giờ. Và ông tơ bà nguyệt khéo xe, 14 tuổi, ông lại gả vào làm rể nhà họ Đặng.

Thấy vợ ông vất vả vì chồng con, nhiều người mượn cớ ru con, hát mĩa:

Ai ơi, chớ lấy học trò,

Dài lưng, tốn vải, ăn no lại nằm.

Mỗi lần nghe như vậy, vợ ông không khỏi buồn lòng. Ông biết, nhưng hơi đâu phiền miệng lưỡi thế gian. Một hôm đang ôm con nằm trên chiếc võng tre ở đầu hè, những lời lẽ ấy theo gió đưa lại, vợ ông cau mày ra chiều bức tức. Ông tủm tỉm cười, nhón chân đẩy chiếc võng, hát đáp lại:

Dài lưng đã có võng đào,

Tốn vải đã có áo bào vua ban.

Vợ ông nghe vậy liền hứ một tiếng và nguyền yêu chồng.

- Nói nghe phát ham ! – Vừa nói, cô vừa chuyền đưa con đang thiu thiu ngủ qua tay chồng.

Nguyễn Công Trứ nhìn dáng vợ đi với nụ cười tươi tắn. Ông biết trong lòng vợ mình đang rộn lên niềm vui mới. Công thành danh toại, áo mũ vua ban chưa cần biết tới, chỉ cần mấy lời đối đáp như vậy là đã thỏa lòng. Mặc dù, chữ nghĩa đâu đem nói tay đôi với đàn bà, nhưng cũng phải cho họ biết chồng ta bụng đầy chữ và ta chịu cực chịu khổ nuôi chồng ăn học không phải vì phước mỏng, phận hèn, mà vì cái nghĩa lớn ở đời. Gàn mực thì đen, gàn đèn thì rạng, đâu phải cô gái nào lớn lên cũng được đầu ấp tay gối với người bụng đầy chữ đâu. Dù cho ruộng cả ao liền, không bằng cái bút cái nghiên anh đồ...

Nguyễn Công Trứ cười thầm trong bụng, nhón chân đẩy tiếp chiếc võng đỡ con vào giấc ngủ. Ngẫm lại, ông thấy mình đã vướng vào thói tục của đàn bà. Ông đặt nhẹ con xuống võng, rồi đi vào phòng học lấy giấy bút đề ngay câu đối:

Mạc vị khốn hành phi ngọc nữ

Cảm tương bản tiện cố kiên nhân

Nghĩa là:

Vận khó trời còn trau chuốt ngọc

Lúc nghèo ta có lụy chiều ai

Dán câu đối lên, Nguyễn Công Trứ ngắm tới ngắm lui, đọc đi đọc lại, rồi cầm sách ra bờ tre ôn bài.

*

* *

Mấy ngày nay, Nguyễn Công Trứ biết vợ vất vả lắm. Vừa chạy ăn từng bữa, vừa lo kiếm tiền cho ông có quần áo, bút mực... để đến ngày hoàng đạo ông lên đường ứng thí.

Nhìn dáng hao gầy của vợ, Nguyễn Công Trứ cảm thấy xốn xang trong lòng. Ông đâm ra hối hận những giây phút vui chơi quá đà của mình. Ông lẳng lặng ra sau nhà rửa mặt, sửa lại áo quần rồi nhẹ nhàng quỳ xuống sau người mẹ già khi hương đèn bàn thờ gia tiên rực sáng.

Thương lắm ! Ơn cha nghĩa mẹ cao dày ! Nguyễn Công Trứ rưng rưng nước mắt khi nghe lời cầu khẩn của mẹ già trước linh vị tiên nhân:

(...) Kính nghĩ tiên linh ta,

Kiểm cần gây cơ nghiệp, trung hậu giữ gia thanh.

Qua cuộc biển dâu, dầm sương dãi gió,

Vững tay chèo lái, vượt thác băng ghềnh.

Đời càng vững cây bền gốc,

Ngày thêm thắm lá tươi cành.

Con cháu nhiều bề thành đạt,

Tổ tiên muôn thuở hiển vinh.

Nhân ngày trưởng nam lai kinh ứng thí,

Ngưỡng mộ tôn linh,

Dâng bày lễ nhỏ,

Ngưỡng vọng tổ tiên ban phúc ấm,

Độ trì con cháu, mã đáo thành công (...)

Nguyễn Công Trứ xì xụp lạy theo mẹ. Những lúc thế này, ông mới ý thức hết thế nào là "nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra". Dù có lớn tới đâu, có nên bề gia thất, nói chung có là... gì chẳng nữa, con vẫn nhỏ nhoi trước mẹ.

Mọi người trong nhà muốn ông được thư giãn tinh thần, nhưng nào có được gì. Lễ vật dọn xuống, ai cũng muốn dành hết cho ông, song ăn sao ngon miệng, khi thấy trong ánh mắt mẹ già, và ánh mắt những đứa con thơ như muốn nuốt chửng tất cả. Tội nghiệp ! Nhớ tới gương mặt xanh xao của vợ, ông không cầm được nước mắt. Ông vùng dậy mài mực, lấy giấy bút thay mặt vợ viết câu đối dán lên cột:

Nhờ trời phù hộ chồng tôi, miếng khoa giáp ăn xanh phượng sĩ tử

Ơn chúa yêu vì bố nó, nợ trần hoàn trang trắng mặt nam nhi.

Như giải bày được nỗi niềm thầm kín bấy lâu, Nguyễn Công Trứ thấy lòng nhẹ hơn và còn nhận ra rõ hơn trách nhiệm của người con, người chồng, người cha trong gia đình. Dẫu biết mỗi đời người đều có số phận riêng, nhưng ông tin và cũng không muốn bằng lòng với số phận. Ông muốn dùng tất cả nghị lực để vượt qua số phận đã an bài. Tận nhân lực tri thiên mệnh. Chưa làm việc gì hết sức mình mà trách trời than đất, thì có tội với trời đất. Trời đất nào có bỏ ai, chê ai ?

Nguyễn Công Trứ đang chìm đắm vào dòng suy nghĩ mới, thì người vợ đảm đang của ông đã đứng bên cạnh từ lúc nào và níu chặt cánh tay ông.

- Thầy nó hiểu được lòng em thế là đủ rồi. – Mặt vợ ông hồng lên và vui đầu vào ngực chồng, nói nhỏ: - Thiếp chúc chàng thượng lộ bình an, mã đáo thành công.

Trên căn trung, thân mẫu ông lại ra đứng lặng trước bài vị của chồng và tổ tiên nhà chồng. Ông biết mẹ đang gửi lòng thành vào làn khói nhang vòng vèo, những mong tổ tiên phù hộ cho thằng bé Củng của bà ứng thí kỳ này sẽ được bằng hỏ đề tên. Thực ra, bao năm qua, ông chưa bao giờ bị thân mẫu quở mắng, hoặc vợ than phiền về cái thú mê hát cô đầu của ông. Nhưng có nhiều đêm thấy mẹ van vái đất trời khiến ông có muốn đến với tiếng trống chầu, tiếng đờn kim réo rất cùng những cô đào đủ sắc thừa thanh cũng không thể nào cất bước nổi đôi chân ra khỏi bờ giậu. Những lời van vái của mẹ với đất trời không ai nghe rõ, nhưng với tấm lòng của người con, ông hiểu hết, nghe hết.

Giờ lên đường đã tới. Căn nhà trở nên yên ắng lạ thường. Nhìn lại thấy vợ con quần quýt, Nguyễn Công Trứ tự trấn an bằng tràng cười và lấy đôi bàn tay gõ lên bàn, bắt nhịp:

Cùng đạt có riêng chi mệnh số,

Hành tàng nào hẹn với văn chương.

Đường công danh sau trước cũng là thương,

Con tạo hóa phải rằng ghen ghét mãi.

Duyên ngư thủy còn dành cơ hội lại,

Quyết tang bằng cho phỉ chí trượng phu.

Trong trần ai, ai kém ai đâu ?

Tài bộ thể, khoa danh, ờ lại có.

Thơ rằng: “Độc thư thiên bất phụ

Hữu chí sự cánh thành”(1)

Giang san đành có cậy trong mình,

Mà vội mĩa anh hùng chi bấy nhẽ.

Đã sinh ra ở trong phù thế,

Nợ trần ai đành cũng tính cho xong.

Nhấn lời nói với non sông,

Giang san hầu để anh hùng mấy ai.

Thanh vân trông đó mà coi.

(1) Trời không phụ người đọc sách

Người có chí thì nên

Cả nhà đều cười vui vẻ. Nguyễn Công Trứ lần nữa lại lạy gia tiên, từ tạ mẹ già. Vợ ông đi theo ra khỏi bờ giậu, khoát tay nài lên vai chồng. Nguyễn Công Trứ cầm lấy tay vợ, bóp nhẹ, nói đủ hai người nghe:

- Tới giờ lên đường rồi. Mẹ con ở nhà mạnh khỏe, chăm sóc bà hộ tôi và chờ tin vui.

Miệng nói, chân xăm xăm bước đi, Nguyễn Công Trứ không dám quay đầu lại. Ông biết lần đi này, mọi người đều trông chờ vào ông. Rủi thời... Vâng, sẽ không còn con đường nào khác là lao vào cuộc hành lạc để chắt lấy ở đây những an ủi chua chát nhằm đắp vào thân xác muôn nỗi đớn hèn gây nên bởi cái tưng cái nhục. Đã ngoài tứ tuần rồi chứ còn trẻ đâu. Song Nguyễn Công Trứ vững tin ở bản thân. Mười hai năm qua, mười hai năm đói nghèo túng quẫn đã nung nấu ý chí vượt khó của ông. Nhớ lại trước khi ứng thí lần thứ nhất, ông rất lạc quan:

Chửa chán ru mà quấy nữa đây ?

Nợ nần dan díu mấy năm nay !

Mang danh tài sắc cho nên nợ,

Quen thói phong lưu hóa phải vay.

Quân tử lúc cùng thêm thẹn mặt,

Anh hùng khi gấp cũng khoanh tay.

Còn trời, còn đất, còn non nước,

Có lẽ ta đâu mãi thế này.



Nhưng cái tài nghệ sĩ không hợp với cửa Khổng sân Trình. Xưa nay, xuất xử thường hai lối, song có xuất mới mạnh miệng nói đến xử, chứ xuất không được, thì có nói hay đến đâu, đúng đến đâu cũng không ai nghe và không ít người sẽ cho là thứ đồ gàn. Trò đời là thế. Vai mang túi bạc lẻ kè, nói quấy nói quá, ai nghe cũng ừ. Đã không có lợi thì phải có danh, chứ lợi rằng không, danh lại chẳng có thì khó thuyết phục được ai. Những người thân quen của ông cho đó là trò đời phải thế. Vâng phải thế. Bởi đó là sự thách thức để con người vượt qua được chính mình, nếu không có cửa ải nghiệt ngã ấy thì cuộc đời đáng chán xiết bao.

Được ăn được nói, được gói được mở, không phải chỉ dựa vào ba câu thơ ngông nghênh mà xong. Ngạo mạn, khinh đời thì đời cũng trả lại cho ta cái giá không rẻ và cuối cùng đời ta gánh chịu, gia đình, dòng họ ta gánh chịu. Đời vẫn là đời, cuộc sống vẫn tuôn trào, bốn mùa hoa lá vẫn sinh sôi, chứ không vì mấy bài thơ ngông nghênh của chàng cuồng sĩ mà thay đổi.

Ra đi lần này, Nguyễn Công Trứ biết nhiệm vụ mình lớn lắm. Ngoài việc trả nghĩa cho quê hương, tổ tiên, chòm xóm, ông còn phải giúp vợ con tránh khỏi cái cảnh "Nợ hồi tít mù, co cẳng đạp thẳng bần ra cửa". Nhớ tới mẹ già, vợ con những năm qua mà ứa nước mắt:

Chiều ba mươi công nợ rồi canh thân, ước những mười năm dồn lại một

Sớm mừng một rượu chè tràn quý ty, trông cho ba bữa hóa ra mười.

Người dân quê ông, gia đình ông... đâu phải hạng lười nhác gì cho cam. Một nắng hai sương nào ai quản ngại, nhưng cái đói cái nghèo cứ bám dai như đĩa đói. Không lấy vợ sinh con thì bất hiếu. Nhiều con hơn nhiều của. Ai cũng khen nhà ông có phước. Con một cháu bầy. Ông không dám phủ nhận cái phần phước ấy, nhưng ông đã nhìn ra

được cái đói cái nghèo xuất phát từ nơi ấy. Đất đai muôn đời vẫn chừng đó, nhưng con người cứ mắc tính ưa sinh sôi nảy nở kiểu phước ẩm con một cháu bầy thì chẳng khác nào giành nhau sự đói nghèo. Nhưng biết làm sao được, một khi trời kêu ai nấy dạ. Nguyễn Công Trứ lại thờ dài. Nghĩ cho cùng, Cái hình hài đã chắc thiết chưa, Mà lẽo đẽo khóc sầu chi rửa mãi. Đã mang tiếng ở trong trời đất, Phải có danh gì với núi sông.

*

* *

Từ khi triều Nguyễn dựng đế nghiệp, cả huyện Nghi Xuân chưa có ai thành đạt trên đường khoa cử. Nổi tiếng như họ Nguyễn ở làng Tiên Điền dường như cũng không có ai văn hay chữ tốt ngoài Tổ Như tiên sinh. Cách đây mấy năm, Tổ Như được cử đi sang Tàu, nhân dân cả vùng Hoan Châu nói chung, huyện Nghi Xuân nói riêng cùng tưởng chừng như chính mình được đi sứ. Chính bản thân Nguyễn Công Trứ cũng vững tin mảnh đất sản sinh nhân tài và đã lấy làm hãnh diện là con dân của quê hương.

Khi được tin Nguyễn Công Trứ không những đỗ kỳ thi Hương mà còn đỗ đầu, ai nấy đều vui mừng, hào hứng. Bởi hai mươi năm thay mệnh trời dẫn dắt con dân, triều Nguyễn chỉ mới tổ chức được kỳ thi Hương chớ chưa có kỳ thi nào khác, nên đỗ được kỳ thi này là danh giá lắm, hưởng gì được đỗ đầu như ông. Sự học chẳng bao giờ phí cả. Và ông tin không bao lâu nữa, Hoàng triều sẽ tổ chức đầy đủ hơn các kỳ thi, bởi thánh nhân đã dạy: Nhân tài quốc gia chi yên khí, khoa mục sĩ tử chi thần đồ (Nhân tài là nguyên khí của nhà nước, mà khoa cử là con đường rộng mở của học trò). Đúng là chẳng có gì vui hơn đại đặng khoa. Bao khổ cực dồn nén theo tháng ngày bỗng dưng tiêu tán sạch, thay vào đó là niềm vui rộng mở không chỉ ở bản thân người đỗ đạt mà còn ở những người thân. Thậm chí, từ quan tri huyện cho đến những người dân quê suốt một đời lam lũ chưa hề biết Nguyễn Công Trứ là ai cũng rạng rỡ nét mặt. Quê mình có người đỗ giải nguyên đấy ! Vâng, địa linh sinh nhân kiệt mà. Thái bình rồi, hể không học thi thôi, còn đã học thì sớm muộn gì bằng hỏ cũng đề tên...

Đại loại những câu như vậy, Nguyễn Công Trứ nghe nhiều lần vẫn không thấy chán. Lúc này, ông mới thấy hết được giá trị của chữ nghĩa thánh hiền. Tổ Như tiên sinh người ở làng Tiên Điền và bản thân ông chưa nuôi ai bữa cơm nào, chưa giúp ai bữa khoai nào, vậy mà nhân dân cả làng cả huyện mừng vui. Quý lắm. Thương lắm. Càng nghĩ, Nguyễn Công Trứ càng thấy trách nhiệm mình với quê hương nặng hơn so với những gì ông đã nghĩ lâu nay.

- Thiếp còn mấy đồng, sáng mai chàng lấy đi vui chơi với bạn bè vài ngày.

Nguyễn Công Trứ trở mình, kéo vợ vào lòng. Tội nghiệp, chẳng biết chạy vạy thế nào, nợ nần tới đâu mà mấy ngày qua ông được sắm thêm giày thêm áo. Bà con đến chúc mừng lúc nào cũng có chè ngon, có cau trầu tèm sẵn. Đành rằng xấu lá xấu nem, nhưng thấy mẹ già và vợ con khổ quá ông chẳng an tâm. Trước đây, thực lòng, ông không để ý mấy, bởi cái buồn, cái chán vầy chặt lấy ông. Thói ngông nghênh của ông là thói ngông nghênh của anh nhà nho bất đắc chí đang cố vượt qua được chính mình.

Người ta ở trong phù thế,

Chữ vô cầu là chữ thiên nhiên.

Đem bẩm trời, trời cũng phải khuyên,

Khuyên khuyên chữ anh hùng yên sở ngộ.

Thơ rằng: "Tạo hóa có ghen chi mệnh số,

Giang san nào oán với văn chương".

Phận tài hoa đành có lúc về vang,
Đường khoa mục xa nhau đà mấy bước.
Sóng vỗ lớp sau như lớp trước,
Chí vầy vùng ai có kém ai đâu.
Thành thời thơ túi rượu bầu,
Trần ai ai biết công hầu là ai.
Bao giờ rõ mặt mới hay...

Khoác lác một chút. Huênh hoang một chút. Tất cả cũng chỉ để thỏa mãn chút tự ái vật chớ nào có ích lợi gì. Cha chết không bằng hết ăn. Cái vòng danh lợi quay tít mù khiến con người chẳng được yên. Nguyễn Công Trứ mỉm cười trong đêm, nói:

- Tôi vui lắm, thỏa mãn lắm rồi. Mẹ nó cứ giữ số tiền ấy rồi bàn với bà sắm mâm cơm tạ ơn tổ tiên, nội ngoại cho phải đạo.

Bà Minh đưa tay bịt miệng chồng.

- Thầy nó đừng lo. Hai bên nội ngoại cũng đã tính cả rồi, thậm chí dân làng Uy Viễn còn bàn việc giúp ta sửa lại căn nhà để xứng đáng với người đỗ đầu trường Nghệ, mở ra tia hy vọng cho con em họ sau này. Bà con họ nói, thầy nó khai mạch cho làng, nên làng phải có trách nhiệm.

Nghe vợ nói, Nguyễn Công Trứ ứa nước mắt. Thì ra, những người dân quê củ mĩ củ mì như thế họ lại rành mạch đâu ra đấy. Ai có công với làng với xóm, dù chỉ một chút tiếng thơm, họ đều ghi lòng tạc dạ. Đúng là thức đêm mới biết đêm dài, sống lâu mới biết lòng người ra sao. Hồi công chưa thành, danh chưa toại, ông cứ trách đời trách người mà có lúc... quên trách mình.

Thế thái nhân tình gớm chết thay,

Lạt nồng trông chiếc túi vui đầy.

Hễ không điều lợi, khôn thành đại,

Đã có đồng tiền, dở hóa hay.

Khôn khéo chẳng qua ba tác lưởi,

Hắn hoi không hết một bàn tay.

Suy ra cho kỹ chi hơn nữa,

Bạc quá vôi mà mỏng quá mây.

Nguyễn Công Trứ định nói vài lời với vợ thì gà đã gáy sang canh và bà Minh đã chìm sâu vào giấc ngủ. Ông nhẹ nhàng sửa lại cái đầu của vợ trên cánh tay của mình và nhìn vào màn đêm với nụ cười vui. Ông tin chắc mấy đêm qua và cả đêm nay, trong giấc mộng nếu có, bà Minh sẽ không có những giấc mộng dữ. Thực ra, cuộc đời cũng khá đơn giản nhưng con người tự tìm lấy cái rắc rối đó thôi. Khôn – đại, vui – buồn... ngó thế mà có khi cả một đời người vẫn chưa ngộ được. Chính ông đã có lúc phải than thầm:

Cảnh muộn đi về nghĩ cũng rầu,

Trông gương mà thẹn với hàm râu.

Có từng gian hiểm mình càng trí,

Song lắm phong trần lụy cũng sâu.

Năm ấy đã qua thời chẳng lại,

Lộc kia có muộn mới còn lâu.

Khi vui diều cợt mà chơi vậy,

Tuổi tác ngàn này đã chịu đâu !

Nói chung, buồn thì buồn, nhưng ông cố tự động viên mình. Giỏi như Khương Tử Nha mà phải quá tứ tuần mới thành đạt, hưởng gì là ông. Hơn nhau ở chỗ là cái trí và cái tài khi hữu sự. Ông không dám chê ai, nhưng ăn cơm vua hưởng lộc nước mà chẳng giúp được gì cho nước cho dân thì chẳng thà làm anh dân cày có ích hơn. Ông tin mình không phải hạng người như thế. Ông tâm nguyện, dù gặp phải hoàn cảnh nào cũng cố mà sống cho ra người để xứng đáng với tấm lòng tin yêu của những người dân quê ông và của người thân, ít ra cũng là tấm gương sáng cho con cháu noi theo.

Khi tiếng heo kêu ở đầu hè, Nguyễn Công Trứ mới thức giấc và biết vợ mình đã đi chợ từ lúc trời chưa rõ mặt người.

Giấc ngủ ngon thật !

Chương 6

Họp tới họp lui những mấy ngày mà kế hoạch quân cơ cũng chưa ổn. Nguyễn Công Trứ cứ yên lặng ngồi nghe. Vì đây là lần đầu tiên ông vừa làm Tham tán quân vụ, vừa làm Binh bộ thị lang, lại vừa coi sóc Tào Hình. Đi ra tướng võ, đi vào tướng văn rất hợp với chí nguyện của ông. Nhưng cái danh chỉ đủ để lừa người, quan trọng vẫn là cái thực. Phải hăm hở ra tài kinh tế. Hăm hở, ai cũng hăm hở cả, song tài cán ra sao phải thể hiện bằng công việc, không chỉ có những người hôm nay luận công, luận tội, mà cả đến thế hệ mai sau. Ông cha vô tội, quê hương vô tội, ấy mà làm không khéo để đời sau chê trách là đắc tội với quê hương, với tổ tiên. Nhớ lại sau khi thi rớt khóa thi đầu tiên của triều Nguyễn (khóa Đinh Mão, 1807), ông đã nuôi chí, và sáu năm sau, khóa thi hương năm Quý Dậu, 1813, ông đã đặt bút viết trước khi lều chõng lên đường:

Anh em ơi, băm sáu tuổi rồi, khắp đông tây nam bắc bốn phương trời, đâu cũng lừng danh công tử xác

Trời đất nhẽ, một phen này nữa, xếp cung kiếm cầm thư vào một gánh, làm cho nổi tiếng trượng phu kèn.

Khóa này tuy chỉ là át bạng (tú tài), song Nguyễn Công Trứ vẫn tự tin. Hơn mười năm đi qua, Nguyễn Công Trứ vẫn không mất niềm tin ấy. Khi còn là chức biên tu Quốc sử quán (Minh Mệnh thứ 2, 1821), ông đã chú ý cuộc khởi nghĩa của nông dân do Phan Bá Vành lãnh đạo. Có lẽ mới có khối. Với ông, đây là hệ quả tất yếu của một triều đại chưa mấy ổn định, cùng với việc quản lý một dải đất quá rộng so với các triều vua khác trong lịch sử nước nhà. Ông đã nhìn ra việc ấy lúc Gia Long thống nhất sơn hà, nên đã có suy nghĩ và đón xe vua khi vua Gia Long ra Bắc để chịu sự thụ phong của nhà Thanh (1803) để dâng “Thái bình thập sách”. Nội dung chưa được gọi là hoàn chỉnh lắm so với thực tế đất nước, nhưng về mặt cơ bản ông vẫn còn thấy dùng được.

Giữ lòng trung ái

Chăm đạo dẫu con

Mở mang học hành

Chuyên cần nghề nghiệp

Phát triển nông tang

Trừ bỏ dị đoan

Sửa đổi phong tục

Thanh thải tham tàn

Tiến cử tài đức

Giữ nghiêm luật lệ

Nông dân nghèo khổ theo Phan Bá Vành, và Phan Bá Vành làm loạn cũng chẳng qua quan không ra quan, dân chẳng ra dân. Một phần do thiên tai lụt lội, một phần do những người được gọi là "cha mẹ dân" thiếu trách nhiệm, khiến cuộc sống của họ ngày càng đi vào ngõ cụt. Nếu không có nạn đói năm Tân Sửu (1821), thì chưa chắc Phan Bá Vành đã tập hợp được đội quân đông đảo như vậy. Trên trời có ông sao Rùa, Ở làng Minh Giám có vua Ba Vành. Một anh nông dân của thôn Nguyệt Lãm, làng Minh Giám (huyện Vũ Tiên, trấn Nam Định) được nhân dân tôn sùng và trực chiến với quan quân triều đình những năm sáu năm nay không phải là chuyện đơn giản. Khi bàn tới việc này, nhiều người cho đó là đội quân ô hợp liêu minh, ông chỉ cười thảm. Hạ thấp địch đồng nghĩa với hạ thấp mình, và không xứng đáng ăn cơm vua hưởng lộc nước. Ông tin những người có quan tâm tới cuộc nổi loạn này, không ai không biết bài về được truyền tụng trong nhân gian:

Quân ngài khéo kiếm

Chọn những quân ròng

Xứ Bắc cũng lắm

Xứ Đông cũng nhiều

Không riêng ngoài trấn, trong triều

Cả từ mường mán cũng theo mà về.

Dĩ nhiên, ta không loại phần "tô vẽ" của những quân sư, nhưng không thể cho đó là đội quân ô hợp liêu minh. Đánh giá thấp anh nông dân Phan Bá Vành là tự giết mình. Ngay từ những ngày đầu, quân của Phan Bá Vành đã tiến đánh các huyện Tiên Minh và Nghi Dương, và triều đình đã tung ra cả một đội quân lớn, có thủy đội lấy ở Nghệ An, Thanh Hóa ra phối hợp còn chưa ăn thua gì, lại còn để y ta liên kết với Thủ ngự sứ (một chức quan võ nhỏ thời nhà Nguyễn) Vũ Đức Cát ở cửa Ba Lạt và Phan Bá Vành thu lượm hết chiến thắng này đến chiến thắng khác. Thế lực của Phan Bá Vành ngày càng lớn mạnh, mở rộng ra cả vùng Nam Định, Thái Bình đã cho thấy Phan Bá Vành không phải không có thực tài. Thống chế Trương Phúc Đăng, trấn thủ Sơn Nam Hạ Lê Mậu Cúc, danh tướng đất Bắc, phò mã của Hoàng triều còn phải chịu thua, đủ thấy việc dẹp loạn Phan Bá Vành không đơn giản như một số người nghĩ. Nhìn vào bản họa đồ, Nguyễn Công Trứ thấy đây là vùng đất bồi khá rộng, có khi đến cả ngàn mẫu. Khi nước triều lên, thì đây là biển nước mênh mông. Khi nước triều xuống, thì đây là bãi lau sậy bạt ngàn. Nơi ấy chắc chắn có những kênh rạch chằng chịt, thuận lợi cho những vạn chài di động và chính những kênh, rạch ấy nuôi sống đội quân của Bá Vành. Đất nước ông bà nào có bỏ bê ai. Xưa kia, Triệu Quang Phục cũng đã dựa vào đầm Dạ Trạch mà đánh quân xâm lược những mấy năm liền, khiến cho bọn giặc ăn không ngon ngủ không yên, chớ nào phải chuyện giỡn chơi. Danh tướng Lê Mậu Cúc chết, thống chế Trương Phúc Đăng bị vua Minh Mệnh giáng bốn cấp, lột áo mũ, không cho lính hầu, đến nỗi xấu hổ

quá, thừa lúc đêm vắng nhảy xuống hồ tự vận, cho thấy việc muốn thắng Phan Bá Vành không chỉ có binh hùng tướng mạnh là đủ. Và nếu có thắng bằng binh hùng tướng mạnh thì quân sĩ đôi bên ắt phải thiệt hại nhiều, mà họ có tội tình chi.

Đảo mắt nhìn khắp những người có mặt, từ quan Hiệp Tổng trấn Bắc thành Nguyễn Hữu Thận, đến Thống quản Phạm Văn Lý, Binh tào Thân Văn Duy, v.v... Nguyễn Công Trứ không thấy ai có khả năng một chọi một với Phan Bá Vành. Nguyễn Công Trứ biết họ đang lo lắng. Nuôi quân ba năm dụng một giờ. Họ hưởng ơn vua lộc nước bao năm để bây giờ nhận liên tiếp mấy đạo dụ của vua mà chưa giải quyết được gì. Ghê nhột bây giờ đã lở loét, hơi thối rồi, không chịu khó chữa trị có khi lụy tới thân. Nguyễn Công Trứ thở dài thật khẽ.

Thượng thư Nguyễn Hữu Thận, Hiệp Tổng trấn Bắc thành nhìn Nguyễn Công Trứ hỏi:

- Tướng quân Uy Viễn có cao kiến gì trong vụ này ?

Nhìn khắp mọi người một lượt, rồi nhìn vào tấm họa đồ, Nguyễn Công Trứ vừa đưa tay chỉ, vừa nói:

- Giặc Bá Vành đang ở đây. Từ cửa sông Trà Lý, sông Lân, chúng có thể đi sâu vào đất liền, vừa liên lạc được cửa Ba Lạt, vừa ngược cửa Thái Bình, cửa Vạn Úc, lên cửa Nam Triệu hoặc xuống cửa Đáy, cửa Lạch Trào... Nói chung, về mặt địa lợi, ta yếu thế hơn Bá Vành. Do đó về mặt nhơn hòa, chúng ta phải tiếp tục khoan sức dân. Lúc này, quan địa phương nào những nhiễu dân lành, ta cứ xử mạnh tay trước, báo về triều đình sau. Được vậy, ta mới hi vọng nắm phần thắng.

Ngừng một chút, Nguyễn Công Trứ vừa nhíu mày, vừa theo dõi phản ứng của những người có mặt, rồi điềm tĩnh nói:

- Bẩm quan lớn, hạ chức nghĩ, đưa khon mạnh dõ, đưa gạo mạnh cho ăn. Muốn dẹp yên giặc Bá Vành, chúng ta phải dựa vào dân. Ưc Trai tiên sinh đã từng dạy: Lật thuyền mới thấy dân như nước. Chúng ta càng xa rời dân thì khí thế của giặc càng lên cao. Tóm lại, theo ý hạ chức, muốn phá giặc Bá Vành, chúng ta phải dùng trí hơn dùng sức.

Mọi người đắm chiêu suy nghĩ. Có người gật gù ra vẻ tâm đắc. Có người làm ra vẻ chưa bằng lòng lắm với ý kiến đề xuất của ông. Hồi lâu, Tham hiệp Nghệ An Nguyễn Đức Nhuận lên tiếng, phá tan bầu không khí yên tĩnh mà có phần căng thẳng:

- Ý kiến các ngài đều sai, nhưng...

Trừ Nguyễn Công Trứ, mọi người như chợt tỉnh cơn mơ, đổ dồn ánh mắt vào quan Tham hiệp Nghệ An.

Nguyễn Đức Nhuận chờ mọi người tập trung chú ý mới nói tiếp:

- Vụ này dùng sức thì như chúng ta đã biết, còn dụng trí cũng chưa chắc đã thành công. Nghĩa quân Ba Vành đâu đâu cũng có, kể cả các huyện Giao Thủy, Chân Định, Vũ Tiên, Kiến Xương và cả vùng Thiên Trường. Hạ chức nghĩ, nếu chúng ta chỉ sai một ly ắt đi một dặm, và không khéo chúng ta trở thành những Trương Phúc Đặng.

Ý kiến mà chẳng ý kiến. Đầu quân thì ở sông Bo, Cuối quân còn ở bến đò kênh Kem. Điều đó, hỏi đưa trẻ chăn trâu cũng biết, cần gì phải nói. Nguyễn Công Trứ thở dài chán ngán. Ông chú ý khi Nguyễn Đức Nhuận nhắc tới cái chết của Trương Phúc Đặng, ai nấy đều đổi sắc mặt. Thế đấy ! Biết người biết ta, trăm trận trăm thắng. Binh pháp từ xưa đã dạy rồi, ấy mà cả buổi, ông chưa nghe ai nói gì đến điểm mạnh, điểm yếu của quân tình Bá Vành. Nguyễn Công Trứ thất vọng trước lớp người mà trước đây ông đã đánh giá tốt về họ. Nhân vô thập toàn, nhưng thiếu nhân cách là thiếu tất cả. Trước khi vào cuộc họp bàn, ông đã dự kiến đến ý kiến của từng vị quan lớn nhỏ có mặt, song

kiểu ý kiến cho có ý kiến thì ông không thể hình dung ra nổi. Nguyễn Công Trứ thờ dài và khế nhếch môi cười. Hào khí của hôm nào đã tắt, thậm chí đã nguội lạnh trong ông. Một ngày qua, các cô đầu xứ Bắc đã sử dụng bài hát nói của ông như một lời mời mọc khách. Bởi đó không chỉ là cái chí của ông mà còn là cái chí của những người trai đất Việt.

Thông minh nhất nam tử,

Yếu vi thiên hạ kỳ.

Trót sinh ra thì phải có chi chi,

Chẳng lẽ tiêu lưng ba vạn sáu.

Đổ kỵ sá chi con tạo,

Nợ tang bồng quyết trả cho xong.

Đã xông pha bút trận thì gắng gỏi kiếm cung,

Làm cho rõ tu mi nam tử.

Trong vũ trụ đã đành phận sự,

Phải có danh mà đối với núi sông.

Đi không chẳng lẽ lại về không.

Nhưng được những gì ? Tình trạng này kéo dài, và ông chỉ còn biết thả tài trí của mình vào những nhà hát cô đầu, thả hồn mình theo những tiếng "tom", tiếng "chát", thì không như Lê Mậu Cúc cũng thành Trương Phúc Đặng. Chuyện đã xảy ra trước mắt chớ phải chuyện thần tiên ma quỷ gì mà nghĩ với ngờ. Nếu cần, ông buộc phải lai kinh yết kiến Hoàng thượng tâu trình kế sách, trước là để an mình, sau là để an dân. Loạn lạc, chiến tranh xảy ra, ai cũng khổ, nhưng khổ nhất vẫn là những người dân nghèo. Ông nghĩ, đây cũng là cơ hội để thực hiện cái ước mơ được "xénh xang hội gió mây". Miếng cơm bà Phiến Mẫu đã lớn, hướng gì ơn vua lộc nước. Hàn Tín đâu có mạnh hơn Tây Sở Bá Vương, ấy mà Hàn Tín cũng đã phá thành đoạt lũy đẩy Hạng Võ vào cửa tử, khiến Hạng Võ phải tự cắt đầu tại bến Ô Giang. Nực cười châu chấu đá xe, Tưởng rằng chấu ngã ai dè xe nghiêng, nhưng đội quân của triều đình hiện nay đâu phải là châu chấu. Lúc này, Nguyễn Công Trứ mới thấy việc làm của nhà nho quân tử đã khó, còn trở thành bậc nho tướng còn khó hơn bội phần.

So với bạn đồng sự, con đường công danh của ông phải nói là hanh thông. Từ chức hành tẩu nhỏ hàm bát phẩm, chỉ sau bảy năm, Nguyễn Công Trứ đã kinh qua các chức Tri huyện, Lang trung, Tư nghiệp, Thừa thiên phủ thừa, Tham hiệp Thanh Hóa, và bây giờ (Minh Mệnh thứ 7, 1826) là Bình bộ Thị lang (chánh tam phẩm). Không thân thể, không luồn cúi mà được vậy thì không hanh thông là gì ? Nhớ lại khi làm Tham hiệp Thanh Hóa, ông xin về chịu tang thân mẫu; thời hạn chưa hết, ông phải giả từ vợ con, làng xóm để trở lại kinh đô nhận chỉ dụ mới. Sau những lời chia buồn của đồng僚, ông được cử về lại Thanh Hóa để an dân.

Trên đường nhậm chức, Nguyễn Công Trứ ngã bệnh phải nhờ vào các quan sở tại. Lo lắng sợ không đảm bảo nhật kỳ, Nguyễn Công Trứ một mặt nhờ tìm danh y chẩn bệnh, hốt thuốc, một mặt nhờ quan sở tại biểu tấu về kinh trình bày sự việc. Tưởng chỉ có thể với tinh thần trách nhiệm của một hạ quan đối với triều đình, ai ngờ chỉ mấy ngày sau, quan sở tại phải quì thay ông tiếp nhận chiếu chỉ của vua:

"Nay nghe tin Nguyễn Công Trứ đi đường chẳng may bị bệnh, chẳng hay đã lành hay chưa ? Lòng trầm lắng những bất yên, vậy đã phái một tên thị vệ, đem theo một viên

ngự y, lập tức bắt trạm đi tới nơi điều trị, cốt được mau lành. Còn Nguyễn Công Trứ thì cứ an tâm mà uống thuốc, bất kỳ một tháng, hai tháng. Khi nào trong mình mười phần khỏe mạnh mới được ra đi, chớ nên vội vàng. Trời mùa đông lạnh lẽo, nếu đau yếu lại, ấy là phụ cái lòng quyến cố của Trẫm"(1).

(1) Dẫn theo Vũ Ngọc Khánh, Nguyễn Công Trứ, Nxb Văn hóa, H, 1983, trang 98.

Nhìn quan ngự y bên cạnh quan thị vệ và đoàn tùy tùng của trạm dịch, Nguyễn Công Trứ xúc động trước tấm lòng của Thiên tử. Lời nói không mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau. Đó là cách xử thế ở đời, và đã có mấy người làm được, hưởng gì một đấng quân vương. Không chỉ những lời nói suông, thiên tử còn cử cả ngự y mang theo thuốc quý đến tận nơi để chăm sóc một viên quan nhỏ như ông. Ơn vua lộc nước lớn lắm, lớn lắm...

Nhờ thầy hay, thuốc quý đem sẵn từ kinh đô tới, nên chẳng mấy ngày Nguyễn Công Trứ đã bình phục. Nguyễn Công Trứ vui vẻ mở tiệc khoản đãi quan ngự y và các quan sở tại đã giúp đỡ ông trong những ngày vừa qua, rồi tự tay thảo tờ biểu về kinh tạ ơn thánh đế.

Trong lúc chuẩn bị lên đường về nhiệm sở, thì Nguyễn Công Trứ lại nhận chỉ dụ mới. Ân tứ lớn quá ! Nguyễn Công Trứ không phải nhậm chức ở Thanh Hóa, mà được triều đình thăng chức và phải gấp rút lên đường thẳng ra dinh Tổng trấn Bắc thành. Từ tòng tứ phẩm qua mấy ngày bệnh được thăng lên hàng chánh tam phẩm chẳng phải trong cuộc đời ai cũng thường gặp. Ngày xưa với Hàn Tín, miếng cơm bà Phiến Mẫu còn lớn thay, hưởng gì ơn mưa móc mà bản thân ông, gia đình, dòng họ, tổ tiên, làng xóm... được hưởng bấy lâu nay. Ăn cây nào rào cây ấy cũng là cái đạo làm người, đâu thể có phước cùng hưởng, có họa thì... bỏ chạy lấy thân. Hàn Tín bị Lã Hậu róc thịt làm mắm, nhưng nhân cách của ông ta thì để đời khi ông ta từ chối lời khuyên của Khoái Triệt. Dĩ nhiên lúc ấy và cả bây giờ vẫn có người cho Hàn Tín đại. Song cái khôn cái dại ở đời biết sao cho phải. Với ông, cái quan trọng là mình có xứng đáng làm người ở cõi đời này hay không. Phú quý, quyền lực... dù có trùm thiên hạ mà mỗi khi tự vấn lương tâm ta thấy thẹn thì tất cả đều bằng thừa. Để phân biệt được giữa con người và con thú, theo ông, chỉ có phân biệt được qua nhân cách. Và nhân cách xuất phát từ đạo làm người. Nghĩ tới đó, ý thơ lại vụt trào lên trong ông. Ông vội lấy giấy bút ghi liền một mạch:

Giang san bất thiếu anh hùng khách,
Gánh càn khôn đeo nặng kẻ rùng nhô.
Thiên phú ngô, địa phú ngô,
Thiên hạ sinh ngô nguyên hữu ý.
Dã thị giang san chung tú khí,
Quả nhiên đài các xuất danh công.
Hội rồng mây cho phỉ chí tang bồng,
Cờ báo tiệp giữa trời nam bay bướm nhẹ.
Tài bộ thể mà công danh lại thể,
Nợ trần hoàn quyết trả lúc này xong.
Dồi dào thiên tử vạn chung,
Khanh hầu xa mã tướng công lâu dài.

Trần ai ai dễ biết ai.

Mọi việc cứ lần lượt lướt qua trí nhớ ông một cách rõ ràng. Và ông thấy rằng, nếu đồng lõa với những gì gọi là nhu nhược, thì có lỗi với mọi người, nhất là đối với những người đã đặt niềm tin vào ông. Việc khởi loạn của Phan Bá Vành đúng hay sai hồi sau sẽ luận, còn hiện tại cần phải dẹp. Ông chỉ muốn giang san thu về một mối, mọi người yên ổn làm ăn. Trời có lúc mưa lúc nắng, mùa có lúc được lúc thua. Nghèo đói không ai muốn, nhưng không vì nó mà ngồi chửi trời than đất. Lịch sử dân tộc là lịch sử chiến tranh, hết chiến tranh chống ngoại xâm, tới chiến tranh bè phái. Từ lúc mở mắt chào đời tới nay, ông thấy đây đó nào có ngày nào được yên. Và dân đen nào có tội tình gì phải chịu máu đổ đầu rơi phục vụ cho sự bức tức, nổi hứng nhất thời của ai đó. Chính nghĩa ở những cuộc khởi dậy này là gì ? Chẳng ai biết, kể cả những người khởi xướng.

Hiệp Tổng trấn Bắc thành Nguyễn Hữu Thận lên tiếng, phá tan bầu không khí nặng nề đang bao trùm cuộc họp:

- Nhứt dạ sinh bá kế, nhưng tới nay đã không biết qua bao đêm ngày rồi mà chúng ta chưa có kế sách gì hay so với kế sách của quan Binh bộ thị lang vừa trình bày. Do đó, bản quan giao toàn quyền vụ việc này cho quan Binh bộ thị lang quyết định. Kể từ nay, mọi người từ bản quan trở xuống đều do sự điều động, xếp đặt của quan Binh bộ thị lang trong kế hoạch dẹp giặc Phan Bá Vành. Nếu ai có kế hoạch gì khác thì đề xuất, còn không thì sau buổi họp này, quan Binh bộ thị lang cứ việc tiến hành. Ở Kinh đô, thánh thượng đang ngóng chờ tin vui của chúng ta, chớ không phải chờ chúng ta bàn cãi, mặc cho giặc lộng hành.

Nghe vậy, mọi người có mặt đều yên lặng, ngược nhìn Nguyễn Công Trứ. Họ nghĩ, Nguyễn Công Trứ là vị quan được nhà vua biệt đãi và chắc kế sách ấy có khi cũng do nhà vua vạch ra, mượn miệng Nguyễn Công Trứ phát ngôn. Do đó, khôn ngoan nhất trong lúc này là thuận theo ý ông ta. Nghĩ vậy, ai nấy đều nhìn Nguyễn Công Trứ với nụ cười khá tươi, rồi đứng dậy chào tạm biệt và hứa sẵn sàng hợp tác.

Chờ mọi người ra về hết, Nguyễn Công Trứ mới ngồi lại bàn kỹ hơn, chi tiết hơn kế hoạch đối phó giặc Phan Bá Vành với quan Hiệp Tổng trấn Bắc thành.

Thượng thư Nguyễn Hữu Thận gật gù tâm đắc những gì mà vị giải nguyên trường Nghệ năm nào vạch ra. Nhưng với ông, mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên. Đầu cha lộn xuống chân con, Mười bốn năm tròn hết số thì thôi. Trước đây mấy ai nghĩ, nhà Tây Sơn với quân hùng tướng mạnh như thế mà chỉ tồn tại có mười bốn năm ?

Nhìn viên hạ quan ra về, Hiệp Tổng trấn Bắc thành dấy lên niềm lạc quan hơn lúc nào hết. Nghe cận kề kế sách dẹp loạn của Nguyễn Công Trứ, ông thấy thiên tử đã chọn đúng bậc văn võ toàn tài. Được người giúp việc như Nguyễn Công Trứ, ông thấy yên tâm. Thật lòng, trước đây ông chưa tin tưởng mấy. Một người mà vừa làm Tham tán quân vụ, vừa làm Binh bộ thị lang, vừa coi sóc Tào hình, ông nghĩ do được lòng quyền cố của vua, nhưng qua buổi làm việc này ông thấy Nguyễn Công Trứ hoàn toàn xứng đáng những chức vụ ấy. Và từ đó suy ra, ông thấy thiên tử có chiều cố tới ông. Lạy trời, kế sách dẹp loạn của Nguyễn Công Trứ được như ý thì ông cũng được vinh dự lây. Phải tạo điều kiện cho kế sách này đi đến thắng lợi. Thượng thư Nguyễn Hữu Thận chấp tay sau lưng đi đi lại lại trong phòng với niềm vui rộng mở.

Chương 7

Nhậm chức Hình bộ Tham tri ở Kinh là một đặc ân của đảng quân vương dành cho ông sau tám năm bước vào cổng quan trường, nhưng thật lòng Nguyễn Công Trứ không

muốn chút nào. Hơn hai giáp rồi chứ ít gì. Ngày ấy kể cũng liều, khi chỉ là anh thư sinh chân trắng vậy mà dám đón đường dâng Thái bình thập sách lên vua. Thực ra, nội dung không mới, song đó là cái tâm của ông đối với đất nước. Những người bắt đầu học Tứ thư đều biết đến Phú, Thù, Giáo, chứ nào chỉ mình ông. Nhưng với Nguyễn Công Trứ lúc này, nhất là sau khi dẹp loạn Phan Bá Vành, những lời dạy của Khổng tử lại làm ông suy nghĩ. Làm cho dân no, dân giàu, đồng thời dạy cho dân biết lễ nghĩa là trách nhiệm của những người thay mặt thiên tử chấn dất dân. Dân chỉ phụ mẫu mà làm không tròn trách nhiệm của người phụ mẫu thì không xứng đáng ăn cơm vua hưởng lộc nước. Và đó cũng là đạo thần tử, là một trong kế sách lâu bền trong việc trị quốc. Phú, Thù, Giáo là vậy, nhưng Hoàng triều đã thực hiện đến đâu ? Hàng trăm cuộc khởi nghĩa nổi dậy lớn có, nhỏ có của nông dân đã cho thấy Hoàng triều chưa thực hiện được là bao. Song mỗi thời đại, mỗi giai đoạn đều có một hoàn cảnh riêng, khó mà tránh được. Thuận thiên giả tồn, nghịch thiên giả vong, đáng minh quân nào cũng hiểu điều ấy, và Nguyễn Công Trứ tin Hoàng triều sẽ làm được. Nếu không được lòng trời, thì Hoàng triều không thể thống nhất sơn hà, không thể có được dải đất bao la như thế.

Dân đói, triều đình ban lệnh chẩn bần. Dân gặp phải thiên tai, triều đình ban lệnh cứu tế. Theo ông, triều đình làm vậy là đúng, song chưa đủ. Trị bệnh mà chỉ trị được chứng, không trị được căn là chưa phải thầy thuốc giỏi. Cái gốc của những cuộc nổi dậy của nông dân vừa qua là gì ? Dân muốn nổi loạn ư ? Chẳng phải. Đức Khổng đã dạy: Dân khả sử do chi, bất khả sử chí chi (Dân có thể sai khiến được, chứ không thể hiểu hết). Do vậy, hầu hết dân đến đều bị kẻ khác giật dây và trách nhiệm thuộc về những vị ăn lộc nước mà không lo cho nước. Qua vụ Phan Bá Vành, Nguyễn Công Trứ càng thấy rõ điều đó. Dân lúc nào cũng tốt. Họ theo giặc chỉ vì không ai dạy họ biết đâu là lời ngay lẽ thật, biết đâu là đạo lý làm người, không ai quan tâm tới miếng cơm, manh áo thường ngày của họ. Đói ăn vụng, túng làm càn làm sao trách họ được. Những người lợi dụng điểm yếu của nhà cầm quyền thông qua quan sở tại, phát cờ chống đối, không có chủ trương, đường lối rõ ràng như những cuộc nổi loạn vừa qua, thì... được làm vua, thua làm giặc. Tiếng lành đồn xa, tiếng dữ đồn ba ngày đường chờ kém chi. Ít ra, hậu thế sẽ có người biết tới họ, còn hơn sống mãi mà vua chẳng biết mặt, chúa chẳng biết tên.

Nguyễn Công Trứ tùm tùm cười một mình.

Lật thuyền mới thấy dân như nước. Câu thơ xuất phát từ thực tế cuộc sống, nên nó sáng mãi, tươi mãi. Nước có thể nâng thuyền lên mà cũng có thể nhận thuyền chìm. Cuộc đời của Úc Trai tiên sinh đã dạy cho ông nhiều điều hay. Dụng cơ đồ nhờ dân, mất nghiệp đế cũng do dân. Ý dân là ý trời !

Nhìn dòng chữ Lao năng khả tưởng (Năng lực và công sức khó nhọc đáng được ghi nhớ, khuyến khích) trên chiếc kim khánh của vua Minh Mệnh ban cho hôm nào sau ngày dẹp loạn Phan Bá Vành, Nguyễn Công Trứ thấy lòng rưng rưng. Về bản thân, Nguyễn Công Trứ khá tự hào. Mọi người từ trong triều đến ngoài quận, ai ai cũng thấy được ông là một vị nho tướng đủ tài thao lược. Nhưng... nhất tướng công thành vạn cốt khô. Tuy so với những trận đánh trước của các quan Trương Phúc Đăng, Lê Mậu Cúc... thì ông đã hạn chế được sinh mạng đôi bên tới mức thấp nhất, nhưng máu vẫn đổ, đầu vẫn rơi. Trên đầu quả phụ, cô nhi vẫn còn trắng lợp khăn tang. Con trùn, con kiến còn muốn sống hưởng hờ gì con người. Vì ai ? Vì ai ? Không nghĩ đến thì thôi, còn mỗi lần nhớ tới, dù biện hộ cách nào, Nguyễn Công Trứ vẫn cảm thấy ray rứt.

Trước khi điều quân vây khốn Phan Bá Vành, ông đã cho điều tra cụ thể gia cảnh từng người thân cận của Phan Bá Vành, kể cả cá tính từng người. Mạnh dùng sức, yếu dùng chước. Đối phó với Phan Bá Vành, Nguyễn Công Trứ dùng chước là chủ yếu. Các cánh quân dưới quyền điều khiển của ông không hề biết cách thức dụng binh của ông. Kế

giương đông kích tây, rung cây nhát kẻ... được Nguyễn Công Trứ áp dụng triệt để và chẳng mấy ngày, nghĩa quân của Phan Bá Vành nhốn nháo như gà con mất mẹ. Tâm trạng hoang mang của họ đã giúp Nguyễn Công Trứ dễ dàng đưa đội quân tinh nhuệ của mình trà trộn vào đội quân của Phan Bá Vành. Nhiệm vụ của họ, chủ yếu là rỉ tai, tuyên truyền những tin thất thiệt có lợi cho quân triều đình.

Trên bộ, dưới thuyền đâu đâu cũng thấy quân triều đình đã vào đội ngũ chỉnh tề, cờ xí rợp trời, khiến mọi người có cảm giác đám giặc Phan Bá Vành như đang đứng trước miệng rồng, hang cọp.

Râm ran đây đó, bà con đã nói với nhau, chuyện chết của giặc Bá Vành đã rõ, chỉ còn chờ lúc nào quân triều đình tấn công mà thôi. Nguyễn Công Trứ vui lắm. Kế sách của ông cơ bản đã thành công. Ngày xưa, Trương Lương đã biết dùng tiếng sáo đẩy lui quân giặc. Ngày nay, ông không đủ tài như thế, nhưng ông biết tâm lý chiến thắng cũng quyết định phần lớn chuyện thành bại nơi chiến trường. Sức ai mạnh bằng Hạng Võ, ấy mà còn phải thua Hàn Tín – người đã có một thời vác dáo hầu Hạng Võ. Chuyện xưa tích cũ còn đó, học cả đời không hết, tại sao không học người xưa ?

Và, Nguyễn Công Trứ đã học.

Tổng hợp tin tức từ các cánh quân, các thám tử mật báo cùng với khí thế mới, Nguyễn Công Trứ tin rằng mình đã hội đủ thiên thời, địa lợi, nhân hòa, và ra lệnh tấn công.

Đêm ngày 16 tháng 2 (1827) là cộc mốc đáng nhớ trong đời Nguyễn Công Trứ – đời của vị tướng trước trận tiền.

Căn cứ Trà Lũ đã không còn là nơi bí mật và hiểm yếu đối với Phan Bá Vành và quan quân dưới thời Binh bộ thị lang Nguyễn Công Trứ nữa.

Tiếng trống thúc trận.

Ánh đuốc bùng lên đỏ rực một góc trời.

Nội công ngoại kích, khí thế của quân triều đình như nước vỡ đê.

Biết thân mình như hổ lạc bình nguyên, Phan Bá Vành đơn thân độc mã chạy thoát thân, nhưng cũng không thoát được thế trận thiên la địa võng của Nguyễn Công Trứ giăng ra, đành phải nộp mình cho viên cai tổng quen biết trong những ngày còn là nông dân chịu thương chịu khó.

Rồng mà mắc cạn tôm giỡn mặt,

Cọp lạc đồng bằng bị chó khi.

Những lời thương tiếc ấy, Nguyễn Công Trứ nghe hết, và thực lòng ông cũng tiếc cho Phan Bá Vành. Nhưng biết làm sao được. Ở đời nào ai có thể chọn cho mình quê hương, cha mẹ, số phận ? Nợ nần kiếp trước chẳng ? Nguyễn Công Trứ thở dài, khẽ ngâm:

Túy ngựa sa trường quân mạc tiểu,

Cổ lai chinh chiến kỷ nhơn hồi.

Tạm dịch:

Chớ cười chiến địa nằm say giấc,

Xưa nay ra trận mấy ai về.

Trong lúc các quan lớn trong dinh Tổng trấn Bắc thành người lo thảo biểu tâu về kinh, người lo hạ tiệc mừng công thì Nguyễn Công Trứ lo treo biển yên dân. Cái vui hiện tại

của ông là cái vui chưa trọn vẹn. Khi làm công tác dịch vận để đối phó với Phan Bá Vành, ông đã hiểu thêm về nỗi khổ của người dân. Đời sống thường ngày của họ khổ quá. “Giời ơi, chúng con chỉ hơn con chó có đôi đũa”. Nghe mà thương, mà ứa nước mắt. Thời trai trẻ của ông đã khổ, nhưng ít ra cũng còn có mảnh vườn, còn người dân ở đây có gì đâu. Loạn lạc, giặc giã làm cho họ đã khổ lại càng khổ thêm, cực thêm. Một vũng trâu nằm hơn năm làm mướn là ước mơ bao đời của người dân quê một nắng hai sương và đã là dân chi phụ mẫu thì phải biết điều đó trước hết, chớ đâu phải như thầy cúng: sống chết mặc bay, tiền thầy bỏ túi. Không có dân làm sao có nước, làm sao có đáng quân vương, có bậc thần tử? Biết được cái chỗ làm của Trời, biết được cái chỗ làm của Người, đó là biết đến chỗ cùng tột rồi vậy. Biết được cái chỗ làm của Trời là biết thuận theo cái lẽ tự nhiên của trời đất mà sống. Biết được cái chỗ làm của Người là biết lấy cái mà trí mình biết được để dưỡng nuôi cái mà mình không thể biết được, hầu hưởng trọn tuổi trời mà không giữa đường chết yểu. Ấy là sự biết đến cùng cực rồi.

Tuy nhiên, cũng có điều lo: sự hiểu biết cần phải có chỗ căn cứ, nhiên hậu mới có thể thích đương được. Nếu chỗ căn cứ ấy mà chưa định được, thì lấy đâu phân biệt đạo Trời và Người? Chả lẽ, cái mà ta gọi là Trời lại chẳng phải là Người, và cái mà ta gọi là Người lại chẳng phải là Trời? Trang tử đã dạy vậy, nhưng đã có mấy người thấu triệt và áp dụng vào công việc của mình? Học mà không hành là phụ thầy, phụ mình. Có thực mới vực được đạo. Do đó, triều đình phải có biện pháp làm cho con dân cơm no áo ấm. Được vậy, con dân sẽ biết ơn và hạn chế được mầm phản loạn. No thành Tiên thành Phật, đói ra ma ra quỷ, nên làm sao trách được người dân. Làng Minh Giám có Phan Bá Vành làm giặc, triều đình xóa tên làng, đặt lại tên khác, cấm tông tam tự ngũ, v.v... thì chỉ mới giải quyết được cái ngọn, thậm chí người dân thấy mình bị răn đe, dọa nạt nhiều hơn là giáo hóa. Đức thắng tài vi quân tử, tài thắng đức vi tiểu nhân. Lấy đức chặn dân mới bền gốc nước.

Càng nghĩ, trong đầu Nguyễn Công Trứ càng hiện lên hình ảnh những người dân hiền lành đói cơm lạt mắm, hiện lên những vùng đất hoang hóa mà bọn giặc cỏ thường lấy làm chỗ trú thân. Nếu không giải quyết triệt để vấn đề này thì nay mai sẽ có những Phan Bá Vành khác mạnh hơn, cơ trí hơn. Mà loạn lạc nổi lên, kéo dài chừng nào thì người dân đến khổ chừng đó, chớ chẳng có ai khổ thay cho họ.

Nghĩ tới nghĩ lui, Nguyễn Công Trứ bèn ngồi lại án thư, sắp đặt câu chữ trong đầu đầu ra đó, rồi viết:

“... Đời xưa chia ruộng, lường của, để dân được có nghề, cho nên dân yên phận làm ăn ở nơi thôn ỏ, không sinh lòng gian vậy. Hiện nay những dân đói nghèo, rong ăn rong chơi, lúc cùng lại rủ nhau trộm cướp, tệ ấy khó ngăn hết được. Trước kia hạ thần đi qua tỉnh Nam Định, thấy về phần đất huyện Giao Thủy và huyện Yên Định, đất đai hoang phế, trông thấy mênh mông, ngoài ra chỗ khác cũng còn lắm đất ruộng hoang kể tới hàng mấy nghìn mẫu. Hạ thần đi hỏi người sở tại, ai nấy đều có ý muốn khẩn cày, nhưng nhu khí nhiều quá, sức làm không nổi. Như cấp của công cho, thì có thể chiêu tập dân nghèo mà khẩn trị được. Làm thế thì nhà nước không tốn bao nhiêu, mà cái lợi tự nhiên, lâu dài mãi mãi. Và lại bãi Tiền Châu ở huyện Chân Định, rậm rạp quá chừng, lũ giặc thường nhóm họp ở đây, nay nếu khai phá đi, thì không những là mở đường làm ăn cho dân nghèo, mà lại trừ được lũ giặc cỏ nữa. Xin sai quan trấn thần hạt ấy thân vãng xem xét, phạm các nơi đất hoang cày được, khiến những người có sức chia nhau coi việc, mộ dân nghèo các hạt để khai khẩn: như mộ được 50 người lập làm một lý, cho làm lý trưởng, 30 người làm một ấp, cho làm ấp trưởng. Lường đất cho ở, cấp tiền công cho làm nhà cửa và mua những đồ ngư canh điền khí. Lại cấp gạo cho đủ ăn trong sáu tháng, ngoài hạn ấy thời phải làm lấy mà ăn, ba năm thành ruộng, đều chiếu lệ ruộng tư đánh thuế; phủ huyện sở tại lập kho trữ lại, để phòng khi mất mùa mà phát

chấn cho dân. Những ấp lý mới lập gọi là quân lực bản, phàm các hạt khác có trích ra những tui du dân không trước lạc vào đâu, đều bắt vào làm... "(1)

(1) Dẫn theo Vũ Ngọc Khánh, sđd, trang 135-136.

Nguyễn Công Trứ đọc đi đọc lại và tin rằng triều đình sẽ chuẩn y kế sách này. Nhưng để trở thành hiện thực một khi hoàng thượng đã châu phê, Nguyễn Công Trứ đem ý kiến của mình trò chuyện với lương dân, với những người hiểu chuyện ở quanh vùng. Khi thấy ai ai cũng hỗ trợ kế sách khẩn hoang này, Nguyễn Công Trứ thấy lòng nhẹ nhõm. Thuận vợ thuận chồng tát bể đông cũng cạn, huống gì lòng dân đã nhất tề ủng hộ. Nguyễn Công Trứ mạnh dạn chuyển kế sách về kinh.

Nhiệt tâm, nhiệt huyết của Nguyễn Công Trứ không những được vua Minh Mệnh chấp thuận, mà bản thân ông còn được thăng Thụ Hình bộ Hữu tham tri sung chức Dinh điền sứ, được toàn quyền lo việc chiêu mộ dân đinh khẩn hoang tại các nơi miền duyên hải, trước mắt ở hai tỉnh Nam Định và Ninh Bình.

Nguyễn Công Trứ vui vẻ trong lòng. Ông đặt lễ tiệc tạ ơn vua và giã từ bè bạn lên đường thực hiện ước mơ "phải hăm hở ra tài kinh tế".

Nguyễn Công Trứ đích thân đi gặp lại những người học trò nghèo và những nông dân đã giúp đỡ ông rất nhiều trong lúc dẹp giặc Phan Bá Vành, như: Phan Ruyện, Võ Ngọc Lân, Lại Thế Nhung, Nguyễn Bá Phan, Trần Minh, Lê Trụ, Vũ Duy Thắng, Nguyễn Hộ, Phí Đàm, Phan Thạch Lý, v.v... (1)

(1) Các người này được ghi vào gia phả của dòng họ, ghi vào bia ở các đình, đền trong huyện Tiền Hải.

Nguyễn Công Trứ thông báo cụ thể từng chi tiết cho mọi người biết ý định của triều đình và ông là người trực tiếp điều hành công việc khai khẩn đất hoang, đem cơm no áo ấm về cho dân nghèo trong vùng. Nguyễn Công Trứ nói:

- Các người là những người nguyên mộ, mở đầu cơ nghiệp cho vùng đất này và sẽ là lý trưởng, ấp trưởng của làng, thôn sau này khi làng xóm được dựng nên. Do đó, các người hãy dựa vào năng lực của mình mà chiêu tập bà con để cùng làm việc nghĩa. Việc làm này không chỉ có ích cho nước mà còn lợi nhà, trước mắt là lợi cho bản thân, gia đình, làng xóm. Ta tin các người sẽ làm được. Đông tay vỗ nên kêu. Anh em cứ yên tâm, mọi việc hỗ trợ phía sau đã có triều đình, trực tiếp là ta.

Lướt nhìn những gương mặt căng thẳng, nhưng rạng rỡ niềm vui của họ, Nguyễn Công Trứ cùng mọi người bàn kỹ đến tiền gạo giúp cho những người đi khai phá. Cái lợi của việc khai khẩn đất hoang, ai cũng thấy, nhưng phải có cơm ăn no bụng mới làm được, chứ bụng đói thì mất mớ, chân tay bủn rủn, đi còn không nổi, nói gì tới chuyện khai phá. Cái khó, cái lo của mọi người chính là tiền gạo ở đâu để vận động bà con bỏ công chuyện thường nhật, tập trung khai phá đất hoang. Quan Dinh điền sứ đặt vấn đề ấy ra là sát sườn nhất, cụ thể nhất. Chính vì vậy mà chỉ trong chốc lát, họ tự tách ra từng nhóm bàn bạc sôi nổi.

Họ là những người đã đổ mồ hôi, sôi nước mắt với ruộng đồng, nên những gì liên quan đến ruộng đồng họ chỉ cần bàn bạc, nhằm tính một hồi là đầu vào đó.

Theo mọi người thì ai chiêu tập được 50 đình, xin triều đình cho 300 quan tiền để mua mười con trâu và 40 quan tiền để sắm công cụ, cùng khoảng 100 quan tiền để làm nhà. Nếu đáp ứng được điều ấy, việc khẩn hoang sẽ không khó và chắc chắn trong một thời

gian ngắn, nhiều người ở nơi khác đến xin sung vào dân đình khai khẩn. Có mặt ắt có ruồi.

Nghe họ trình bày cặn kẽ với tấm lòng thành, Nguyễn Công Trứ vui lắm. Thói đời, ông đã gặp không ít những người dạ dạ vâng vâng đó, rồi khi quay lưng thì thóa mạ, bêu rếu. Nay đứng trước những người đang cùng ông mơ về một cuộc sống đầy đủ hơn, ấm no hơn, ông tin họ như tin chính bản thân mình. Tuy là quan lớn của triều đình, nhưng ông đã trải qua thời gian nghèo túng, nên những gì họ đề đạt ông đều hiểu. Nhưng tính toán vừa qua của họ, ông càng quý càng thương họ hơn. Số tiền họ đưa ra hoàn toàn hợp lý. Họ đã tính toán sít sao như chính đồng tiền mồ hôi nước mắt của mình, chứ không phải thấy của trời mà mặc sức tiêu dùng. Họ nghèo nhưng tâm họ sáng, theo ông đó là vốn quý. Và chính cái vốn quý ấy sẽ làm nên tất cả. Suy từ bản thân, ông biết, ý chí của con người cũng có thể là thiên đường mà cũng có thể là địa ngục của người ấy. Ông gặp được những người này chính là trời giúp.

Nguyễn Công Trứ vui vẻ, tạm chia ra từng nhóm và hẹn ngày vào đình ký nhận tiền tiến hành công việc.

Mọi người ra về thì cũng là lúc nhà nhà lên ánh lửa. Tiếng muôn trùng nay không còn là tiếng nhạc lòng của người lữ thứ, mà là bản hợp âm của cuộc sống vui vầy. Nghiên mực trên bàn như mời gọi hồn thơ. Nguyễn Công Trứ bước tới bước lui một lúc rồi ngồi lại án thư tung bút:

Cùng đạt có riêng chi mệnh số,

Hành tàng nào hẹn với văn chương.

Đường công danh sau trước cũng là thường,

Con tạo hóa phải rằng ghen ghét mãi.

Duyên ngư thủy còn dành cơ hội lại,

Quyết tang bằng cho phỉ chí trượng phu.

Trong trần ai ai kém ai đâu ?

Tài bộ thể, khoa danh ờ lại có.

Thơ rằng: “Độc thư thiên bất phụ,

Hữu chí sự cánh thành”.

Giang san đành có cậy trong mình,

Mà vội mĩa anh hùng chi bấy nhẽ.

Đã sinh ra ở trong phù thế,

Nợ trần ai đành cũng tính cho xong.

Nhấn lời nói với non sông,

Giang san hầu để anh hùng mấy ai.

Thanh vân trông đó mà coi.

*

* *

Ngày ngày, Nguyễn Công Trứ lúc cưỡi ngựa, lúc lợi đồng đi đều khắp vùng bãi bồi hoang hóa. Dưới mắt ông, vùng đất này được khẩn hoang có thể lập thành một huyện

vững vàng, chứ không chỉ được vài ba ấp, lý. Nhìn những người nông dân trần lưng dưới nắng, ông càng hiểu thêm giá trị của chén cơm hằng bữa.

Qua một thời gian ngắn, ông vội vã họp hết những người nguyên mộ, kể cả những lão nông tri điền bàn bạc tương lai cho vùng đất, bởi vùng đất mới này khá giống vùng đất quê hương ông. Công sức cứ đổ ra mà thu hoạch cỏ thì đúng là công dã tràng. Cái lo của người chần dân là không thấy trước những điều cần phải thấy. Đắp đê ngăn lũ ? Chính đây là việc phải làm và làm còn kịp cho vụ mùa đầu tiên, nhưng... rồi thời gặp phải sức công phá của thủy triều thì bờ đê mới khó mà trụ nổi. Những bản khoán này đã làm ông ăn không ngon ngủ không yên mấy hôm liền và ông phải triệu tập cuộc họp khẩn cấp hôm nay.

Khi mọi người có mặt đông đủ, Nguyễn Công Trứ không giấu gì nỗi lo và những gì còn chưa thấu đáo của mình. Mỗi người đều có sở trường sở đoản riêng, ông đề nghị mọi người đừng ngại ngần, hãy chân thành bày tỏ hết kế sách để cuối cùng mọi người được cơm no áo ấm. Thiên tai có thể hại người, nhưng con người cũng có thể khắc phục.

Nghe những lời lẽ chân tình của quan Dinh điền sứ, những người có mặt sẵn lòng góp bàn ý kiến. Với họ, quan Dinh điền sứ đã thương dân, lo cho dân như thế mà họ làm ngơ trước nỗi lo ấy thì không xứng đáng làm người. Họ tâm đắc với ý của quan Dinh điền sứ. Không làm việc thiện thì đạo đức chỉ là tiếng suông. Và những việc họ đang làm, sẽ làm trước mắt là làm cho chính họ, cho tương lai con cháu họ chứ cho ai. Những người nông dân lưu tán như Trần Minh, Lê Trụ, Nguyễn Hộ, v.v... đều thống nhất dù đắp chân đê có rộng tới đâu mà đất chưa nén chặt, cỏ cây chưa kịp đâm rễ giữ đất thì sóng chỉ đập vài ba trống canh là mọi công sức đều theo dòng lũ. Cái khó là phải làm sao ngăn chặn thủy triều để người dân thu hoạch vụ mùa đầu tiên, lấy khí thế mà khai phá tiếp cũng như thu hút dân nghèo phương xa. Thời gian quá gấp rút, và họ cần phải chạy đua với ông trời.

Thấy mọi người hăng say bàn bạc, Nguyễn Công Trứ lệnh cho người nhà dọn cơm.

Tuy rượu thịt đầy đủ không thua gì bữa giỗ mà họ thường ước ao, song ai nấy như ghen ở hòng. Thương quá. Sau bữa cơm, họ đề nghị Nguyễn Công Trứ lui về phòng, song ông cương quyết cùng tham dự góp bàn với mọi người. Họ dẫn ông ra đồng, vét bùn đắp đê giả, minh họa cách làm cách xả lũ và trồng cỏ để từng đoạn đê có thời gian như ý muốn của con người, rồi mới tiến hành bít cửa khẩu. Nhìn mô hình của những người nông dân lưu tán, trong đầu óc Nguyễn Công Trứ hiện ra mùa lũ sắp tới. Những miệng cống xả lũ chính là liều thuốc làm cho cơn giận thủy triều hạ xuống tới mức thấp nhất. Và những con người đang tập trung công sức, mồ hôi đổ lộn nước mắt cho những cánh đồng vàng mai sau sẽ được ấm no, niềm tin được nhân lên. Nghĩ cho cùng, người dân đen họ nào có nghĩ gì sâu xa hơn chén cơm manh áo. Ai làm con Trời cháu Phật, họ không mấy quan tâm. Do đó, triều đại nào muốn bền vững lâu dài, thì triều đại đó phải biết lo cho dân, nghĩ tới nỗi khổ của dân. Ông tin rằng kế hoạch khẩn hoang ở đây thành công, người nông dân có ruộng để cày, mùa màng bội thu, thì mười Phan Bá Vành sống dậy họ cũng không theo, và những Phan Bá Vành ấy cũng hết đất dung thân. Nghĩ tới đó, trên môi ông nở nụ cười. Thấy ông thuận tình, người nông dân lưu tán Lê Trụ xin ý kiến. Nguyễn Công Trứ đưa tay mời.

- Bẩm qua lớn, chúng con không biết chữ nghĩa thánh hiền, nhưng biết làm việc. Do đó nếu được, xin quan lớn cho những người biết chuyện như chúng con được phép giúp quan lớn, hằng ngày đi kiểm tra anh em làm việc. Chỗ nào anh em làm không đúng hoặc chưa đúng, chúng con sẽ chỉ dẫn và anh em phải sửa. Được như vậy thì công sức bỏ ra mới không đổ sông đổ biển ạ.

Nguyễn Công Trứ vuốt râu, gạt gù ra chiều tâm đắc. Dọ hỏi đôi điều, Nguyễn Công Trứ liền lập ra một đội gồm những người dân lưu tán có sức khỏe, biết công việc đê điều để nhận lãnh từng quãng đê; còn lại những người có mặt họp bàn với ông hôm nay, ông giao trách nhiệm luân phiên tuần tra, đôn đốc bà con làm đúng theo yêu cầu kỹ thuật cần thiết cho một bờ đê ngăn lũ.

Bàn tay có ngón ngắn ngón dài, nhưng phải có ngón cái, ngón trỏ, ngón út... nên trong công việc cũng phải biết nhìn người, biết phân công hợp lý thì mới hy vọng đạt được kết quả tốt đẹp. Dụng nhưn như dụng mộc cũng là ý ấy, song con người thích cái hào nhoáng bên ngoài chứ không mấy ai chịu khó tìm hiểu chất lượng gỗ. Mọi công trình bị đổ nát sớm hay muộn đều do sự không hiểu biết và tính cầu thả của con người.

*

* *

Nhìn vùng đất được khai phá, lòng Nguyễn Công Trứ cứ rộn lên niềm vui. Nhưng với ông, đây chỉ là giai đoạn đầu. Chuẩn bị cho mùa vụ tới, Nguyễn Công Trứ tập hợp tất cả những người có mặt, không phân biệt người nguyên mộ hay người tòng mộ. Ông phân tích hệ thống làng xã của dân tộc từ nhiều đời qua và đề nghị lấy 30% đất khai phá làm thổ trạch để bà con có chỗ làm nhà ở, đình chùa, trường học, nghĩa trang, bãi thả trâu bò, gieo mạ, v.v...

Đời họ có khi nào nhìn tận mắt được vị quan nào đâu, huống gì đây là vị quan lớn của triều đình thay mặt thiên tử đến lo cho miếng cơm manh áo của họ. Đây mới đúng là cha mẹ của dân. Từ những việc làm cụ thể, thời gian qua, trong thâm tâm mọi người coi Nguyễn Công Trứ như là Phúc thần, nên khi nghe ông vừa nói xong, họ đồng loạt vỗ tay hò reo bằng tất cả những tấm lòng. Trước mắt họ, mùa màng trĩu hạt, gia đình ấm êm. Họ đã được đổi đời. Cái mơ ước bao đời "một vũng trâu năm hơn năm làm mướn" không chỉ đã trở thành hiện thực mà còn vượt ra ngoài sự mơ ước. Gặp được quan Dinh điền sứ này đúng là phúc đức tám đời nhà họ. Ông đã lo cùng nỗi lo của họ và vui cùng niềm vui của họ, lợi đồng bằng ruộng cùng họ, thậm chí có lúc cùng ngồi ăn với họ, dạy bày họ cái nhân cái nghĩa ở đời, thử hỏi không vui không cảm sao được.

- Chúng con dân đen ngu muội, quan lớn đã có lòng lo cho chúng con như thế này là quý hóa lắm rồi. Chúng con nguyện sống để dạ chết mang theo. Quan lớn thấy điều gì hay thì cứ dạy, chúng con nguyện nghe theo. Với quan lớn, chúng con dù có tan xương nát thịt cũng chưa đủ đền đáp công ơn mà quan lớn đã ban cho, huống gì những điều quan lớn vừa nói là những điều tốt lành cho dân đen chúng con.

Một người dân tòng mộ nói. Mọi người đồng thanh hưởng ứng ý kiến ấy. Chờ cho niềm vui mọi người lắng xuống, Nguyễn Công Trứ nhắc nhở, động viên đôi điều rồi cho họ giải tán, chỉ mời một số lão nông tri điền ở lại cùng ông bàn bạc những công chuyện cần phải làm sắp tới.

Nguyễn Công Trứ lắng tai nghe họ trình bày và ghi nhận hết những gì họ cho là hay. Tam ngu thành hiền. Không phải là ông không tin họ, nhưng đây là chuyện liên quan đến nhiều người, nên ông mang những ý kiến ấy đi hỏi thêm những người hiểu chuyện. Và ý kiến của người học trò nghèo trong vùng có tên là Phí Quý Trại, ông thấy cũng hay. Những người nguyên mộ ở đây, ông đều biết tên biết mặt, biết tâm tính của từng người, thế mà ông không ngờ người học trò nghèo ấy lại rành ruộng đồng không thua gì anh nông dân thực thụ. Những lão nông tri điền khi nghe ông bàn kế hoạch đắp đường, làm mương có phần khác với kế hoạch trước đây của họ, họ phải thừa nhận kế hoạch ấy hợp lý hơn, lợi công hơn, song họ cũng không ngần ngại đề nghị ông cho phép họ bổ sung thêm vài chi tiết. Những con đường, những kênh mương đến lúc này đã hiện ra

trong đầu ông một cách hoàn chỉnh nhất. Và ông cũng đã sung sướng báo cho họ biết kế hoạch ấy là của Phí Quý Trại. Mọi người đều ồ lên một tiếng và nói thêm cho ông biết về người học trò nghèo đã được sinh ra, lớn lên từ vùng đất tưởng như bỏ đi này.

Nguyễn Công Trứ tủm tỉm cười, rồi cảm ơn mọi người. Ông tiếp tục lên ngựa đi rảo hết vùng đất vừa khai phá. Đâu đâu, ông cũng thấy mọi người đều làm việc khẩn trương. Cỏ ở chân đồi đã nhú mầm, như vậy không bao lâu những bộ rễ của nó sẽ giữ chặt đất hơn và ông cũng được chứng kiến những mùa vàng trĩu hạt.

Đê ngăn lũ cơ bản đã hoàn thành, Nguyễn Công Trứ chỉ giữ lại bộ phận nhỏ hộ đê, rồi họp dân triển khai kế hoạch làm đường và mương mán nội đồng, kể cả những kênh rạch vừa giữ nước, vừa tiện lợi cho sự đi lại của nhân dân bằng thuyền. Theo ông, giao thông càng thuận lợi bao nhiêu, thì tâm hồn con người càng thoáng bấy nhiêu. Giữ lại năm ba thước đất, bà con cũng không giàu hơn, trái lại hạn chế tình làng nghĩa xóm. Bán bà con xa mua láng giềng gần. Ở đây, họ là những người lưu tán, không kết dính họ lại với nhau thì làm sao giúp họ an cư lạc nghiệp được. Từ ý nghĩ ấy mà Nguyễn Công Trứ đã chú trọng đến vấn đề giao thông ở vùng đất mới.

Nhờ trên dưới đồng lòng nên trước khi vào vụ mùa, hệ thống tưới tiêu được hình thành trên khắp vùng đất Tiền Châu. 18.970 mẫu ruộng cho hơn 2.350 dân đinh mộ đã cơ bản ổn định nơi ăn chốn ở, Nguyễn Công Trứ tin chắc cuộc sống của những người dân lành này sẽ khá lên sau vài vụ mùa.

Nguyễn Công Trứ dâng biểu về kinh tạ ơn vua và xin được thành lập huyện mới với tên gọi là huyện Tiền Hải, gồm bảy tổng: Tân Cơ, Tân An, Tân Định, Tân Thành, Tân Hưng, Tân Phong, Tân Bồi. Và ông xin triều đình cho khẩn hoang tiếp những vùng đất còn hoang hóa.

Những đề đạt của Dinh điền sứ Nguyễn Công Trứ được triều hồi đáp rất nhanh. Nguyễn Công Trứ lấy làm sung sướng, bởi ông có nhiệt tâm, nhiệt huyết tới đâu mà thánh thượng không châu phê thì chẳng làm nên cơm nên cháo gì. Với ông, đó là tin vui và ông đem tin vui ấy đến cho mọi người.

Vẫn theo bài bản cũ, cộng thêm nhiều người có thực tế từ việc khẩn hoang ở Tiền Hải giúp đỡ quan Dinh điền sứ tận tình, nên công việc cứ như dòng sông tuôn chảy. Khẩn hoang tới đâu, Nguyễn Công Trứ cho lập làng tới đó. Và sau huyện Tiền Hải, Nguyễn Công Trứ đã lập thêm được một tổng ở huyện Nam Trực (Nam Định), một tổng thuộc huyện Giao Thủy (Nam Định). Công việc khai khẩn đất hoang cứ cuốn lấy ông và ông lấy làm thích thú. Đời, đối với ông lúc này chẳng nghĩa lý gì, nếu làm toàn những việc vô nghĩa lý. Dù xây chín cửa phủ đồ, không bằng làm phúc cứu cho một người. Do đó, ông thấy vui ở công việc và thấy cuộc sống có ý nghĩa hơn lúc nào hết. Nhìn những người dân đói khổ vì chiến tranh, loạn lạc, nhất là không có mảnh đất cắm dùi, nay đã có khí sắc, ông thầm cảm ơn đất trời, cảm ơn tổ tiên đã cho ông can đảm, sáng dạ để nghĩ ra và làm được những điều có lợi cho bá tánh.

Năm sau, Nguyễn Công Trứ được sự đồng ý của triều đình, tiếp tục khai khẩn ở hạt Ninh Bình, lập ra huyện Kim Sơn với 14.600 mẫu ruộng, quy tụ được 1.260 dân đinh và cũng chia làm bảy tổng: Chất Thành, Hồi Thuần, Quang Hậu, Hướng Đạo, Tự Tân, Tuy Lộc, Lai Thành.

Nhìn hàng xoan tro trĩu lá, Nguyễn Công Trứ những tưởng được vui cái tết với những người đồng cam cộng khổ trong thời gian qua. Với ông, những người lưu tán đang sinh sống trên vùng đất mới sẽ được hưởng cái tết vui nhất và không ai còn cái cảnh như ông ngày nào "co căng đập thẳng bàn ra cửa" vào đêm ba mươi tết. Nói họ được sung túc thì chưa hẳn, nhưng ông biết tết này không ai phải đói, phải ăn cháo, trái lại họ có

cái tết đầy đủ với gạo mới, nếp thơm. Thịt rượu chưa phải ê hề, song nhà nào cũng có thể có. Đòi người nông dân một nắng hai sương, quần chằm áo vá mà đã được như vậy là đã đổi đời. Suốt chiều dài đất nước, nếu đâu đâu dân chúng cũng được như thế thì chưa dám sánh với thời Nghiêu – Thuấn, nhưng cũng đã đạt tới bờ hoàn thiện.

Nhân sinh tự cổ thù vô tử,

Lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh.

(Người đời xưa nay ai không chết,

Để lại lòng son sáng sử xanh).

Nguyễn Công Trứ rung đùi khể ngâm và thảm nhủ, bài Quá Linh Đình dương (Qua biển Linh Đình) đủ làm Văn Thiên Tường (1236-1282) sống mãi. Cuộc đời của ông ta cũng khá đẹp và xứng đáng là bậc nho tướng.

Nguyễn Công Trứ còn đang nghĩ cách tổ chức một cái tết thật vui cho những người lưu tán, thì có chiếu chỉ của triều đình triệu ông về kinh, bổ làm Hữu Tham tri bộ Hình.

Lệnh vua không thể chần chờ, Nguyễn Công Trứ bàn bạc với quan sở tại sắp xếp công việc, tiến cử một số người mà ông cho là đủ khả năng để chận dắt con dân thực hiện được những ước mơ của người nông dân bao đời đói nghèo.

Tám lòng son của ông chưa là gì với sử xanh, nhưng cũng lấp lánh với những người sống chung quanh ông. Là người can trường đã từng vào sinh ra tử, đối mặt với làn tên mũi dáo, nhưng ông cũng phải ứa nước mắt trước những tình cảm của quân dân sở tại, nhất là những người dân lưu tán dành cho ông.

Nghe tin Nguyễn Công Trứ về kinh nặn nhiệm vụ mới, mọi người đổ xô tới nhà thăm hỏi, chúc mừng nhưng nước mắt rưng rưng.

Tới ngày lai kinh, Nguyễn Công Trứ cùng các quan sở tại lại thêm bất ngờ mới. Dọc hai bên đường, những người dân lưu tán kẻ càn nệp, người con gà, buồng chuối, thậm chí có người xâu vào cọng cỏ vài con cá quả, vài con rô mè. Họ muốn ông nhận tất, vì đây là tám lòng của họ. Cửa tuy bắt túc tâm rầy hữu dư. Ông hiểu và cảm động vô ngần, nhưng làm sao nhận cho hết. Ông sai lính hầu nhận mỗi người một ít để vui lòng. Nhiều người còn lặn ra càn đầu ngựa, van xin ông ở lại với họ. Triều đình có bất tội thì họ sẽ chịu tội thay. Triều đình có cách chức thì họ sẽ chung hùn nhau nuôi gia đình ông sống suốt đời. Có rau ăn rau, có mắm ăn mắm, nhưng họ hứa sẽ không để cho ông và gia đình quần chằm áo vá.

Thương lắm ! Nguyễn Công Trứ không khóc mà nước mắt rưng rưng. Ông xuống ngựa đỡ từng người dậy, và vỗ yên họ.

- Các người cứ về lo công việc. Quân xử thần tử, thần bắt tử bắt trung, nên ta phải về phục mệnh. Các người lo làm ăn, thương yêu đùm bọc lẫn nhau. Đừng nghe lời phỉn dụ của những kẻ ngông cuồng mà rước họa vào thân. Được vậy, chính là các người trả ơn triều đình, trả ơn ta.

Và phải mất hơn một thời gian dài, Nguyễn Công Trứ mới đi ra khỏi được địa phận Tiền Hải. Đi cho họ nhớ, ở cho họ thương. Lời cha răn mẹ dạy ngày nào, ông đã làm được, thế là quý. Giàu có, vinh hiển chẳng là chi, nếu ngày nào cũng có người nguyện rửa. "Cách vật, trí tri, chính tâm, thành ý, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ". Càng lúc, Nguyễn Công Trứ càng thấm thía lời dạy của Khổng tử. Có tu thân thì mới làm sáng được cái đức sáng, mới thân dân mà canh tân cho dân. Có cách vật, có trí tri thì mới biết được vật có gốc ngọn, vật có trước sau, mà có biết được trước sau mới gần được đạo: đạo Trời, đạo Đất, đạo Người. Ngó thể chứ khó lắm thay. Sống phải đạo không

phải ai muốn cũng được, nếu không biết tu thân. Khổng tử đã từng sung sướng nói: "Sáng được nghe đạo thì chiều có chết cũng đành" (Triều văn đạo, tịch tử khả hỷ), còn Lão tử thì cầu mong: "Cầm giữ được Đạo xưa để chế ngự được cái có hiện nay" (Chấp cổ chi Đạo dĩ ngự kim chi hữu), hoặc cái đạo mà Trang tử hằng mong ước chẳng khác chi các bậc tiền nhân hằng mơ ước: "Hi Vi được Nó (đạo) mà nắm được yếu chỉ của trời đất. Phục Hy được Nó mà đạt được cái nguồn gốc của nguyên khí. Bắc Đẩu được Nó mà chiếm được địa vị không thay đổi một mình. Mặt trời, mặt trăng được Nó mà vận chuyển không ngừng. Kham Phi được Nó mà làm được thần núi Côn Lôn. Phùng Di được Nó mà rong chơi ở các sông to. Kiên Ngô được Nó mà ở Thái Sơn. Hoàng Đế được Nó mà lên đến chốn mây trời. Chuyên Húc được Nó mà ngự cung Huyền. Ngung Cường được Nó mà đứng ngay Bắc cực. Tây Vương Mẫu được Nó mà ngồi ở ngay ngôi đến Thiệu Quảng. Không ai biết Nó sinh từ bao giờ, không ai biết bao giờ Nó mới chết. Bành Tổ được Nó mà sống từ đời Hữu Ngu đến đời Ngũ Bá. Phó Duyệt được Nó mà giúp Vũ Đinh gồm thiên hạ lên tận cõi Đông, cưỡi sao Cơ, sao Vĩ mà sánh vai với các vì tinh tú"(1). Nhưng ông không mong lên cung Quảng, cũng chẳng cần đến chốn mây trời. Ông muốn sống gần mọi người, muốn yêu thương mọi người và cũng muốn được mọi người thương yêu. Mà muốn vậy cũng phải hiểu và vận dụng được đạo Trời, đạo Đất, đạo Người, chớ không phải nắm đó cầu được ước thấy. Mọi việc đều dễ dàng cả thì đâu còn chi gọi là đời, đâu còn chi để phân biệt ai là quân tử, ai là tiểu nhân.

(1) Hi Vi đặc chi dĩ khiết thiên hạ. Phục Hy đặc chi dĩ tập khí mẫu. Duy Đẩu đặc chi chung cổ bất thắc. Nhật nguyệt đặc chi chung cổ bất tức. Kham Phi đặc chi dĩ tập Côn Lôn. Phùng Di đặc chi dĩ xử Thái Sơn. Hoàng Đế đặc chi dĩ đăng vân thiên. Chuyên Húc đặc chi dĩ xử Huyền cung. Ngung Cường đặc chi lập hồ Bắc cực. Tây Vương Mẫu đặc chi tọa hồ Thiệu quảng. Mạc tri kỳ thủy, mạc tri kỳ chung. Bành Tổ đặc chi thượng cập Hữu Ngu, hạ cập Ngũ Bá. Phó Duyệt đặc chi dĩ tướng Vũ Đinh, yêm hữu thiên hạ, thừa đông duy kỳ Cơ Vĩ nhi tỷ ư liệt tinh.

Nghĩ về những gì đã qua và những gì vừa xảy ra ở vùng đất ông đã thực hiện được phần nào ước mơ của đời người, Nguyễn Công Trứ càng thấm thía lời dạy của thánh nhân: "Dân khả cận. Bất khả hạ. Dân duy bang bản. Bản cố bang minh" (Dân nên thân cận. Không nên coi khinh. Dân là gốc nước. Gốc có bền, nước mới an ninh).

Chương 8

Nhìn cảnh trời mây yên ả mà chứa đầy giông bão, núi sông hùng vĩ mà đang chứa hận thù, Nguyễn Công Trứ thầm than: Đáng nhẽ bút nghiên mà kiếm mã, Thương ôi kim chỉ cũng phong trần. Rồi đây ai còn ai mất, bao nhiêu góa phụ, trẻ thơ trên đầu chít trắng khăn tang ? Tại sao cảnh này cứ phải diễn ra ? Đói khổ đổ xuống đầu ai trước ? Vua quan hay những vị chủ tướng, hay những người lính, những dân lành vô tội chịu đói khổ trước ? Túi giang san bốn bề cũng là nhà, Nền vương thổ cả trong trời đất Việt. Nghĩ vậy có phiền diện chẳng ? Nghĩa của đời người là gì ? Hết câu hỏi này tới câu hỏi khác cứ hiện ra trong trí ông. Nhưng khi nhận chỉ dụ lên đây, Nguyễn Công Trứ biết tên đã lên cung, kiếm được rút khỏi vỏ và không còn con đường nào khác là phải tiến lên, phải thể hiện được mình. Nguyễn Công Trứ tự động viên:

Ba vạn sáu ngàn ngày thấm thoát,

Từ mọc răng cho đến bạc đầu.

Cõi nhục vinh góp lại có bao lâu,
 Ngồi thử gẫm thợ trời thù khéo quá.
 Núi tự tại, có sao sông bắt xả,
 Chim thì lông, hoa thì cánh, công đâu tạo hóa khéo thừa trừ.
 Từ nghìn trước để nghìn sau,
 Kết cục lại một người riêng một kiếp.
 Nhập thế cục bất khả vô công nghiệp,
 Xuất mẫu hoài tiện thị hữu quân, thân.
 Mà chữ "danh" liền với chữ "thân",
 Thân đã có, ắt danh âu phải có.
 Nay phút chốc kim rồi lại cổ,
 Có hện gì sau chẳng bằng nay.
 Râu mày kia hời râu mày.

Nguyễn Công Trứ vẫn băn khoăn về cảnh binh đao không tránh khỏi ở vùng núi non trùng điệp này. Thấy con gà, con vịt bị cắt tiết còn thương thay hướng chỉ thấy con người bị đầu rơi máu đổ.

Nhìn địa thế và nghiền ngẫm sự việc, Nguyễn Công Trứ biết đây là việc khó, khó hơn lúc dẹp loạn Phan Bá Vành gấp nhiều lần. Nông Văn Vân nổi loạn chẳng qua vì bất mãn với triều đình. Ở điểm này, Nguyễn Công Trứ thấy triều đình xử có phần nặng tay. Nhưng nghĩ cho cùng, Nguyễn Công Trứ không biết trách ai, bởi ai cũng giữ phận mình, lo đến sự an nguy của mình. Nông Văn Vân là em rể Lê Văn Khôi – con nuôi Lê Văn Duyệt, Tổng trấn Gia Định thành. Nông Văn Vân là con trai của tri châu huyện Bảo Lạc – huyện lớn nhất của tỉnh Cao Bằng. Nông Văn Vân thay cha làm tri châu Bảo Lạc cũng chưa có gì sai sót. Và lại, dân miền cao là như thế. Triều đình cũng đã từng phong sắc thần nhiều nơi để quy tập dân chúng kia mà. Lê Văn Khôi nổi loạn ở Phiên An (Gia Định) là của Lê Văn Khôi, chớ tại sao triều đình cách chức tri châu của Nông Văn Vân và lại còn bắt anh ta cùng thuộc hạ sung quân? Tức nước vỡ bờ cũng phải thôi. Hơn 450 năm trước, Chiêu Văn Trần Nhật Duật tuổi còn trẻ mà đã biết chiêu dụ những thổ hào trên này để chống giặc Nguyên – Mông và đã giành chiến thắng, giữ yên bờ cõi. Bài học đơn giản, rõ ràng thế mà người có vị trí như Nông Văn Vân, triều đình lại xử lý không mấy hợp tình, hợp lý.

Khi nhận được lệnh phối hợp với cánh quân Lê Văn Đức, cánh quân thứ ba từ Tuyên Quang kéo xuống, Nguyễn Công Trứ biết vụ này không đơn giản chút nào. Triều đình không chỉ lấy quân ở các tỉnh phía Bắc mà còn điều quân từ miền Trung ra, đủ thấy thế và lực của Nông Văn Vân mạnh gấp nhiều lần Phan Bá Vành thuở trước. Nếu tính hết cánh quân của Tạ Quang Cự, Tổng đốc An Tĩnh kéo ra phối hợp với đạo quân của Vũ Văn Từ ở Cao Bằng và đạo quân của Nguyễn Đình Phổ, Phạm Văn Điển từ Thái Nguyên kéo lên và cánh quân của ông thì đã hơn bốn nghìn quân, chưa kể dân phu và voi trận. Nhưng nhiều quân chưa phải là yếu tố quyết định để làm nên chiến thắng. Chỉ một thời gian ngắn mà Nông Văn Vân đã làm mưa làm gió các miền núi phía Bắc, nhất là khiến cho các quan đầu tỉnh Cao Bằng phải mặc triều phục, đặt hương án lễ vọng về nhà vua rồi thất cổ chết, như Bố chánh Bùi Tăng Huy, Lãnh binh Phạm Văn Lưu. Án sát Phạm Đình Trực thì đào hố tự chôn mình cùng những bằng sắc để tạ ơn vua. Tuần phủ Hoàng Văn Quyền đi cứu viện Cao Bằng đã bị quân của Nông Văn Vân bắt sống, v.v...

Tình thế quả là bi đát ! Nhưng chuyện đã vậy thì phải biết vậy và tìm cách xoay xở chứ biết làm sao. Cơm vua lộc nước không cho phép ông tính thiệt hơn. Không có Nguyễn Công Trứ thì triều đình cũng có những Nguyễn Công Trừ, Nguyễn Công Trữ gì gì đó để thực hiện nghĩa quân thần. Không có mợ chợ cũng đông, mợ đi biệt tích không mong mợ về. Do đó, ông không thể ngồi tụng kinh gõ mõ cầu quốc thái dân an giữa lúc dầu sôi lửa bỏng này. Và đã nói tới chiến trận thì phải nói tới sự chết chóc. Đồng ý, nhất tướng công thành vạn cốt khô, nhưng cái giới của người làm tướng là làm sao tránh được sự thiệt hại nhân mạng của đôi bên càng nhiều càng tốt.

Khẩu hiệu phù Lê của Nông Văn Vân quá lỗi thời và không mấy ai tin lời nói ấy từ miệng một anh thổ hào. Thời của thân phụ ông phù Lê đã không được, huống gì đã trải qua triều Tây Sơn, bây giờ là triều Nguyễn thống nhất sơn hà. Trước mắt, khí thế của Nông Văn Vân có mạnh thật, nhưng xét về lý thì cái thua cũng đã rõ. Những trận thắng ban đầu của y, chẳng qua quan quân triều đình ở đây không chịu nghĩ tới “địa lợi” của y mà thôi, chứ dễ đâu gì.

Xuất chính hơn mười năm, ông đã nếm đủ mùi vị của chốn quan trường. Trên đường danh lợi vinh liên nhục, Giữa cuộc trần ai khóc lộn cười. Nhưng Nguyễn Công Trứ không hề trách chi ai. Việc ông làm, đứng về mặt nhiệt tâm nhiệt huyết mà xét thì không sai, song ông tin sẽ sai nếu cứ để ông làm vậy mà không chấn chỉnh kịp thời. Trách bị trách kỷ. Gia có gia pháp, trường có trường qui, huống gì đất nước. Nếu cứ nể vì những kẻ có công, thì còn gì phép nước. Do đó, ông không buồn chút nào.

Rời Tiền Hải về kinh làm Hữu Tham tri bộ Hình rồi nhận lệnh vua vào Quảng Nam tra xét một vụ kiện cáo. Điều ấy cho thấy triều đình đã coi trọng ông, nâng phẩm giá của ông lên. Nhưng công việc chưa đâu vào đâu, thì ông bị triệu gấp về kinh rồi bị giáng bổ Tri huyện ở kinh. Mới đầu, ông còn giận lắm, buồn lắm. Trâu cọt ghét trâu ăn. Thói đời đáng trách ! Cả tháng liền, Nguyễn Công Trứ tìm vui trong câu thơ chén rượu, trong tiếng hát của ca nương.

Thế thái nhân tình gớm chết thay,

Lạt nồng trong chiếc túi vơi đầy.

Hễ không điều lợi khôn thành đại,

Đã có đồng tiền dờ hóa hay.

Khôn khéo chẳng qua ba tác lười,

Hắn hoi không hết một bàn tay.

Suy ra cho kỹ chi hơn nữa,

Bạc quá vôi mà mỏng quá mây.

Đâm thọc làm gì. Khổng tử đã dạy: "Cái nhanh thành hiệu của đạo làm người là việc chính trị, cái nhanh thành hiệu của đạo đất là sự mọc cây cối. Ấy việc chính trị cũng như cây lau cây sậy vậy. Cho nên làm việc chính trị cốt ở dùng người hiền, sửa mình mà dùng người hiền, lấy đạo mà sửa mình, lấy nhân mà sửa đạo". Do đó, bổ nhiệm anh học trò nghèo rành việc nông tang, biết thương người, coi sóc vùng đất mới mở có gì quá đáng đâu, có lợi gì về đường vật chất cho ông đâu. Vả lại, trước khi rời Tiền Hải, ông cũng đã bàn bạc và tiến cử Phí Quý Trại với quan Hiệp trấn Nam Định Nguyễn Nhưặc Sơn. Cả hai cùng nhất trí chứ phải mình ông tự tung tự tác đâu. Nhưng nói ra điều này để gỡ tội thị phi là hèn. Kéo những người có lòng với mình vào chỗ thị phi là không nên làm. Thỉnh tụng ngô do nhân dã, tất đã sử vô tụng hồ (xử kiện thì ta cũng

như người, sao khỏi xử kiện mới hay). Càng nghĩ, Nguyễn Công Trứ thấy cần phải can đảm hơn, hiên ngang hơn, đừng vì một chút công danh mà tự đánh mất mình.

Tang bồng hồ thử nam nhi trái,

Cái công danh là cái nợ nần.

Nặng nề thay đôi chữ "quân thân",

Đạo vi tử vi thân đâu có nhẹ.

Cũng rắp điền viên vui tuế nguyệt,

Trót đem thân thể hẹn tang bồng.

Xếp bút nghiên theo việc kiếm cung,

Hết hai chữ "trung, trinh" báo quốc.

Một mình để vì dân vì nước,

Túi kinh luân từ trước đến nghìn sau.

Hơn nhau một tiếng công hầu.

Và Nguyễn Công Trứ nhìn ra cái sai của mình. Triều đình giáng cấp ông cũng là cái may cho ông chớ chưa hẳn là rủi. Sau năm năm thống nhất sơn hà, triều đình đã tổ chức khoa thi hương đầu tiên để kén chọn nhân tài, chớ đâu còn tiến cử nữa mà ông lập lại thứ trật tự của thời loạn lạc. Chính bản thân ông cũng phải ới mặt với sách đèn mới được như ngày nay, chớ nào phải gập lút chớ nhảy bàn đọc đâu. Lẽ ra những người như ông phải hiểu trước chứ. Dĩ nhiên trong việc này cũng có chút gì đó ghen ăn ghét ở và nó sẽ là bài học khôn cho ông. Đi lại chẳng qua thời vận mệnh, Cũng đừng thất mắc với lo lường. Cây ngay không sợ chết đứng !

Và Nguyễn Công Trứ đã nghĩ đúng, làm đúng, mặc cho tiếng đời, mặc cho những nụ cười mỉa của ai đó thường ngày. Năm sau (Minh Mệnh thứ 12), Nguyễn Công Trứ được thăng làm Lang trung nội vụ, rồi chẳng mấy tháng được bổ Bô chánh Hải Dương. Minh Mệnh thứ 13 – 1832, Nguyễn Công Trứ được thăng hàm Binh bộ Tham tri, thụ Tổng đốc Hải An (Hải Dương, Quảng Yên).

Đã vượt qua cái tuổi "tri thiên mệnh", Nguyễn Công Trứ không còn háo hức mấy về đường công danh. Chữ hiếu đối với quê hương, tổ tiên, ông bà, cha mẹ coi như ông đã tròn. Về mặt trung quân, ái quốc, ông cũng đã làm được một số việc nghĩ cũng không thẹn với lòng. Nhưng, sống thì phải học tập, phải làm việc, đó là cái đạo. Và Nguyễn Công Trứ lần nữa "hăm hờ ra tài kinh tế".

Là bậc dân chi phụ mẫu, Nguyễn Công Trứ không thể khoanh tay ngồi nhìn dân nghèo thiếu đầy cày cày mà đất hoang thì lệnh ra đó. Bài học từ Phan Bá Vành vẫn còn rực sáng trong trí não ông. Những cuộc nổi loạn xảy ra trong thời gian qua, cái chính là do nghèo đói. No thành tiên thành phật, đói ra ma ra quỷ. Một khi người ta không có cơm ăn no, không đủ áo mặc ấm thì họ rất dễ nghe những lời phỉnh dụ. Bởi họ có còn gì để mà sợ mất. Và nếu có mất chẳng, thì họ chỉ mất cái đói cái nghèo. Do vậy, muốn an dân, trước tiên phải tỏ rõ cái quyền uy, rồi sau đó mới dùng nhân nghĩa. Trị quốc cũng như tề gia, nhưng phải tùy vào hoàn cảnh, tùy vào từng con người, thậm chí phải tùy vào đặc tính văn hóa của từng địa phương, chớ không thể chung chung được. Nghĩ ra vấn đề, Nguyễn Công Trứ đến gặp Tuần phủ Lê Đạo Quảng cùng bàn bạc kế sách an dân.

Tuần phủ Lê Đạo Quảng không ngờ Nguyễn Công Trứ lại đích thân đến thăm mình. Lê Đạo Quảng lấy làm vui vẻ lắm. Sau vài lời khách sáo cho phải phép, Lê Đạo Quảng

chẳng cần giấu giếm gì tình hình dân chúng trong địa phương, rồi cả hai cùng bàn biện pháp tháo gỡ.

Nhờ vào tiếng tăm ngày dẹp loạn Phan Bá Vành và khai khẩn đất hoang cùng với sự ưu ái của vua Minh Mệnh trước đây cũng như hiện tại, nên Tuần phủ Lê Đạo Quảng không muốn làm phật lòng vị nho tướng nhiều tài lắm tật này. Lê Đạo Quảng một điều cũng “quan anh”, hai điều cũng “quan anh” và mọi việc chỉ có quan anh nhúng tay vào thì em mới nở mày nở mặt.

Nguyễn Công Trứ mỉm cười, cáo từ ra về. Nhớ lại những lời lẽ, cử chỉ của Tuần phủ Lê Đạo Quảng, Nguyễn Công Trứ mới thấy rằng việc thuyết phục một con người thôi cũng đã khó, nếu ta thiếu tài, thiếu đức, thiếu cả chút... thế lực. Tình hình dân chúng ở đây không thể áp dụng như ở Nam Định được. Suy đi nghĩ lại, Nguyễn Công Trứ bèn làm bản tấu về kinh: "Tại hạt Quảng Yên đất hoang còn nhiều kể hàng ngàn mẫu, nhưng dân ở đây chỉ quen nghề chài lưới, buôn bán, ít thích làm ruộng, nay xin cấp tiền công cho bọn thú binh cày khẩn và xây đê điều ở các nơi, hễ lúa thu được bao nhiêu thì chia ra làm ba phần, lấy hai phần bỏ kho, còn một phần thì quân cấp cho lính, lúc nào thành điền sẽ mộ dân cai quản theo lệ ruộng công mà trưng thu"(1)

Đối với đất hoang ở Hải Dương, Nguyễn Công Trứ lại đề đạt một chính sách khác: "Tại tỉnh Hải Dương, ruộng hoang kể được hàng nghìn mẫu, xem địa thế thì khai khẩn cũng dễ, xin sai bọn mộ lính ở các vệ chia ban mà khẩn thị, khi thành điền thì cấp cho làm ruộng thế nghiệp, theo lệ ruộng tư trưng thuế, còn ngư canh điền khí thì theo lệ dinh điền năm trước, lấy của công mà cấp phát"(2).

(1)+(2) Dẫn theo Vũ Ngọc Khánh sđđ, trang 176.

Tiếng lành đồn xa, tiếng dữ đồn ba ngày đường. Nghe tin quan Tổng đốc Hải An là quan Dinh điền sứ trước đây đang mộ dân khai khẩn đất hoang, nhiều người ở Tiền Hải, Kim Sơn tìm đến xin tình nguyện giúp ông hướng dẫn quân lính triều đình và nhân dân trong vùng khai phá.

Nguyễn Công Trứ vui lắm. Cái nhân ông gieo ngày nào, bây giờ đã gặt được quả. Cái tình cái nghĩa là vậy. Ở Tiền Hải, Kim Sơn, ông không chỉ khơi được nguồn sống cho lương dân mà còn khơi được tình người trong mỗi con người của họ. Nguyễn Công Trứ tiếp đón họ như tiếp đón những người thân đi xa mới về, và cùng họ bàn bạc công việc một cách chi tiết như ngày nào còn ở Tiền Hải.

Đông tay vỗ nên kêu, chẳng bao lâu hạt Quảng Yên có thêm ba xã mới: Lưu Khê, Vĩ Dương và Yên Phong với số đất khai phá: 3.500 mẫu. Hải Dương có thêm làng Minh Liễn...

Nhìn những gương mặt rạng ngời của nhân dân có ruộng cày và cánh đồng thẳng tắp đang sục bùn, Nguyễn Công Trứ lấy làm vui lắm. Ôn vua nợ nước, ông đã trả được phần nào. Vui lắm ! Vui lắm !

Niềm vui ấy chưa dứt, thì niềm vui khác lại đến với Nguyễn Công Trứ. Nguyễn Công Trứ được chính thức nhậm chức Tổng đốc, hàm chánh nhị phẩm triều đình. Đúng là, gái có công chồng không phụ. Nhưng cái vui lớn nhất của ông là dân nghèo ở những nơi ông trấn nhậm đã có cái ăn cái mặc. Thời trai trẻ, tuy chưa đến nỗi nào so với những cái nghèo ông đã gặp, nhưng ông đã hiểu thế nào là đói nghèo. Ông hy vọng và tin rằng, cái chức, cái tước của triều đình ban thưởng cho ông cũng chính là ban thưởng cho những người dân dưới quyền cai quản của ông. Ông nghĩ, nếu càng có uy tín với triều đình, thì ông càng có điều kiện cứu dân giúp nước hơn. Bởi người có lòng vị tha lớn

bao nhiêu mà trong tay không có quyền hành, trong nhà không có hạt gạo, ngọn rau thì chẳng làm gì được ngoài việc lo cho sự sống của bản thân. Và ông tự dặn lòng:

... Ròng mây khi gặp hội ư duyên,
Đem quách cả sở tồn làm sở dụng.
Trong lảng miếu ra tài lương đồng,
Ngoài biên thùỵ rạch mũi Can Tương.
Sĩ làm cho bách tuế lưu phương,
Trước là sĩ, sau là khanh tướng.
Kinh luân khởi tâm thượng,
Binh giáp tàng hung trung.
Vũ trụ tri gian giai phận sự,
Nam nhi đáo thử thị hào hùng.
Nhà nước yên mà sĩ được thung dung,
Bấy giờ sĩ mới tìm ông Hoàng Thạch...

*

* *



Nghĩ việc thì dễ, nhưng thực hành việc nghĩ ra không dễ chút nào. Nhìn địa thế chung quanh cùng đỉnh Pù Chè Mang, Pù Ngâm Lệnh sương mù bao phủ cùng sông Gâm nước sâu nhìn không thấy đáy, những eo dốc quanh co như Ngâm Pác Thốc, những vực sâu như Thòm Cò Nghè, những hồ rộng như Thòm Lồm, v.v... Nguyễn Công Trứ biết đó là những trở ngại lớn cho quân triều đình và khó lòng lấy số đông mà áp đảo, làm nên chiến thắng. Đây còn là chốn rừng thiêng nước độc, càng kéo dài ngày nào thì quân triều đình càng khốn khó ngày đó. Bệnh rụng tóc vàng da cho quân triều đình ắt không tránh khỏi. Suy đi tính lại, Nguyễn Công Trứ cho án binh bất động, dưỡng quân và dâng biểu về triều: "Hạ thần lần đầu tiên mới đến vùng đất này, chưa am tường chỗ bằng chỗ hiểm, không dám vội hành động"(1).

(1) Dẫn theo Vũ Ngọc Khánh, sđd, trang 182.

Nguyễn Công Trứ biết, khi nhận được những lời lẽ ấy, triều đình sẽ quở trách, thậm chí có thể cách chức ông, nhưng vì tính mạng của hàng trăm người, ông không thể không can trọng. Ngựa trạm đi rồi, Nguyễn Công Trứ tiếp tục lo nghĩ song không có phương án nào hoàn hảo. Ai cũng cho Nguyễn Công Trứ bạo gan, còn ông thì cho đó là trách nhiệm của người làm tướng. Nếu vì chuyện ấy, triều đình lột áo mũ, đuổi ông về quê chăn trâu, giữ vịt, ông cũng an lòng. Mà có thật vậy, thì triều đình chỉ biết mình chứ chẳng cần biết chi ai và khó thể ngồi lâu để trị vì thiên hạ. Ngày xưa, "... Khi Kiến Thúc vào, Tần Mục Công xuống thêm nghênh tiếp, mời ngồi và hỏi rằng:

- Bách Lý Hề thường nói tiên sinh là người hiền, xin tiên sinh chỉ bảo cho.

Kiến Thúc nói:

- Nước Tần ta ở cõi tây này tiếp giáp với các nước Nhung, Địch, đất hiểm quân mạnh, mà không được bằng các nước Trung Quốc là chỉ vì không có đức đó thôi. Không có uy

thì sao cho người ta sợ; không có đức thì sao cho người ta mến; người ta không sợ, không mến thì bá chủ thế nào được.

Tần Mục Công nói:

- Uy và đức, hai điều ấy điều nào nên làm trước ?

Kiến Thúc nói:

- Nên lấy đức làm gốc, lại có uy để giúp vào. Nếu có đức mà không có uy thì sao giữ được nước, có uy mà không có đức thì sao yên được dân.

Tần Mục Công nói:

- Ta muốn sửa đức mà lập uy thì nên làm thế nào ?

Kiến Thúc nói:

- Dân nước Tần ta tập nhiễm phong tục mọi rợ, không biết lễ nghĩa, nay muốn cho dân biết tôn kính người trên thì tất phải dùng giáo hóa và hình phạt. Có giáo hóa thì dân biết ơn, có hình phạt thì dân biết sợ, bấy giờ kẻ trên người dưới, khác nào như thể trong một người. Quân Di Ngô giúp nước Tề mà sai khiến được thiên hạ cũng vì lẽ ấy".

Chuyện người xưa ghi thế vào Nguyễn Công Trứ không chỉ nghĩ thế mà còn tin rằng, Minh Mệnh không phải là vị hôn quân. Những việc đã xảy ra với bản thân ông trong thời gian vừa qua đã khẳng định điều ấy.

Nhờ bản tấu "bạo gan" của Nguyễn Công Trứ mà cánh quân của đạo Tuyên Quang được nghỉ ngơi, trong lúc những cánh quân khác không có một ngày yên.

Và thánh chỉ cũng đã tới.

Nguyễn Công Trứ cúi đầu tiếp nhận thánh chỉ. Mọi người đều hồi hộp lắng tai nghe, rồi thở ra nhẹ nhõm.

- Chúc mừng tướng quân được thánh thượng gia ân. – Lê Văn Đức mừng rỡ ra mặt, nói tiếp: - Tôi tin và quý trọng tướng quân đã lâu, nên mới để mặc tướng quân lập tờ biểu ấy... Nói tướng quân đừng cười, mấy ngày qua, tôi ăn không ngon ngủ không yên. Nhiều đêm, giật mình thức giấc, tôi vội sờ thử cái đầu của mình có còn trên cổ hay không.

Nguyễn Công Trứ cười vui đáp lễ:

- Tôi phải cảm ơn quan huynh mới đúng. Chúng ta giúp đỡ nhau cũng chỉ vì mong được tích phước cho triều đình. Nếu không có quan huynh ngầm động viên thì dù có mười sáu cái đầu, Trứ này cũng không dám.

Lê Văn Đức cười vang, nói đỡ lời:

- Không dám, không dám. Nghe những lời trách yêu của thánh thượng, tôi vừa sợ nhưng cũng vừa thấy được thơm lây khi được cùng tướng quân chịu trách nhiệm đạo quân này.

Sau những lời nói vui, cả hai người trở lại công việc mà họ đang lấy đầu thử đoán số mệnh. Họ biết, án binh bất động hoài thì không được, bởi làm vậy cũng đồng nghĩa với việc nằm chờ chết; còn tiến đánh thì tiến đánh làm sao ? Quân triều đình đang ở ngoài sáng, còn địch ở trong bóng tối. Thiên thời, địa lợi, nhơn hòa, quân triều đình không nắm được phần nào vững chắc. Cứ tiến ào ào ạt ạt như đạo Thái Nguyên của Nguyễn Đình Phở thì cảm chắc cái thua, vừa tổn quân, không khéo lại mất tướng... Càng nghĩ, cả Nguyễn Công Trứ lẫn Lê Văn Đức càng thấy như đi vào ngõ cụt. Cả hai nhìn nhau

thờ dài và đồng ý trở về động viên quân sĩ chờ ngày hành động, khi tình thế buộc phải hành động.

Suy nghĩ của Nguyễn Công Trứ không mấy sai. Thắng thua ở chiến trận là chuyện thường, nhưng tin Án sát Nguyễn Mưu bị bắt sống không chỉ chấn động quân tình đạo Thái Nguyên mà còn gây sự dao động ở Cao - Lạng và đạo Tuyên Quang do ông và Lê Văn Đức đảm trách.

Còn đang tập trung quân lương để chuẩn bị phối hợp với Tổng thống đại thần Tạ Quang Cự ở đạo Cao - Lạng để cứu nguy đạo Thái Nguyên, thì Nguyễn Công Trứ nhận lệnh từ kinh bổ sung sang đạo Thái Nguyên với Nguyễn Đình Phổ.

Đúng là đội quân thất trận !

Nguyễn Công Trứ nhìn quân tình đạo Thái Nguyên mà thờ dài.

Nhìn cảnh này, Nguyễn Công Trứ hiểu thêm thế nào là nhứt tướng công thành vạn cốt khô. Tiến lên, tiến lên giành thắng lợi mà không hề nghĩ tới vấn đề gì khác, để bây giờ mới ra nông nổi thế này. Lương thực dự trữ không dự trữ dài ngày, không nghĩ tới bệnh tật do rừng thiêng nước độc chực chờ xâm nhập vào lục phủ ngũ tạng của quan quân từ dưới đồng bằng lên. Và lại, địa thế và dân tình ở đây như thế thì làm sao có thể tốc chiến tốc thắng ? Áo tưởng ! Và cái giá phải trả cho sự ảo tưởng ấy không rẻ.

Mọi suy nghĩ, Nguyễn Công Trứ đều báo thật về triều đình. Ông biết vua Minh Mệnh đọc xong phải giận lắm, nhưng ông không phải hạng người dối vua lừa chúa. Phải biết chấp nhận sự thật thì mới hi vọng tìm ra con đường sáng, còn ngược lại chỉ dẫn đến cửa tử. Và lần nữa. Minh Mệnh đã tỏ rõ mình là một đấng minh quân: "Lẽ nào để cho quân đội mà giết được giặc à ? Xem tờ tâu thực là bức tức ! Lũ chúng mày thực không đáng coi là loài người". Mắng là phải mắng, nhưng mắng vì không lo cho ba quân là phải lắm. Nguyễn Công Trứ lo cũng có lo mà mừng cũng có mừng. Lo vì chưa bao giờ ông phải đối đầu với việc nan giải như thế này, còn mừng là mừng vì thánh thượng có nghĩ tới ba quân..

Trở lực lớn với quân triều đình không phải vì thiếu binh hùng tướng mạnh, mà vì không hợp phong thổ, không rành địa thế, bất đồng ngôn ngữ, v.v... Từ lâu, Nguyễn Công Trứ muốn cài người vào làm công tác địch vận, song mọi việc không đơn giản. Quân thám thính đi lần này về nói thế này, lần khác về nói thế khác, không biết đâu mà hoạch định kế hoạch.

Sau nhiều ngày đêm vắt óc suy nghĩ, hình ảnh của Khổng Minh từ khi xuống núi đến lúc qua đời hiện ra trong ông. Nguyễn Công Trứ quyết định tiếp tục cho dưỡng quân, tránh giao chiến, bí mật cho đội tải lương vận chuyển lương thực dự trữ. Với ông, có ăn mới có sức và có sức mới nói chuyện xông pha trận mạc. Ngày ngày, Nguyễn Công Trứ cưỡi ngựa đi đây đó như kẻ nhàn du. Nhưng không ai biết đêm về, ông theo dõi sát sao đội quân đặc biệt do ông tuyển chọn và tham gia huấn luyện. Theo ông, đây là đội quân quyết định sự thành bại của ông trong cuộc cờ này. Và ông tin phần thắng thuộc về mình.

Trong lúc án binh bất động, thì đây đó quân triều đình vẫn đụng độ với quân của Nông Văn Vân. Ông cứ thăm mím cười, mặc cho ai đó dèm pha ông là thứ trời gà không chặt và gặp may trên đường làm quan. Trong thâm tâm, Nguyễn Công Trứ còn mong quân triều đình thua thêm mấy trận để tư tưởng chủ quan tràn ngập trong lòng anh thổ hào Nông Văn Vân cũng như trong đội quân của anh ta.

Trời cũng chiều lòng người khi chỉ dụ của vua Minh Mệnh cho rút quân về Tuyên Quang chờ lệnh. Ai nấy thở phào, hồi hả chuyển quân, riêng Nguyễn Công Trứ thì cứ trùng trùng và lệnh cho quan quân dưới quyền ai ở đâu cứ tiếp tục ở yên đó.

Chống lại chỉ dụ của vua ư ? Tướng ngoài trận tiền có quyền quyết định tất tạt và bảo đảm bằng thủ cấp của mình. Và ông tin vua Minh Mệnh là người hiểu ông, và là người thưởng phạt phân minh.

- Quân ở đâu cũng là quân triều đình sao tướng công cứ mặc họ, và tướng công cũng chần chờ thi hành chỉ dụ của thánh thượng, thiếp e...

Nghe Hiệu Thư, người hầu thiếp thở thê điều hơn lẽ thiệt bên tai, Nguyễn Công Trứ khẽ vuốt râu tằm tìm cười, nói:

- Phu nhân có ý lo cho ta như thế là tốt, nhưng đây là chuyện của đàn ông.

Hiệu Thư châm thêm trà vào chén cho ông, rồi nói lên nỗi lo của mình. Nguyễn Công Trứ trấn an:

- Phu nhân đừng bận tâm lắm. Ta biết ta đang làm những gì. Ta suy nghĩ đã lâu, nhờ phu nhân ngày mai về xuôi một chuyến.

Hiệu Thư giã nải:

- Tướng công sợ thiếp ở đây làm bận lòng tướng công ư ? Thiếp nguyện sống chết cùng tướng công mà. Tuy là hạng ca nương, nhưng thiếp không phải là kẻ tham sống sợ chết, bỏ mặc tình tướng công ở đây không ai chăm sóc miếng ăn giấc ngủ...

Nguyễn Công Trứ cười, kéo Hiệu Thư vào lòng.

- Ta hiểu. Ta nhờ nàng về xuôi và mong nàng lên đây sớm nhất.

Hiệu Thư quàng tay lên cổ Nguyễn Công Trứ, nhõng nhẽo:

- Rước cô đầu phải không ? – Thấy chồng cười, Hiệu Thư lấy ngón tay đẩy nhẹ vào trán Nguyễn Công Trứ. – Thiếp biết mà. Gì thì gì, tướng công cũng không bỏ được tính phong lưu.

Nguyễn Công Trứ nghiêm mặt, rồi cười đã lã, nói:

- “Tính tốt” khó chứa được nàng ạ. Nhưng nhiệm vụ của nàng không nhẹ đâu. Ta nhờ nàng về xuôi lần này, rước được nhiều đào kép càng tốt, nhưng ít ra cũng rước được một đoàn tuồng, một đoàn chèo.

Hiệu Thư đẩy ông ra, tròn mắt hỏi:

- Tướng công không nói chơi chứ ?

- Vâng ! Ta muốn ba quân và nhân dân quanh vùng vui chơi ít hôm cho bỏ những ngày cơ cực. Ý ta là vậy. Nàng lo thu xếp và đi về xuôi càng sớm càng tốt. Nàng phải nhớ một điều, ta và mọi người nóng lòng trông ngày trở về của nàng với tất cả những gì ta đã mong đợi.

Tiến Hiệu Thư đi rồi, Nguyễn Công Trứ mới thở dài, chép miệng: - Âu cũng là duyên số !

Ngày chính thức nhậm chức Tổng đốc Hải An, Nguyễn Công Trứ tổ chức buổi hát vừa mừng ông thăng chức, vừa liên hoan mừng công khai khẩn đất hoang lập thêm cho hạt Quảng Yên những ba xã, rồi ở Hải Dương, ở Chàng Sơn... Nói chung, nơi nào ông đến, nơi ấy dân nghèo có thêm ruộng cày. Do đó, buổi hát thật nhiều ý nghĩa và ai cũng vui thật tình, chứ không phải vui vì cần phải vui để được quan Tổng đốc chú ý.

Một cô đào không còn trẻ, nhưng giọng còn hay, sắc còn đượm được các quan dưới quyền rước đến hát mừng, bởi họ biết quan Tổng đốc rất sành nghề hát xướng.

Sau mấy tuần rượu xã giao, Nguyễn Công Trứ bước ra xin được cầm chầu. Ai nấy đồng thanh ủng hộ và vỗ tay vang trời. Đã là dân phong lưu tài tử thường ra vào xóm cô đầu, mấy ai không biết vị quan Tổng đốc này không chỉ đặt bài hát hay mà còn có ngón chầu cũng thuộc hàng tuyệt kỹ.

Thi tửu cầm kỳ khách,

Phong vân tuyết nguyệt thiên.

Nợ tang bồng hẹn khách thiếu niên,

Cực hành lạc vầy vùng cho phỉ chí.

Phong lưu từ thuở ấy rồi, chớ nào phải đợi tới hàng Tổng đốc mới học đòi phong lưu đâu.

Tiệc vui đúng là vui không chê vào đâu được. Ai nấy đều hể hả với bữa hát tuyệt vời không phân biệt nổi đâu là kẻ sang người hèn, nhất là nghe được tiếng trống chầu có thần của quan Tổng đốc.

Nguyễn Công Trứ định bỏ dùi trống đứng dậy nói mấy lời cảm ơn đào kép, thì giọng hát ngọt ngào ấy lại tiếp tục vang lên:

Giang san một gánh giữa đồng,

Thuyền quyền ử hự, anh hùng nhớ chăng ?

Những người có mặt vỗ tay cười rân. Nguyễn Công Trứ giật mình, tròn mắt nhìn cô đào và bước lại hỏi:

- Hiệu Thư đó chăng ?

Cô đào mỉm cười, cúi đầu thưa:

- Tiện thiếp cảm ơn quan lớn còn nhớ tới người ca kỹ năm xưa.

Đêm đó, cả hai người cùng thức trắng ôn lại chuyện ngày xưa và quãng đời đã qua.

Khi biết Hiệu Thư chưa chồng, Nguyễn Công Trứ không ngần ngại đặt vấn đề xin nàng làm hầu thiếp. Và trong lúc "tình trong như đã, mặt ngoài còn e", Nguyễn Công Trứ mỉm cười, vuốt râu, khẽ ngâm:

Liếc trông già đáng mấy mươi mươi,

Đem lạng vàng mua lấy tiếng cười.

Trăng xế nhưng mà cung chẳng khuyết,

Hoa tàn song lại nhụy còn tươi.

Chia đôi duyên nợ đã hơn một,

Mà nét xuân kia vẹn cả mười.

Vì chút tình duyên nên đậm thắm,

Khéo làm cho bận khách làng chơi.

Đời là thế !

Nhớ lại thời hàn vi, Nguyễn Công Trứ muốn gần nàng mà nào có được. Ngày ấy, trong giới đàn ca hát xướng, Nguyễn Công Trứ cũng biết cái giá trị của mình. Khắp vùng Hoan Châu, thậm chí kể rộng ra nữa được mấy người như ông: đàn hay, đánh trống châu chưa ai trách, nhất là ứng tác những bài hát mà đã là giới ca nhi không ai không phục. Thế mà Hiệu Thư vẫn làm cao để ông phải hạ mình xin được làm anh kếp khi biết cô nhận đến hát mừng cho nhà hào phú ở một làng cách nhà ông một quãng đường xa.

Lòng trai phơi phới lại đi gần người đẹp với chú tiểu đồng, Nguyễn Công Trứ không biết làm cách nào trên ghẹo. Suy nghĩ mãi cho đến quãng đồng vắng, Nguyễn Công Trứ lớn tiếng với về mặt bản thân:

- Chết rồi ! Tôi... Tôi vội quá nên bỏ quên dây đàn ở nhà.

Hiệu Thư nhú mày cùng về mặt không mấy bằng lòng. Nguyễn Công Trứ áp ứng ra chiều biết lỗi:

- Cô... Cô với chú nhỏ đi trước. Tôi quay về nhà rồi chạy tới ngay.

Hiệu Thư dấm dẳng:

- Nói nghe dễ hay ! Cứ để chú nhỏ chạy về nhà lấy mang tới, còn bác phải đi cùng tôi. Nếu chú nhỏ tới không kịp, ta mượn đỡ dây đàn của ai đó còn được, chớ bác về rồi biết có đến hay không. Đây là chỗ làm ăn chớ phải trả dư tửu hậu đâu. Đây là lần đầu cũng là lần cuối, tôi không nhờ bác nữa.

Hiệu Thư nói một hơi không nghỉ. Nguyễn Công Trứ cười thầm trong bụng, nhìn chú nhỏ chạy ngược lại đường cũ.

- Đi chứ còn đứng làm thơ à ?

Nguyễn Công Trứ làm thỉnh, sánh bước. Kế hoạch đẩy chú nhỏ đi đã thành, mọi việc nên hư còn lại do ông.

Chờ Hiệu Thư nguôi giận, Nguyễn Công Trứ gọi chuyện xa xa gần gần, rồi ngỏ lời trên chọc. Nhưng suốt quãng đường vắng chỉ có hai người, mà Nguyễn Công Trứ không "nói năng" được gì, ngoài những tiếng "ứ hự" tỏ ý không thuận của Hiệu Thư.

Và Hiệu Thư không ngờ bác kếp trên ghẹo mình năm xưa nay lại là quan Tổng đốc. "Thuyền quyền ứ hự, anh hùng nhớ chăng ?".

Giỏi thật !

Bên ngoài nắng đã dịu.

Nguyễn Công Trứ lệnh cho quân lấy ngựa, lên đường nhàn du, quên hết chuyện binh đao.

Nhà Nguyễn đã hết thời, nên chọn tướng văn chẳng ra văn, võ chẳng ra võ. Đặc biệt, vị tướng ở đạo Thái Nguyên thì suốt ngày ra vào uống rượu ngâm thơ. Lời xàm xỉ ấy đã lọt vào tai Nguyễn Công Trứ vài ba ngày nay. Ai hỏi thì ông chỉ cười, vuốt râu ngâm ngợi: Nhân sinh bất hành lạc, Thiên tuế diệc vi thương.

Sống ở đời mà không biết hưởng thú vui, thì dẫu có sống nghìn năm cũng như chết non. Hết ý ! Tướng tại trận tiền như vậy mà vẫn tin dùng, thì đúng là nhà Nguyễn đã tới hồi mạt vận.

*

* *

Con cò lặn lội bờ sông,

Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non.

Lộ diệc vũ trùng trung chi nhất,

Thương cái cò lặn lội bờ sông.

Tiếng nỉ non gánh gạo đưa chồng,

Ngoài nghìn dặm một trời một nước.

Trông bóng nhận bằng khuâng từng bước,

Nghe tiếng quyền khắc khoải năm canh.

Nghĩa tếp tôm ai nỡ dứt tình,

Ơn thủy tổ phải đền cho vẹn sóng.

Tiếng đàn, tiếng hát, tiếng trống thập thành... đúng là ngày hội. Dân quanh vùng, kể cả dân chúng ở các bản làng xa cũng lần lượt kéo về coi hát như chẳng hề biết tới loạn lạc, binh đao.

Điều khiển cuộc vui, Nguyễn Công Trứ giao toàn quyền cho Hiệu Thư. Và dân chúng trong vùng cũng không còn thấy ông cưỡi ngựa nhàn du như trước. Họ nghĩ, ông cũng đang lẫn vào với tiếng đàn tiếng phách, lẫn vào những cuộc mây mưa.

Thấy mọi người ùn ùn kéo về xem hát, Nguyễn Công Trứ vừa vui vừa lo. Ông luôn đôn đốc quân sĩ canh phòng nghiêm ngặt đề phòng Nông Văn Vân đem quân đánh úp. Và cứ mỗi đêm sau cuộc hát, từng đội quân nhỏ của ông trà trộn vào dân bản dò la đại bản doanh của Nông Văn Vân, rồi ém quân chờ lệnh.

Trong lúc đó, Tuần phủ Lạng Sơn Trần Văn Tuấn bị quân Nông Văn Vân khiêu khích thường xuyên và đã nhiều lần cấp báo xin Nguyễn Công Trứ chi viện. Nhưng lần nào cũng như lần nào, Nguyễn Công Trứ hết viện có này tới viện có khác không chịu xuất quân và đề nghị đạo quân Lạng Sơn cứ đánh cầm chừng chờ thêm quân từ kinh ra.

Ngày ngày, Nguyễn Công Trứ đều nhận được mật báo do những cánh quân nhỏ của ông tung vào những dãy rừng phủ đầy sương khói kia đưa về. Nguyễn Công Trứ vui lắm.

Trường tên đạn xin chàng bảo trọng,

Thiếp lui về nuôi cái cùng con.

Cao Bằng cách trở nước non,

Mình trong trắng có quỷ thần a hộ.

Sức bay nhảy một phen năng nổ,

Đá Yên Nhiên còn đó chẳng mòn.

Đồng hưu rặng chếp thẻ son,

Chàng nên danh giá, thiếp còn trẻ trung.

Yêu nhau khăng khít giải đồng.

Nguyễn Công Trứ đích thân đánh châu trong tiếng hát của Hiệu Thư. Tuy Hiệu Thư đã về sống đời vợ chồng với ông, nhưng vẫn không thể không liếc mắt đưa tình qua những tiếng "tom", tiếng "chát" của ông.

Nghề xướng hát roi châu làm chuẩn đích,

Trống làm sao mà khúc khích chị em cười.

Và tiếng trống "lạc nhịp" của Nguyễn Công Trứ xưa nay không chệ vào đâu được, nhất là giữa lúc ông đang vui mà chẳng mấy ai hay.

Tiếng hát của Hiệu Thư vừa dứt, thì quân hầu chạy vào dâng lên ông lá thư.

Nguyễn Công Trứ bỏ roi chầu, nhanh chân vào thư phòng.

À, thì ra thói đời !

Thư của bạn ông ở kinh gửi đến cho ông biết, Tuần phủ Trần Văn Tuấn thảo sớ về kinh, hạch tội Nguyễn Công Trứ lo ăn chơi, say sưa đàn hát, không chịu giao chiến, thậm chí không chịu giúp đỡ cho các đạo quân bạn diệt giặc. Nhưng may cho ông là vua Minh Mệnh hoàn toàn tin tưởng vị nho tướng ngoài trận tiền. Theo người bạn ông, thì hoàng thượng đã châu phê vào sớ của Tuần phủ Trần Văn Tuấn: "Nguyễn Công Trứ tự thừa sở hành, tất hữu biệt toán. Quân lữ chi gian, bất khả dĩ phù ngôn giao động tướng tâm, thích y xử trí" (Nguyễn Công Trứ làm như vậy chắc là có tính toán riêng. Trong quân không được bàn phiếm làm cho lòng tướng băn khoăn. Cứ để yên như vậy xem – Dẫn theo Vũ Ngọc Khánh, sđd, trang 187).

Nguyễn Công Trứ xem thư bạn mà lòng ngập niềm vui. Đúng không ai hiểu ông bằng thánh thượng. Thế mới xứng đáng là người thay trời hành đạo. Không phải vì vua không nghe lời Tuần phủ Lạng Sơn quở trách ông mà ông nghĩ vậy. Mọi việc ông đã và đang làm cũng chỉ vì triều đình, chỉ vì muốn dân chúng yên vui làm ăn, chứ không có ý gì khác. Nếu vua Minh Mệnh nghe lời dèm pha mà cách chức, hoặc triệu hồi ông về kinh, giao binh quyền lại cho người khác thì ông phải chấp hành, nhưng trong thâm tâm ông không phục.

Khi biết chắc Nông Văn Vân đang đóng đại bản doanh ở khu rừng Thảm Bát, Nguyễn Công Trứ bí mật mời Tổng thống đại thần Tạ Quang Cự và Phạm Văn Điển đến bàn cách diệt giặc.

Nhìn tám bản đồ với đầy đủ những chi tiết lối đi ngang về tắt và cách bố phòng của các toán quân của Nông Văn Vân cùng với những ý kiến của Nguyễn Công Trứ, về cơ bản ai cũng đồng ý và thậm phục vị tướng nổi tiếng... phong lưu.

Họ cứ châu đầu vào tám bản đồ và bàn bạc hướng đi của từng cánh quân một cách say sưa, bỏ mặc lời ca tiếng nhạc bên ngoài đang làm nức lòng người sau một thời gian cứ phập phồng với chuyện binh đao.

Núi Pu Đôn lúc này dưới mắt của những vị tướng của triều đình không còn là bí hiểm nữa. Nguyễn Công Trứ nói:

- Quân cơ hữu do tôi đảm trách. Hai quan bác cứ cờ giông trống giục và vây chặt rừng Thảm Bát, Lũng Bàn. Hễ quân của Vân chạy ra, các quan bác lệnh cho quân triều đình bắt sống. Cứu chẳng đã mới giết, bởi dù sao họ cũng là dân của ta và là những người vô tội.

Tạ Quang Cự lên tiếng:

- Việc quan bác giao cho chúng tôi nhẹ quá. Chúng tôi thật tình... áy náy.

Phạm Văn Điển cũng đồng ý với Tạ Quang Cự.

Nguyễn Công Trứ cười tươi, nói:

- Các quan bác đừng lo chuyện ấy. Công là công chung, chứ chẳng của riêng ai. Mục đích của chúng ta tới đây, trước là trả ơn vua, sau giúp dân tình yên ổn làm ăn. Quân

của chúng ta không quen địa hình ở đây, nên kéo vào càng đông càng gây thiệt hại. Công việc của cánh quân các quan bác không phải nhẹ đâu. Các quan bác làm sao cho quân của Vân khiếp sợ, tưởng chừng như đã lọt vào thiên la địa võng của quân triều đình, thế là các quan bác đã lập được công to.

Chia tay xong với Tạ Quang Cự và Phạm Văn Điển, Nguyễn Công Trứ lại bí mật tung hết số quân trong đội cảm tử còn lại xâm nhập đại bản doanh của Nông Văn Vân.

Khi mọi việc đầu đã vào đó, Nguyễn Công Trứ ăn mặc chỉnh tề, rà soát lại kế hoạch lần nữa để phòng bất trắc. Đây là mẻ lưới lớn, Nguyễn Công Trứ hy vọng không phải mất cả chì lẫn chài, dù cho con cá lớn lọt lưới. Phen này mà thất bại thì Nông Văn Vân đúng là người đại trí đại dũng và triều đình phải tiếp tục khốn đốn bởi anh thổ hào này. Để giành lấy ngôi báu, thì anh ta chưa hội đủ điều kiện, nhưng để hùng cứ một phương thì lại dễ dàng. Và triều đình muốn ổn định không thể một sớm một chiều mà được. Cái đức cái tài nó thế mà khó.

- Bẩm chủ tướng, mọi thứ đã sẵn sàng.

Nguyễn Công Trứ lướt nhìn người hầu, rồi âm thầm bước ra ngoài. Con ngựa đánh hơi được mùi chủ, dậm vó thành thịch. Nguyễn Công Trứ vuốt nhẹ lên bờm như ngầm bảo nó hãy bình tĩnh chờ đợi như ông đang chờ đợi.

Tiếng đàn, tiếng hát vẫn còn vọng vẳng. Nguyễn Công Trứ thấy thời gian trôi chậm quá. Và... mọi người hốt ha hốt hải bỏ chạy thục mạng về nhà, bởi quân triều đình đã cờ giông trống giục với ánh đuốc sáng lòa trong đêm tối.

Nguyễn Công Trứ vuốt râu, mỉm cười, rồi lên ngựa.

Khí thế của quân triều đình khá dũng mãnh. Và chẳng bao lâu, khắp các ngả rừng, quân của Nông Văn Vân tháo chạy tán loạn. Gương mặt của Nguyễn Công Trứ rạng rỡ hẳn. Thế là các toán quân của ông bước đầu đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Quân của Nông Văn Vân rối loạn hàng ngũ như thế là đã nhìn ra thế trận của mình đã bị ngoại công nội kích.

Được toán quân đặc nhiệm hướng dẫn, con ngựa chiến đưa Nguyễn Công Trứ lên quả đồi cao quan sát trận địa.

Gà rừng đã cất tiếng gáy, nhưng chẳng thấm vào đâu so với tiếng reo hò của quân sĩ. Đây đó, những căn lều bị đốt cháy làm rực sáng cả vùng trời. Nguyễn Công Trứ rùng mình – cái rừng mình rất con người chứ không phải vì sương gió.

Ngày xưa, Khổng Minh đã lập kế dụ cha con Tư Mã Ý vào tử địa như thế này. Nếu đức của nhà Nguyễn mỏng, thì ông cũng sẽ giống như Khổng Minh ngày xưa thôi. Nguyễn Công Trứ kìm chặt cương ngựa, lớn tiếng ra lệnh:

- Phóng hỏa !

Sau lệnh của ông, hàng loạt tiếng hô phụ họa theo và chẳng bao lâu khu rừng Thảm Sát ngập trong biển lửa sáng rực cả một vùng. Tiếng thú, tiếng người, tiếng chim muông mất tổ... hòa vào nhau thành tiếng kêu uất hận.

Nguyễn Công Trứ rướm rướm nước mắt, ngược nhìn trời thờ dài rồi lẩm bẩm: Ta khắc ghi ngày này: 11 tháng 3 âm lịch (1835).

Chương kết

Tuần phủ An Giang Nguyễn Công Trứ quỳ xuống tiếp chỉ từ kinh đến. Sau khi tạ ơn vua, Nguyễn Công Trứ quay mặt, nhếch miệng cười. "Nguyễn Công Trứ trước kia phái qua Trấn tây, lo việc quân lữ, lâu ngày không làm nên công trạng gì, trăm đã ngơ cho, lại cho làm Tuần phủ An Giang, gần đây chỉ ngồi yên một chỗ, không quan tâm việc gì. Tuy rằng cái việc thuyền buôn chở đồ gian vẫn là người khác bịa đặt vu cho, nhưng xét ra việc của viên ấy làm đại để "mượn công làm tư", cái tình giống như không làm sao che được!". Đúng là họa vô đơn chí, nhưng biết làm sao được. Trách ai? Phận làm con không đi trách cha mẹ. Phận làm tôi sao lại dám trách quân vương? Trên không kỷ cương, dưới lập đường mây mưa. Từ xưa đã có biết bao tai họa của việc không dùng hình phạt nghiêm khắc. Chuyện kể, Tử Sản làm tướng quốc nước Trịnh, lúc bệnh sắp chết bảo Du Cát rằng: "Sau khi tôi chết, ắt ông sẽ được dùng làm tướng quốc nước Trịnh. Ông ắt phải dùng sự nghiêm khắc để trị người. Lừa có vẻ dữ dội nên ít người bị cháy phỏng, nước có vẻ yếu mềm, nên nhiều người bị chết đuối. Ông nên làm hình phạt của ông nghiêm, không nên đắm đuối trọng sự yếu mềm". Tử Sản chết, Du Cát không nỡ thi hành hình phạt nghiêm khắc. Thiếu niên nước Trịnh thay nhau làm giặc cướp, trở thành một mối họa cho nước Trịnh. Du Cát thống suất binh gồm cả xe chiến và kỵ binh, cùng họ chiến đấu một ngày một đêm mới khắc phục họ được. Du Cát thở dài mà than rằng: "Ta sớm mà thi hành lời dạy của thầy, thì ắt không hối hận đến như thế". Mỗi thời mỗi khác, mỗi trào mỗi khác, nhưng Nguyễn Công Trứ tin rằng, một khi ai đã sống thật với lòng, sống thật với người thì lòng họ cứ sáng tựa sao Khuê.

Phận thần tử như ông, thiên tử có bảo chết cũng phải chết, hưởng gì cách chức. Cái vinh cái nhục ở đời có chi phải bàn. Trên đường danh lợi vinh liền nhục, Giữa cuộc trần ai khóc liền cười. Cái vinh cái nhục chỉ cách nhau một sát-na. Để làm được con người đúng nghĩa cần phải tỉnh táo xem cái vinh ấy có đáng cho ta mừng, cái nhục ấy có đáng để ta phiền? Danh lợi, chức tước chỉ là thân ngoại chi vật, là thói đời cả, nên chẳng có chi phải phiền muộn. Đối người như tia chớp, phiền muộn làm gì cho cực lấy thân. Ở Kinh thư, trong thiên Cao Dao mô, ông Cao Dao nói với Đại Vũ rằng:

Thiên thông minh tự ngã dân thông minh,

Thiên minh úy tự ngã dân minh úy.

Đạt vu thượng hạ,

Kính tai hữu thổ!

(Trời xem nghe sáng suốt tức là dân xem nghe sáng suốt,

Trời ban phúc hay ra uy là theo như lòng dân.

Trời với dân (trên với dưới) thông đạt cùng một lẽ,

Ai có đất đai nên kính cẩn vậy thay!)

Đó là nguyên lý nền móng, nhưng... Nguyễn Công Trứ nghĩ thì nghĩ mà không nén được tiếng thở dài.

Trăng hạ tuần đã lấp ló sau đọt dừa trước cửa mà Nguyễn Công Trứ vẫn chưa chợp mắt được. Cuộc đời ông kể cũng lạ. Số mệnh chẳng? Đúng là ông trời muốn trêu chọc người đời. Phải học người xưa. Khổng tử đã từng khuyên học trò mình là Tử Hạ rằng: "Người hãy làm nhà nho quân tử, đừng làm nhà nho tiểu nhân", hay lắm. Dù hoàn cảnh nào Nguyễn Công Trứ vẫn là Nguyễn Công Trứ của ngày nào, chớ đừng vì miếng đỉnh chung mà làm xấu hổ quê hương, tổ tiên. Ngẫm nghĩ lại, đời ông đâu chỉ mới lần này. Cuộc đời thăng trầm đã chỉ cho ông thấy, áo tía đai vàng cũng quý thật, sang thật, vinh thật, song nào có hơn được việc nhân nghĩa. Thôi thì thôi quân tử cổ cùng, Cùng khi ấy hẳn là thông khi khác. Ăn cơm vua, hưởng lộc nước để lo điều nhân nghĩa và phải biết

chấp nhận sự rủi may. Phạt còn bị hàm oan hưởng gì những kẻ phạm trần lục căn không tịnh. Ngày nào qua tuổi "tri thiên mệnh" ông đã đôi lần nghĩ tới chữ nhân, nhưng... Trót đã mang một tiếng anh hào, Lại muốn chút cuộc nhà sao phải. Mặc xui khiến dám nghĩ đâu thành bại, Đem thông minh mà đến lại hoá quân. Thử xem con tạo xoay vần. Và cuộc đời của ông đã bị con tạo xoay vần đến nỗi muốn văng ra khỏi vòng sinh tử, nếu không thừa nghị lực. Từ anh thư lại luống tuổi, bằng tài năng và đức độ đã có những bước thành công vượt bậc trên đường công danh. Từng được thăng Binh bộ thượng thư, lĩnh Tổng đốc Hải An, rồi đến tuổi "hoàn đồng" lại bị giáng liền bốn cấp chỉ vì tên tù ở Hải Dương trốn ngục và bị triệu về kinh. Thời gian này cũng là thời gian giúp ông tĩnh tâm hơn, suy nghĩ về đời chín chắn hơn, thế mà...

Kể cũng lạ, đã là con người, ai cũng thích sống cho ra con người, thế mà chỉ do áo mão cân đai đành phải cứ lén lút như kẻ trộm. Khôn ngoan ư ? Cũng có thể, nếu ai đó muốn đánh mất chính mình. Làng Uy Viễn trước đây chưa có người như thế, đến bây giờ cũng chưa có người như thế. Nguyễn Công Trứ cười thầm một mình với vẻ mặt rạng rỡ. Tự hào à ? Đáng tự hào lắm chứ ! Nguyễn Công Trứ trước sau vẫn là Nguyễn Công Trứ sao lại không đáng tự hào !

Lênh đênh một chiếc thuyền nan,
 Một cô gái Huế, một quan đại thần.
 Ban ngày quan lớn như thần,
 Ban đêm quan lớn tần mần như ma.
 Ngày thì quan lớn như cha,
 Ban đêm quan lớn rầy rà như con.



Với Nguyễn Công Trứ điều ấy chẳng có gì xấu hổ. Nhiều người cho ông là kẻ bất đắc chí khi bị giáng cấp triệu về kinh rồi đâm ra ngông; nhiều người thì cho ông thị mình được vua ưu ái, dựa vào công trạng, v.v... mà dám công khai khắc họa chân dung mình và... những người giống mình; người thì cho ông thị tuổi già. Trầu già chẳng nệ dao phay ! Theo Nguyễn Công Trứ, tất cả thì sai tuốt tuốt. Cái chính là ông muốn sống thật với mình, với người. Và trên bước đường công danh của ông đã chứng minh điều đó. Từ anh Binh bộ thượng thư triệu về làm anh "lon ton" ở Bộ binh, chuyển qua làm Đô Sát Viện, Tả đô ngự sử, rồi được cử ra Hà Nội làm chủ khảo kỳ thi hương... Bất cứ ở đâu, bất cứ việc gì, Nguyễn Công Trứ cũng là Nguyễn Công Trứ luôn làm hết mình, sống thật với mình, không nề hà, không đả bôi, không ton hót lấy lòng một ai.

Và rồi, "Thiên thông minh tự ngã dân thông minh", vua Minh Mệnh không những phong cho ông chức Trấn tây Tấn Lý cơ vụ, mà còn xuống bệ cầm tay ông dặn dò: "Khanh là bậc nho tướng, việc quân đã am hiểu, nên tùy cơ xem xét, đã đánh cho mau thành công, khỏi phụ bụng ta ủy cậy" (Dẫn theo Vũ Ngọc Khánh, sđd, trang 193). Với Nguyễn Công Trứ, một khi đã vào cuộc thì Tái giang san bốn bể cũng là nhà, Nền vương thổ cả trong trời đất Việt, có gì phải tính thiệt hơn.

Vòng trời đất dọc ngang, ngang dọc,
 Nợ tang bồng vay trả, trả vay.
 Chí làm trai nam, bắc, đông, tây,
 Cho phỉ sức vẫy vùng trong bốn bể.

Và Nguyễn Công Trứ đã hồ hởi lên đường. Điều làm ông xúc động là trước lúc vua Minh Mệnh băng hà còn nhớ và phong cho ông làm Tham tán đại thần. Thật là Chung đỉnh ơn vua ngày tháng nhiều. Nguyễn Công Trứ hiểu và đã "khởi phụ bụng ta ủy cậy".

Nhiều lúc, Nguyễn Công Trứ muốn học làm Trương Lương, Bá Di, Thúc Tề..., nhưng ông nghiệm tới nghiệm lui vẫn thấy mình chưa "đạt đạo". Cái trò trâu cột ghét trâu ăn, ông rành lắm, song ông lại mặc cho cơ tạo xoay vần. Việc gì đến ắt phải đến, có cưỡng lại cũng không được và có muốn cũng không xong. Trong cái rủi có cái may, trong cái may có cái rủi, biết đâu mà lần. Việc Mai Văn Thạch, đồn trưởng bên Châu Giang bị tố cáo dùng thuyền sang Nam Vang buôn lậu có dính dáng gì tới ông. Chính Khâm sai đại thần là Lại bộ Tham tri Trần Ngọc Dao và Lại Khoa Chương án Đặng Kham vâng mệnh vua Thiệu Trị từ kinh đô vào tận nơi truy xét, kết luận ông bị vu cáo, và đề nghị những bọn người vu cáo ông cần phải được trị tội nặng, phạt trượng đầy đi xa. Trắng đen phân minh là thế mà xử ông như thế này là oan.

Nguyễn Công Trứ nhếch môi cười trong đêm. Quân xử thần tử, thần bắt tử bắt trung. Thế này cũng còn nhẹ, bởi ông không muốn mình là người bắt trung, hậu thế nguyên rửa, chê cười. Chuyện này có khác chi chuyện cách đây bảy năm (1837) ông bị giáng những bốn cấp chỉ vì một tên tử vớ vẩn trốn ngục. Và... đâu sẽ vào đó. Nguyễn Công Trứ tin như vậy, và vui vẻ lên đường sung quân ở Quảng Ngãi.

Tuổi tác tuy rằng chưa mấy mươi,

Đổi thay mắt đã thấy ba đời.

Ra trường danh lợi vinh liền nhục,

Vào cuộc trần ai khóc trước cười.

Chuyện cũ trải qua đã chán mắt,

Việc sau nghĩ lại chẳng thừa hơi.

Đã hay đường cái thời ra thế,

Sạch nợ tang bồng mới kể người.

Cái vui cái sướng của ông là mọi người ở xứ An Giang này từ quan tới dân đều hiểu ông. Nhiều người nằng nặc đòi ông cứ ở lại, họ sẽ đội đơn ra kinh khiếu nại, minh oan cho ông. Không khóc mà nước mắt ông cứ đổ. Cái tình cái nghĩa sao mà quý quá. Giàu làm chi, sang làm chi mà lúc nào ai ai cũng muốn tống đi như muốn tống một món hàng ôi thối. Ông xúc động cảm ơn và khuyên mọi người nên bình tĩnh. Sanh nhi tri chi giả, thánh nhân là bậc sinh ra đã biết và nếu muốn mở oan cho ông cũng chẳng mấy hời. Cái quan trọng là mình có oan thiệt hay không, tâm mình có sáng hay không. Nếu không có vấn đề gì để lương tâm cắn rứt, thì đâu sẽ vào đó, chẳng có gì phải lo phải phiền. Lạc hồng bắt thị vô tình vật, Hóa tác xuân nên cánh hộ hoa (Hồng rơi chẳng phải vô tình, Hóa thành bùn lại nuôi cành hoa xuân), mắt đâu mà sợ.

Trong lúc xúc động trước những tấm lòng chân thật của những người có mặt, Nguyễn Công Trứ ngược mặt nhìn trời, ngâm:

Ngồi buồn mà trách ông xanh,

Khi vui muốn khóc, buồn tênh lại cười.

Kiếp sau xin chớ làm người,

Làm cây thông đứng giữa trời mà reo.

- Bầm quan lớn, chúng con tin quan lớn chính là cây thông – cây thông không chỉ đứng giữa trời mà đứng trong lòng chúng con. Thầy Mạnh đã dạy: Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh. Chúng con tin như vậy.

Nguyễn Công Trứ cười khà khà che lấp nỗi niềm của mình. Ông hiểu họ như hiểu chính mình. Khi nhận mệnh vào đây đã có mấy ai tin ông. Nhưng ngày tháng đã chứng minh cho mọi người thấy ông thay mặt triều đình lo cho dân. Ông đã dẹp được nhiều cuộc biến động ở Ba Xuyên, Lạc Hóa và giúp dân khai phá đất hoang dọc theo bờ kinh Vĩnh Tế. Nói chung, những ngày ở đây là những ngày ông đã đem lại cho dân lành những ngày ăn no ngủ yên.

Dứt tiếng cười, Nguyễn Công Trứ ngâm tiếp:

Giữa trời vách đá cheo leo,

Ai mà chịu rét thì trào với thông.

Nguyễn Công Trứ tạm biệt mọi người ra đi không kèn không trống, không có kẻ tùy tùng.

*

**

Mặt trời đã ngã về tây. Nguyễn Công Trứ hỏi mỗ kê đầm đĩa, nhưng rất lấy làm vui, vì đoạn đường dài đã hết. Suốt chặng đường qua, ngày đi đêm nghỉ, gặp đâu Nguyễn Công Trứ xin tá túc đó chẳng nề sang hèn. Thực tế trước mắt, Nguyễn Công Trứ nghĩ đây cũng là dịp để ông hiểu thêm cái vui cái buồn, cái hồn nhiên chơn chất của con người. Và ở đời có mấy kẻ được như ông ?

Với cái áo cộc màu chàm, chiếc nón dẫu, ruột tượng gạo quàng trên vai và chiếc dao tu kê kê bên hông, ai nhìn qua cũng biết đó là anh lính già, còn tại sao già như thế mà chưa về vui thú điền viên với con cháu thì không ai hiểu. Trên đường từ An Giang ra Quảng Ngãi, nhiều vị quan phủ, quan huyện nhìn ra ông thì đích thân ra tiếp rước như thời ông còn đương chức Thượng thư, Tổng đốc... Tất cả chỉ vì họ quý trọng ông, coi ông như người thầy, người anh cả. Những cử chỉ ấy khiến ông vui hơn và cảm thấy yêu đời. Đêm về, Nguyễn Công Trứ trầm tư hào: sống một đời không thẹn. Dĩ nhiên, đã có không ít người từng mang ơn ông, nhưng họ giả bộ không biết người lính già lang thang kia là ai, ông cũng chỉ cười chớ không hề trách. Đường tương lai của họ còn dài và họ còn có gia đình, vợ con, vướng vào ông có khi họ bị họa lây. Quân tử cầu ở mình, tiểu nhân cầu ở người. Ông không nghĩ xấu về họ, và mỗi lần như thế, ông tự xét lại lương tâm mình. Rồi lần nào ông cũng sung sướng nghĩ rằng ta đã có gì để thẹn với người, với lương tâm đâu nào ? Ở đâu, chức gì, ông vẫn là ông, vẫn sống đẹp, sống tốt với mọi người, dù cho người đó là dân đen hay là quan đại thần. Đi cho người ta nhớ, ở cho người ta thương. Ông cha bao đời đã dạy thế và ông đã làm được như thế.

- Bác kia, đi đâu ?

Nguyễn Công Trứ giật mình, nhìn lại. Thì ra mình đã tới nơi cần phải tới. – Nguyễn Công Trứ nghĩ thầm, mỉm cười xin lỗi và cho chú lính gác biết mình ở An Giang được sung quân ra đồn Quảng Ngãi. Nay vừa tới nơi và được xin ra mắt quan đầu tỉnh.

- Già rồi sao không chịu ở nhà với con cháu mà ngao du ra tận đây thế bố ? – Người lính trẻ cười, nói vui với ông.

Nguyễn Công Trứ cũng cười xã giao, nói:

- Vâng ! Mỗi người đều có cái số cả anh nó ạ.

- Thôi, bỏ vào trình diện rồi nghỉ ngơi. Ở đây, chắc chẳng có việc gì buộc bố phải nhọc sức đâu. Nhưng...

Nghe Nguyễn Công Trứ cảm ơn và chần chờ đợi anh ta nói hết câu, anh ta nhìn Nguyễn Công Trứ ra chiều thương cảm, nói tiếp:

- Lĩnh lác như bố con mình thì chẳng cần phải trình diện quan đầu tỉnh. Bố cứ đi thẳng vào rồi trình diện qua quýt với ai đó cũng được.

Nguyễn Công Trứ hiếng mắt nhìn người lính trẻ tốt bụng rồi lững thững đi vào. Ông cũng định tìm ai đó trình bày qua quýt cho xong, nhưng vừa lúc ấy có người khách sang trọng tới tìm vị quan đầu tỉnh. Và như đã hẹn trước, vị quan đầu tỉnh đã bước ra tận thêm đón vị khách sang trọng ấy. Nguyễn Công Trứ định quay ra ngồi chờ, thì một chú lính lệ tới hỏi rồi chạy tới rí tai quan đầu tỉnh.

Vị quan đầu tỉnh quay nhìn Nguyễn Công Trứ, rồi bước xuống thêm, cười xởi lởi:

- Chào quan anh. Tiểu đệ biết quan anh về đây, nhưng không biết lúc nào nên không kịp nghênh đón. Có gì thất lễ, xin quan anh bỏ qua.

Nguyễn Công Trứ nhếch môi cười, trả lời:

- Không dám ! Thân làm lính đâu dám làm phiền tới quan lớn.

- Đừng nói thế, tiểu đệ đây giảm thọ. Mời quan anh vào trong ngồi dùng trà. – Quan đầu tỉnh vừa vui, vừa dẫn tay Nguyễn Công Trứ vào phòng và ấn ông ngồi xuống ghế. Gõ ruột tượng gạo trên vai Nguyễn Công Trứ xuống, quan đầu tỉnh giới thiệu người khách:

- Thừa quan anh, đây là ông Lê, thương nhân có hạng ở tỉnh này.

Nguyễn Công Trứ khẽ chào, dù rất không ưa bộ mặt thị tiền của lão ta.

- Hân hạnh được biết ông.

Ông Lê mỉm cười với điệu bộ kẻ cả, tay phẩy nhẹ nhẹ chiếc quạt lông ngỗng, hỏi ông với giọng xách mé:

- Về đây làm lính, ông thấy có nhục không ? Tôi thì... nhục lắm, chẳng thà nhận tam ban triều điển còn vinh hơn.

Vị quan đầu tỉnh lúng túng ra mặt, nhưng không thể nào bịt miệng người khách quý của mình. Trong lúc đó, Nguyễn Công Trứ vẫn ung dung nhắm nháp từng ngụm trà và khẽ nhìn gương mặt bì bì của lão con buôn.

- Chim sẻ làm sao biết được đại bàng đi đâu về đâu. Khi làm tướng, tôi chẳng lấy làm vinh, nên lúc làm lính tôi chẳng coi là nhục.

Bị cho mình là chim sẻ, thương nhân Lê vừa xấu hổ vừa bực mình. Quan đầu tỉnh còn chưa dám nói nặng ông nửa lời, ấy mà thằng lính già ám ớ này dám gác kèo trên.

- Cha hần lú còn chú hần khôn. Ông nhớ, đây là đất của quan đại thần Trương Đăng Quế, chứ không phải đất cần đâu nhé.

Nguyễn Công Trứ nhếch miệng cười. Những điều ông vừa nói vừa thật lòng cũng vừa muốn nói cho tên trọc phú biết thế nào là nhân cách, chứ nào nghĩ tới chuyện hơn thua với hạng người ấy. Nhưng cái giọng rung cây nhất khí của y ta, Nguyễn Công Trứ không ưa chút nào.

- Vâng, tôi biết. Quan đại thần họ Trương mà ông vừa nói, với tôi là bạn đồng khoa.

Quan đầu tỉnh biết chuyện, dàn hòa cả đôi bên:

- Vâng, vâng, quan anh đây đỡ giải nguyên khoa ấy đấy, ông Lê à. – Quan đầu tỉnh quay sang Nguyễn Công Trứ nói tiếp:

- Thừa quan anh, thân phụ của ông Lê đây lúc sinh tiền cũng làm đến chức Lang trung của Hoàng triều ta.

Đúng là hổ phụ sinh khuyển tử ! Nguyễn Công Trứ hiếng mắt nhìn y, rồi mỉm cười với vị quan đầu tỉnh. Ông nghĩ, nếu không có ràng buộc vật chất gì đó thì những người như quan đầu tỉnh đây không đời nào dính tới. Tuy biết rõ thân phận ông hiện giờ là thuộc hạ thấp nhất, nhưng quan đầu tỉnh đối xử với ông như thế này khiến ông khâm phục. Và ông tin vào lòng nhân, tính thiện trong mỗi con người. Ông ung dung ngồi uống trà như chẳng có chuyện gì xảy ra.

- Tiểu đệ nhớ không lầm, dường như quan anh đây những ba lần giữ chức Lang trung thì phải ?

Nguyễn Công Trứ mỉm cười tinh nghịch, chớ chẳng có chi khó chịu. Còn vị thương nhân đất Quảng Ngãi đã biết người lính già mà mình đã có ý coi thường ấy là ai, nên không còn dám lên mặt như trước. Và đầu óc con buôn đã nhắc ông ta cách xử thế.

- Thừa ngài, chức Lang trung là chức gì mà ngài nhận những ba lần ?

Nguyễn Công Trứ liếc nhìn y ta rồi vuốt râu mỉm cười.

- Tôi cũng chẳng rõ. Nhưng cuộc đời đi trần nhậm nhiều nơi, tôi gặp một chuyện như thế này, xin được kể hầu quan đầu tỉnh và ông khách quý của quan đầu tỉnh đây. Lần ấy có nhà buôn giàu có và có những ba vợ. Khi ông ta qua đời, người vợ cả chạy tới ôm cái đầu, khóc: Ô hô, lang tử. Người vợ thứ hai thấy vậy cũng vội vàng chạy tới ôm chặt lấy đôi chân của người chồng, khóc: I hi, lang tử. Người vợ thứ ba lúng túng, nhìn tới nhìn lui rồi cũng chạy lại cầm chặt khúc giữa, khóc rống lên: Ai tai, lang trung.

Vị quan đầu tỉnh cười thoải mái, còn ông Lê cười không ra cười, khóc không ra khóc. Lâu nay, ông ta nghĩ mình xuất thân từ gia đình quan lại, thân sinh làm tới chức Lang trung, hãnh diện lắm, ấy mà bây giờ tay lính già này nói... trớt huốt.

Cũng may vừa lúc đó, người lính hầu đã đến thông báo tới giờ dùng cơm.

Những ngày làm lính ở Quảng Ngãi là những ngày ông cảm thấy thanh thản nhất. Cánh lính trẻ xem ông như cha chú nên giành gánh công việc. Họ thêu dệt nhiều chuyện về ông. Trong những lúc có điều kiện thuận lợi, họ hỏi về cuộc đời ông, nhưng lần nào ông cũng cười.

- Bố giấu chúng con. Nghe họ đồn, bố là quan đại thần giả dạng thường dân đi quan sát dân tình.

- Các anh còn trẻ. Khi nào các anh lớn lên bằng phân nửa tuổi tôi, các anh sẽ hiểu.

- Chúng con tin vậy, bởi không có ai già như bố mà còn làm lính cả. Bố không có vợ con à ? Nếu vậy thì bố vào chùa tu quách, chớ làm gì ba cái nghề này. Vả lại, tuổi của bố, ai cho đăng lính.

- Thôi, đừng bận tâm nữa. Các anh cứ lo làm cho tốt bổn phận của mình.

Và Nguyễn Công Trứ thực sự coi họ như con em trong nhà. Lúc rảnh rỗi, ông bày dạy họ những điều hơn lẽ thiệt, và nếu ai cần, ông cũng cho dăm ba chữ về dán nhà, thậm chí dán ở chuồng trâu, chuồng heo, bấm tuổi dựng vợ gả chồng, coi ngày lành tháng tốt... Với ông, cuộc đời chẳng khác nào dòng sông chảy mãi không ngừng. Ai muốn nó ngừng là đi ngược lại với tạo hóa. Ngày xưa, Chu Hy cũng cho đó là "Sự sinh hóa của trời đất. Cái gì qua, qua đi; cái gì đến, đến tiếp; không có cái gì ngừng nghỉ một giây

phút nào; đấy chính là tính chất bản nhiên của Đạo thể" (Thiên địa chi hóa. Vãng giả quá, lai giả tục, vô nhất tức chi đình, nãi đạo thể chi bản nhiên dã). Và, Nguyễn Công Trứ vẫn còn thấy mình là người có ích.

Chen chúc lợi danh đà chán ngắt,

Cúc, tùng, phong, nguyệt mới vui sao.

Đám phồn hoa trót bước chân vào,

Sực nghỉ lại, giật mình bao xiết kẻ.

Quá giả vãng nhi bất thuyết,

Cái hình hài làm thiệt cái thân chi.

Cuộc đời thử gẫm mà suy,

Bạn từng cúc xưa kia là cố cữu.

Hẹn với lợi danh ba chén rượu,

Vui cùng phong nguyệt một bầu thơ.

Chuyện cổ kim so sánh tựa bàn cờ,

Riêng vui thú giang san phong nguyệt.

Mặc xa mã, thị thành không dám biết,

Thú yên hà giờ đất để yên ta.

Nào ai ai biết chẳng là ?



Nguyễn Công Trứ ngâm ngợi rồi thờ dài. Mới đó mới đây đã hết một đời người. Nhưng nhìn lại quãng đời đã qua, Nguyễn Công Trứ cũng lấy làm mãn nguyện. Vinh nhục đời người ông đã trải qua, và cuối đời ông có quyền thực hiện cái ước mơ của ngày nào: Nợ tang bồng trang trắng vỗ tay reo, Thành thời tởn túi rượu bầu. Dĩ nhiên, cuộc đời của ông chẳng có chi là bằng phẳng, song có thể vào cuối đời, ông mới thấy được ý nghĩa của cuộc sống. Hậu thế sẽ có người cho ông là kẻ háo danh. Vâng, biết làm sao được. Mặc hiềm trần thế vô tri kỷ. Xưa nay là thế. Sống mà không thể hiện được sức sống của mình, thì bị cho là kẻ bi quan, yếm thế. Sống cho hết lòng hết dạ với người đời, thì bị cho là kẻ háo danh. Nhưng... lo nghĩ làm gì, một khi mình làm việc không trái với lương tâm, với đạo lý làm người. Với ông, hòa mình cùng cộng đồng mà lưu danh được mới khó, chứ phản nghịch để lưu danh thì dường như ai cũng có thể làm được nếu có chút máu liều trong người. Một khi "Đã xông pha bút trận, thì gắng gỏi kiếm cung, Làm cho rõ tu mi nam tử", còn không thì tay cuốc tay cày có lợi hơn. Đành rằng số mệnh cũng có, nhưng cứ nằm ý ra đó thì chỉ có số chết đói chứ chẳng có số nào khác. Nợn bất học bất tri lý. Và "Tạo hóa có ghen chi số mệnh, Giang san nào oán với văn chương". Khó cũng do con người, dễ cũng do con người, và ai cũng muốn tìm cho mình cái lý để sống. Và Nguyễn Công Trứ không muốn dụng cái lý của con cóc đời mọi người tôn vinh mình, vì mình là cậu ông trời. Với Nguyễn Công Trứ, thì "chữ danh liền với chữ thân, Thân đã có, ắt danh phải có", chứ không thể khác được. Chuyện mưa chuyện nắng cũng làm cho người đời than thở, trách móc, thậm chí lớn tiếng chửi rủa đất trời, nhưng thử hỏi ai là người muốn nắng hoặc muốn mưa quanh năm suốt tháng ? Chắc không ai dám, ngoại trừ kẻ điên. Và trách gì người điên !

Nguyễn Công Trứ bình tâm sống với đời lính thú xa quê của mình. Và ông cũng không lấy làm lạ khi vua Thiệu Trị điều ông về kinh làm Chủ sự bộ Hình (1845), rồi lại cử ông vào làm Án sát ngay nơi ông làm lính thú. Đấng quân vương cho rằng, có như vậy mới

gọi là phục hồi danh dự cho ông chẳng ? Lại thêm một người không hiểu ông rồi. Nhưng, trong cuộc trần ai, ai dễ biết, và sống thì phải hành động, phải hăm hở ra tài kinh tế. Bởi, người thế trả nợ đời là thế. Ông cần phải tận lực để biết thế nào là mệnh trời. Đường thư kiếm vẫy vùng cho hết đất, chứ hà cớ chi an phận thủ thường.

Ngoài những lúc ở công đường, Nguyễn Công Trứ vẫn là người lính thú, người cha, người chú, và... ông thấy đồ vui tính của ngày nào đối với mọi người ở tỉnh thành Quảng Ngãi.

Niềm vui ấy cũng chỉ được mỗi một năm. Vào tuổi bảy mươi, Nguyễn Công Trứ lại được mời về kinh để thụ hàm Thừa Thiên phủ doãn.

Thế là đã xong một đời người !

Nhà nước yên thì sĩ được thung dung, Bấy giờ sĩ mới tìm ông Hoàng Thạch. Nhưng đã vào cái tuổi "cổ lai hy" rồi, thì không muốn tìm ông Hoàng Thạch cũng không được. Nguyễn Công Trứ dâng sớ xin về trí sĩ. Trong lúc chờ đợi, thì ông lại phải bận rộn vào việc tang ma, bởi vua Thiệu Trị băng hà.

Tuồng huyễn hóa đã bày ra đấy,

Kiếp phù sinh trông thấy mà đau.

Trăm năm còn có gì đâu,

Chẳng qua một nắm cỏ khâu xanh rì.



Lòng Nguyễn Công Trứ như có chùng xuống khi tư tưởng yếm thế của Ôn Như Hầu len vào đúng lúc trong ông. Đúng thôi ! Ba vạn sáu ngàn ngày là mấy, Cảnh phù du trông thấy cũng nực cười. Thôi, công đâu chuốc lấy sự đời, Tiêu khiển một vài chung lếu lảo. Và thời gian cứ đi qua chẳng chờ đợi ai. Nguyễn Công Trứ không muốn ngồi lại lâu, cần đường lớp trẻ, ông lại dâng sớ thêm lần nữa. Vị vua trẻ Tự Đức không những chấp thuận cho ông về hưu mà còn xuống chiếu ban cho ông thực thụ hàm Thừa Thiên phủ doãn. Hàm quan hưu hạng tam phẩm với ông cũng đủ rồi. Nhất phẩm, nhị phẩm hay gì gì đi nữa, khi chết ông cũng không mang theo được. Cái vui nhất đời ông là đi tới đâu dân thương tới đó. Ngày về hưu, các quan lại trong triều hầu hết đều tới vui với ông chén rượu, câu thơ. Quý là thế. Tình là thế. Nguyễn Công Trứ hy vọng rằng, những ngày này mới chính là những ngày... Ngoài vòng cương tỏa chân cao thấp, Trong thú yên hà mặc tỉnh say.

Nhìn lại quãng đời qua, Nguyễn Công Trứ chẳng thấy có điều gì phải xấu hổ. Ông đi lên bằng chính tài năng và đức độ của mình. Lúc là Tổng đốc, Nguyễn Công Trứ vẫn chưa cho đó là may và khi làm lính thú, Nguyễn Công Trứ vẫn chưa cho đó là rủi. Do đó, nay về hưu với hàm tam phẩm có chi là nhục. Những ngày gần đây, từ quan tới dân, ai cũng gọi ông là cụ Thượng cũng thế thôi. Ngày còn làm Tổng đốc, trước cửa công đường, ông đã dán câu đối:

Khả úy thị dân nham, kinh cực bất sinh bình thân lộ

Duy thâm giả hoạn hải, ba đào vô nộ tải không châu

(Lòng dân nham hiểm vô cùng, nhưng gai góc nào có sinh trên đường bằng phẳng

Bể hoạn thăm sâu khôn xiết, nhưng sóng gió vốn không giận chiếc thuyền nhẹ tên)

Do thế nên khi về hưu, bạn bè hiểu ông hơn, yêu ông hơn. Với ông, đời người được thế nghĩ cũng đáng. Từ thuở thiếu thời, ông đã học và hành theo lời dạy của Tăng tử: Ngô nhật tam tỉnh ngô thân (Ta cứ hàng ngày lấy ba điều kiểm điểm bản thân). Đến tuổi này, Nguyễn Công Trứ vẫn không thay đổi quan điểm ngày nào của mình: Có trung hiếu

đứng trong trời đất, Không công danh thà nát với cỏ cây. Nhưng chỉ tiếc một điều, con cái của ông không thừa hưởng được “chất lửa” ấy. Không đứa nào tự đứng bằng đôi chân của mình, trái lại chỉ mong nấp bóng người cha. Song việc nấp bóng cũng không xong. Giận làm sao ! Buồn làm sao ! Ông cũng thấy mình có phần trách nhiệm, nhưng nghĩ cho cùng vậy còn hay hơn. Làm cha mẹ dân mà kém tài thiếu đức thì chỉ có hại dân. Tử giả biệt luận chỉ đúng với bản thân người đó, chứ cái xấu cái tốt của con người đó sẽ còn mãi. Bia đá không ghi, sách sử không chép, nhưng bia miệng cứ truyền đời. Thôi, cái gì cũng đã rồi, cây cứ lớn, cỏ cứ mọc...

Nguyễn Công Trứ thấy nghèn nghẹn ở cổ, muốn nói mà nói không được. Ông rướn người và người hầu thiếp kịp thời đỡ ông dậy, đưa tay vỗ nhẹ dưới bả vai ông và quay ra dặn người nhà:

- Nói với bà con bàn chuyện nho nhỏ một chút để Cụ Lớn nghĩ.

Ông khoát tay, ý bảo đừng nói lời lẽ ấy. Tuy bị bệnh nặng, đi đứng, nói năng không khỏe lắm, nhưng họ làm gì, nói gì ngoài ấy, ông đều biết. Quan sở tại và bà con nghe tin ông bệnh nặng đã cho người đến thăm hỏi và tự động dọn vườn, kéo rạp để có chỗ ra vào cho khách một khi ông được trở về với tiên tổ. Họ đang bàn bài văn tế của một nhà khoa bảng danh tiếng nói hộ lòng dân với sự nghiệp của ông:

Đỏ xanh dấu cũ, mũ lọng triều xưa.

Bút cự nho xông thẳng trường văn, ba nghìn sĩ tử chịu co tay, tên đỏ chót đứng đầu bảng hổ,

Cờ đại tướng trở ngang giáo võ, trăm vạn hung cừ đều khiếp tiếng, bể trong veo lặn ngắt tằm Kinh.

Phá toang bãi cỏ lập làng dân, chẳng quản chân tay bùn lấm,

Tát sạch đồng chua làm ruộng tốt, khác nào trời đất chuyển vần.

Hoàn danh, hoàn phúc gồm hai, công đức rõ ràng bốn cõi,

Danh tướng, danh thần là một, linh thanh sức nước ngàn thu.

Hay thì có hay, thậm chí cũng có thể xếp vào loại tuyệt bút, nhưng ông vẫn thích những bài văn nôm dân dã, và ông đã không cầm được nước mắt khi họ cho người vào rước ông ra thăm lại vùng đất ngày xưa để tế sống ông:

... Bao phen khấn trị hoang vu,

Mấy độ chiêu tầm nông hộ.

Nay nhìn bờ xôi ruộng mật, càng nhớ công đắp đập be bờ,

Nay nhìn đồng ruộng bãi dài, càng nhớ lúc bắc cầu, đặt mố.

Huân lao to tựa non sông,

Ân đức ấy khắp cùng cây cỏ.

Và chính điều này, vị quan hưu hàm tam phẩm phải lai kinh hậu cứu. Trên đường đi, Nguyễn Công Trứ chẳng chút băn khoăn. Chẳng phải đây lần đầu ông lai kinh hậu cứu, và cũng chẳng phải như người ta nói, trâu già chẳng nệ dao phay. Tất cả ông tin vào sự công tâm của vị vua trẻ tuổi và hay chữ như Tự Đức. Một người tiểu tâm nghi ngờ cả một lão thần đã trải qua ba triều như ông, thì khó có thể có bút lực hùng hồn như ông đã biết và vắn nước coi như đã hết.

Hỏi mình, mình biết ai không ?
 Ai đây mới thực Tiên công đất này ?
 Ai cắm mốc, ai chăng dây ?
 Ruộng kia chia thẳng, sông này đào sâu.
 Bạt ngàn bãi cát nương dâu,
 Một phen kinh lý, nghìn trâu lưu truyền.

Chắc vị vua trẻ cũng đã lọt tai đoạn phong dao ấy. Nhưng đó là ý dân, chứ nào phải ý ông. Mà thôi, cái gì tới cũng phải tới. Nghiệp duyên vốn tại mình ra, Nơi vuông tắc đủ thiên đường địa ngục. Vì chưa thoát lòng trần mắt tục, Nên mơ màng một bước như khơi.

Nguyễn Công Trứ cười thầm trong bụng khi thấy mình được bố trí chỗ ăn chỗ ở khá tươm tất, nhất là chẳng có ai canh gác. Nếu theo tình hình này mà xét, thì chắc hẳn bạn bè đã giúp ông và vị vua trẻ này không phải là người không hiểu chuyện. Ăn ở như thế này là được vua triệu về kinh, chứ không phải lại kinh hậu cứu, và ông sẽ không phải mang cái gông nặng trĩu trên cổ giữa sân rồng. Trên đường lai kinh, Nguyễn Công Trứ đã chuẩn bị đón nhận tất cả những gì xấu nhất tới cho mình, và dặn lòng, dù có như thế nào cũng phải sống cho đúng với bản chất vốn có. Không khinh thường ai, nhưng cũng không sợ ai để được việc cho mình. Cha mẹ nói gian, làm quan nói hiếp, chồng có nghiệp nói thừa. Tất cả chỉ muốn con người tốt hơn, biết đời biết đạo hơn. Chẳng quân thần, phụ tử đểch ra người.

Nguyễn Công Trứ tự đặt mình vào vị trí của vua Tự Đức cũng thấy lúng túng. Ý dân là ý trời. Dân ở Kim Sơn, Tiền Hải rước Nguyễn Công Trứ ra tế sống, phong thần cũng chỉ là thể hiện cái đạo làm người, chứ không thể nghi ngờ Nguyễn Công Trứ có mưu tạo phản. Nhưng, đây là việc xưa nay chưa từng có, nếu không chấn chỉnh sẽ di họa về sau. Nếu chấn chỉnh thì chấn chỉnh làm sao ? Nguyễn Công Trứ thờ dài và cảm thông nỗi khổ của vị vua trẻ.

*

* *

Sau khi tiếp chỉ của vua, bạn bè vây quanh Nguyễn Công Trứ mừng mừng tủi tủi. Nguyễn Công Trứ không khóc mà nước mắt cứ đổ ròng. Nguyễn Công Trứ nghĩ lại, trước đây mình cũng quá quắt với bạn bè. Hà Tôn Quyền tuy nhỏ hơn ông 19 tuổi nhưng là bạn đồng liêu, bạn vong niên, bạn văn thơ, thế mà ông cũng cố hơn cho được một câu, một chữ. Từng đỗ Hội nguyên, rồi từ chức quan Tham tri bộ Lễ, thăng thụ chức Thượng thư tòa Nội các thì có chi là lạ, thế mà ngày ấy Nguyễn Công Trứ chẳng mấy ưa. Nhân trong lúc bãi triều, Hà Tôn Quyền ứng khẩu câu đối: Quân tử ố kỳ văn chi Cự Lớn. Đây là câu văn cổ mà sách Trung dung ghi: Quân tử ố kỳ văn chi trứ, nghĩa là người quân tử ghét lối văn chương lòe loẹt, bề ngoài. Nhưng Hà Tôn Quyền đã có ý nể nang mà lấy chữ: "Cự Lớn" thay cho chữ "Trứ" thế mà ông cũng... tranh hơn. Nói cho công bằng thì Nguyễn Công Trứ thể hiện được tài ứng đối của mình, và ai trong hoàn cảnh ấy cũng phải hành động như vậy, song bây giờ nhớ lại, Nguyễn Công Trứ thấy mình có phần... háo thắng.

Nghe xong về đối, Nguyễn Công Trứ cũng dùng cổ văn đập chát ngay: Thánh nhân bất đắc dĩ dụng... quý ông. Đúng về đối này là: Thánh nhân bất đắc dĩ dụng quyền. Nguyễn Công Trứ cũng dùng chữ "quý ông" thay cho chữ "Quyền". Cả về ra cũng như về đối đều thâm thúy. Cả hai câu đều là "ý tại ngôn ngoại" dù người nghe thấy từng chữ đối nhau

chan chất, không chề vào đâu được. Nhưng cái đáng trách là sau đó, ông lại thách thức Hồ Tôn Quyền một vế đối bằng một câu cổ văn: Cùng, thông, đắc, táng, bỉ thương mặc phó kỳ quyền, nghĩa là: Cùng hay thông, thua hay được, trời xanh mặc nhiên giao phó quyền hành. Chữ nghĩa rành mạch là thế, nhưng thâm ý lại khác và Hồ Tôn Quyền chỉ còn biết cười... như mếu.

Bậy thật ! Bậy thật ! Nghĩ thì cứ nghĩ mà cười tiếp bạn bè thì vẫn cười tươi.

- Mừng quan bác vẫn tráng kiện.

- Nghe tin quan bác cưới thêm nàng hầu khiến bọn này muốn phát ghen.

- Thánh thượng giáng chỉ cho quan bác sáng mai vào chầu, thế là bọn này mừng lắm rồi.

Mỗi người mừng một câu đủ hết ngày và họ tình nguyện tổ chức bữa hát mừng ông.

Ba vạn sáu ngàn ngày thấm thoát,

Từ rặng long cho đến bạc đầu.

Có nhục vinh góp lại có bao lâu,

Ngồi thử gẫm thợ trời thù khéo quá.

Núi tự tại có sao sông bất xả,

Chim thì lông, hoa thì cánh, công đâu tạo hóa khéo thừa trù.

Từ nghìn trước đến nghìn sau,

Kết cục lại mỗi người riêng một kiếp.

Nhập thế cục bất khả vô công nghiệp,

Xuất mẫu hoài tiện thị hữu quân thân.

Mà chữ "danh" liền với chữ "thân",

Thân đã có, ắt danh phải có.

Này phút chốc kim rồi lại cổ,

Có hèn gì sau chẳng bằng nay.

Râu mày kia hỡi râu mày.

Tiếng ca của đào nương vừa dứt, mọi người vỗ tay khen ngợi:

- Hi Văn tới chết vẫn là Hi Văn.

- Tiểu đệ thích cái ý của quan bác: Tân nhân dục vấn lang niên kỷ, Ngũ thập niên tiền nhị thập tam.

- Trước không có ai và sau Uy Viễn tướng công cũng chắc không có ai.

- Gặp được quan bác đây là quý lắm rồi, sẵn đàn hay, giọng ngọt, mong quan bác cho bọn tiểu đệ biết về những tháng ngày thong dong vừa qua.

- Vâng, quan bác cho bọn tiểu tử biết để mừng cái tuổi "nhị thập tam" ấy mà.

Mọi người cười ồ vui vẻ.

Tiếng đàn, tiếng phách cứ nổi lên, và chừng một tuần trà, Nguyễn Công Trứ giao cho đào nương bài hát nói và đích thân ông cầm châu.

Ngâm cùng giảng gió vài câu kiểng,
 Tính với giang san mấy chuyện đời.
 Thú gì hơn nữa thú ăn chơi,
 Chi giàu có, sang hèn là phận cả.
 Đủ lếu láo với người thiên hạ,
 Tính đã quen đài các bấy lâu.
 Đàn một cung, cò một cuộc, thơ một túi, rượu một bầu,
 Khi đắc chí ngao du, ờ cũng phải.
 Thơ rằng: Đạo thông thiên địa hữu hình ngoại,
 Tứ thập phong vân biến thái trung.
 Hối giang san mấy kẻ anh hùng,
 Tri ngã giả, bất tri ngã giả.
 Người có biết ta hay thì chớ,
 Chẳng biết ta, ta vẫn là ta.
 Linh khâm bảo hợp thái hòa,
 Sạch không trần lụy ấy là thần tiên.
 Ngang tàng lạc ngã tính thiên.



Tiếng vỗ tay nổ giòn như pháo tết, nhưng ai tinh ý sẽ thấy trên vầng trán mọi người đều hằn những nếp nhăn suy cùng nụ cười kín đáo. "Người có biết ta hay thì chớ, Chẳng biết ta, ta vẫn là ta". Ngoài những kẻ bắt đắc chí nói bậy, nói quàng, thì chỉ có kẻ "Khi Thủ khoa, khi Tham tán, khi Tổng đốc Đông" như Nguyễn Công Trứ mới dám nghĩ và nói vậy chớ nào ai dám.

*

* *

Sân rồng cũng giống như ngày nào, văn võ bá quan vẫn nghiêm túc, kính cẩn. Bước đi, giọng nói của mọi người vẫn phải cứ nhẹ nhàng, rành rọt... Triều đình vẫn là triều đình, đạo vua tôi vẫn đâu ra đấy... Nguyễn Công Trứ miên man với những dòng suy tưởng, đến khi nghe gọi tên, ông mới giật mình. Cũng cách đi, giọng nói của hơn mười năm về trước, Nguyễn Công Trứ tau:

- Tàu bệ hạ, hạ thần đã về hưu và đang hưởng phước của triều đình, không rõ có tội gì mà bệ hạ cho quan quân bắt về ?

- Hiền khanh hãy bình thân. Vừa rồi, xem lại các văn án của tiên triều, trầm cảm thấy mền hiền khanh nên cho người mời hiền khanh về kinh chơi ít hôm, không ngờ hiền khanh đi ra đất Bắc, sứ bộ vội vã làm hiền khanh hiểu lầm trầm.

Nghe vua Tự Đức ban ơn, văn võ bá quan ai nấy đều lộ vẻ vui mừng khiến tự đáy lòng Nguyễn Công Trứ trào dâng một nỗi niềm mà ông tưởng chừng như đã lãng quên.

Và khi được đưa rước về quê cũ, Nguyễn Công Trứ nhìn đời với cặp mắt khác hơn. Tuy đã quá tuổi bảy mươi những mấy năm và thường đến ăn mày cửa Phật, nhưng lòng ông vẫn chưa dứt được tạp niệm, vẫn buông cái tâm này, chấp cái tâm kia. Nghĩ lại,

nhiều việc xử sự ở đời, ông thấy cũng đúng mà cũng không đúng. Và nếu không phải là cụ Thượng Trứ, ông có thể hành động được như vậy không ? Cũng có thể, nhưng mức độ cũng chỉ là lời của anh đồ gàn, nghe qua rồi... bỏ. Đàng này... Tội nghiệp !

Ngày ấy, có một viên tri huyện trẻ tuổi mới đổi về trấn nhậm huyện Nghi Xuân. Y ta không hề tới thăm hỏi như những viên tri huyện khác, Nguyễn Công Trứ không hề trách móc. Tuổi trẻ vốn vậy. Thành đạt sớm cũng dễ làm con người trở nên hư hèn. Nhưng ông vẫn hi vọng, thời gian sẽ làm họ tỉnh tâm lại, chừng chặc hơn, bởi họ là những người có học, biết đạo nghĩa thánh hiền. Mỗi người, mỗi thời có khác. Dù là trọng thần hưu trí, nhưng ông cũng là con dân của đất nước, của huyện Nghi Xuân nghèo khó này. Lấy tuổi già và công trạng để chèn ép lớp trẻ là điều ông không muốn. Điều mong muốn nhất của ông là làm quan phải ra làm quan, phải đóng góp cái gì đó thiết thực cho đời, chứ không phải rảnh học hành rồi dựa vào thế quan mà bóp nặn dân lành. Loại quan đó, xã hội không cần, đất nước không cần và nếu có cần là cần phải loại trừ. Với quan điểm rõ ràng như vậy, nên Nguyễn Công Trứ rất lấy làm vui vẻ trong những ngày còn lại của cuộc đời.

Ngày ngày, Nguyễn Công Trứ cưỡi bò vàng cùng cây cuốc nhỏ viếng hết chùa này tới thẳm cảnh khác. Ông yêu quý con bò như yêu quý những đứa con của ông. Đến chỗ nào có cỏ non, ông thường dừng lại cuốc vài cụm cỏ và đưa vào tận miệng bò.

Trong lúc Nguyễn Công Trứ đang cho bò ăn, thì có người lính lệ đi trước dẹp đường, hô lớn:

- Khuyên ai nấy phải tránh về một bên đường để quan lớn đi hành hạt.

Nguyễn Công Trứ nhướng mắt lên nhìn, rồi ngồi nép vào bờ cỏ, tiếp tục cho bò ăn.

Hai người lính lệ khiêng vồng quan huyện đến nơi, thấy con bò xê ra đường, dặng chân ỉa, phải lùi vồng và dừng lại.

Quan huyện bước ra khỏi vồng, bước lại giạt nắm cỏ trên tay ông già, rồi ném mạnh xuống quát tháo:

- Hay cho lão già nhà quê vô lễ ! Bắt lấy nó !

- Thưa... – Người lính lệ áp ứng.

Quan huyện khoát tay, nói:

- Nhà ngươi dắt con bò, còn hấn ta thay ngươi khiêng vồng.

Vừa nói, quan huyện vừa bước lại vồng và nằm xuống với gương mặt sáng ngời, thỏa mãn.

Nguyễn Công Trứ nói với người lính lệ:

- Hãy nghe lời quan lớn. Già này vẫn còn sức để khiêng quan huyện đi hành hạt mà.

Nói xong, Nguyễn Công Trứ kê vai khiêng vồng quan huyện. Độ chừng mười thước, người lính lệ thả dây mũi bò, chạy lại giành lấy cây đòn khiêng, nói như khóc:

- Cố để con. Cố già rồi. Nếu quan lớn bắt tội, con xin chịu hết. Cố bước ra đi.

- Chuyện chi mà rùm beng vậy ? – Quan huyện hỏi lớn.

Lúc ấy có vài người qua đường, và một thư sinh dừng lại, chấp tay chào hỏi Nguyễn Công Trứ:

- Bẩm lạy Cụ Lớn ! Cụ Lớn đang khiêng ai thế ?

Dường như đã nghĩ ra, quan huyện lệnh hạ võng, bước xuống, một tay chống nạnh, một tay chỉ vào ông già nhà quê, hỏi:

- Ông già nhà quê này là ai mà các người làm rối lên thế ?

Người thư sinh lễ phép thưa:

- Trình quan lớn, đây là cụ Bình bộ thượng thư trí sĩ, một bậc hựu quan có danh vọng và phẩm tước lớn nhất Hà Tĩnh này. Nếu quan lớn bắt cụ khiêng võng, thì bà con chúng tôi ở đây xin quan lớn cho phép khiêng thế. Ơn đức ấy, chúng tôi không dám quên.

Tiếng nói của người thư sinh chưa dứt, vị quan huyện run rẩy như người bị bệnh kinh phong, nhưng vẫn còn nhớ chấp hai tay lạy như tế sao.

- Bẩm lạy cụ lớn. Con đến nhậm chức ở quý huyện mới được vài ba ngày, chưa có dịp tới yết kiến cụ lớn. Thế mà, nay còn lại phạm lỗi với cụ lớn, xin cụ lớn mở lượng khoan hồng xuống phước tha cho con nhờ.

Người hiếu kỳ mỗi lúc một đông, và ai nấy cũng đều lấy tay che miệng cười ra chiều vui thích lắm. Nguyễn Công Trứ đỡ vị quan huyện trẻ tuổi hách dịch đứng dậy, ôn tồn nói:

- Già này nào dám bắt tội quan huyện. Quan huyện hãy đứng dậy. Khi này, quan huyện bắt tội khiêng quan huyện tới đây, thì bây giờ quan huyện khiêng trả tôi về chỗ cũ. Còn nhúm cỏ non, quan giật ném lên đầu tôi, thì quan huyện cổ mà lượm lại để tôi cho con bò của tôi ăn. Tuy nó là loài vật, nhưng nó có nghĩa.

- Con xin khiêng cụ lớn tới đâu cũng được, xin cụ lớn tha thứ những lỗi lầm vừa qua.

Thấy Nguyễn Công Trứ đưa tay vuốt râu, ngẩng mặt lên trời như chẳng hề đoái hoài tới lời cầu xin, vị quan huyện cúi xuống, nắm chặt cánh tay buông thõng của ông, năn nỉ:

- Bẩm lạy cụ lớn, con lỡ nóng tính mà mắc lỗi với cụ. Con hối hận lắm, mong cụ lớn đại nhân đại lượng thương hại con là đứa hậu sanh lỗ mồm lỗ miệng...

- Quan huyện đứng lên. – Nguyễn Công Trứ lần nữa đỡ viên quan huyện dậy, nói tiếp: - Ông đã hầu cửa Khổng sân Trình, thi đỗ cử nhân, được bổ nhậm chức quan tri huyện, dạy lễ nghĩa cho dân, chẳng lẽ ông không biết xỉ, đức, tước là thiên hạ tam tôn hay sao ? Cứ cho rằng tôi quê mùa dốt nát, nhưng cái đầu bạc trắng của tôi cũng xứng vai cha chú của ông chứ ? Ông ném nắm cỏ lên mái đầu bạc của tôi, ông có thấy lương tâm cắn rứt không ? Ông phải nhớ rằng, làm người cái tâm là quý nhất, còn mọi thứ chỉ là thân ngoại chi vật. Đối với người già như tôi, ông còn hành hạ như vậy, huống gì những người dân đen. Nay, nếu tôi vô tình dung thứ cho ông thì tôi mang tội "trợ Kiệt vi ngược" (ý nói, giúp kẻ ác làm xằng bậy).

Nghe tới đó, viên tri huyện mặt trắng bệch không còn chút máu, hạ giọng năn nỉ:

- Bẩm lạy cụ lớn. Tôi cũng như con út của cụ, lỡ đại một lần, xin cụ làm phước tha cho. Tôi còn mẹ già...

- Thôi, được rồi, ông đứng lên đi. Lẽ ra, tôi báo lên đường quan tỉnh Hà Tĩnh chuyển trình về bộ Lại và triều đình xét xử để làm gương cho những viên quan lại xấu xa, hiếp đáp lương dân vô tội. Nhưng, ông đã biết nghĩ tới mẹ già, thế là còn chút lương tâm. Tôi mong rằng, sau này mỗi lần ông làm việc gì cũng nên nghĩ tới mẹ hãy làm. – Nguyễn Công Trứ vuốt râu cười, nói tiếp: - Bây giờ quan huyện không ngại khiêng trả tôi về chỗ cũ chứ ?

Đúng là chết đi sống lại, viên quan huyện mừng rỡ, lạy tạ Nguyễn Công Trứ rồi kê vai vào đòn khiêng, mời Nguyễn Công Trứ bước lên võng.

Những người hiếu kỳ ra về mà lòng vui như mở hội và thắm khen cụ Thượng Trứ xử sự đúng mực của kẻ bề trên. Tiếng lành đồn xa, tiếng dữ cũng đồn xa. Chỉ trong vòng có mấy ngày mà cả vùng Hoan Châu ai cũng biết chuyện cụ Thượng Trứ cho viên tri huyện Nghi Xuân một bài học nhớ đời. Và cũng chỉ vài tháng sau, huyện Nghi Xuân đã đón nhận vị quan khác. Không biết vì tỉnh thần Hà Tĩnh biết chuyện mà hoán đổi vị quan tri huyện ấy, hay vì vị quan tri huyện ấy tự thấy khó lòng ở lại mà có thể làm việc có hiệu quả, nên vận động xin đi. Mỗi người mỗi ý tùy theo khoa ăn nói của người kể chuyện. Nhưng ai ai cũng muốn địa phương mình có được một vài người như cụ Thượng Trứ.

Ngẫm nghĩ lại có nhiều việc chưa đúng lắm, nhưng Nguyễn Công Trứ vẫn thấy mình xử sự phải đạo. Có lẽ nhờ thế mà dường như chẳng ai ghét bỏ ông. Nhân dịp mừng thọ bát tuần, nhân dân huyện Kim Sơn phái người mang lễ vật và câu đối mừng:

Hoan quận hương chi khôi, cái thể văn tài kiêm võ lược

Kim Sơn địa dĩ tích, thiên thu miếu hưởng hựu triều phong

(Hoan quận Hương đỗ đầu, cái thể văn tài kiêm võ lược

Kim Sơn đất mở rộng, nghìn thu miếu hưởng lại triều phong)

Nhân dân Tiền Hải cũng nhớ ơn ông:

Văn võ tuyền tài, danh trọng nội triều ngoại quận

Điền trù thực ngã, công cao Tiền Hải, Kim Sơn

(Văn võ tài gồm hay, danh trọng đối nội triều, ngoài quận

Ruộng nương đất mở rộng, công cao tại Tiền Hải, Kim Sơn)

Những vị thân hào hai huyện còn cho ông biết, những câu đối ấy được nhân dân khắc vào tấm gỗ sơn son thếp vàng đặt vào miếu thờ dù ông vẫn còn tại thế. Ngoài ra, bà con còn chạm bức hoành phi "Âm hà tư nguyên" (Uống nước nhớ nguồn) để nhớ ơn ông đã đem cơm áo lại cho họ. Nguyễn Công Trứ không biết nói gì hơn là cảm ơn và mong họ lo tận lực làm ăn để ngày một giàu hơn, con cháu được ăn học nhiều hơn.

Thân bằng văn hữu ở Hà Tĩnh, Nghệ An không đến được thì gửi câu đối chúc mừng:

Sự nghiệp kinh nhân thiên hạ hữu

Phong lưu đảo lão thể gian vô

(Trong thiên hạ vốn có người sự nghiệp kinh đời như Cụ

Giữa thể gian nào có kẻ phong lưu mãi kiếp như Ngài)

Hoặc:

Minh thể văn chương thiên hạ hữu

Nhứt sinh khảng khái thể gian vô

(Văn chương cái thể như ông, trong thiên hạ còn có đôi kẻ

Khảng khái suốt đời như Cụ, giữa thể gian không có một người)

Nguyễn Công Trứ còn đang đắm chìm trong những câu những chữ của các vế đối, thì người nhà chạy vào báo có quan Tổng đốc Võ Trọng Bình tới. Nguyễn Công Trứ vui vẻ ra mặt. Ai chứ Võ Trọng Bình là người chơi được. Tuy đỗ tiến sĩ, làm tới chức Tổng đốc, nhưng gia cảnh Võ Trọng Bình chẳng hơn gì ngày chưa xuất chính. Thời gian qua, Võ Trọng Bình hết lòng vì nước vì dân, không hề tư hào, đục khoét của cải dân lành. Võ

Trọng Bình ít tuổi hơn ông, nhưng ông coi như một người bạn. Quý nhau vì đức, mến nhau vì tài. Ngó thể chứ gần năm rồi, hai người có gặp mặt nhau đâu. Mà lần trước cũng chẳng có ai tính trước.

Ngày ấy, trên đường viếng cảnh chùa về đã xế chiều, Nguyễn Công Trứ định bụng sà vào quán bên đường cho bò nghỉ chân, trước khi tách đường thiên lý rẽ vào làng, thì thấy một đoàn người khá đông, có mang cờ, lọng, trống, chiêng và phường bát âm, vồng đồn cong cán... từ bên kia sông đang qua đò đi về phía Nam đến địa phận tỉnh Hà Tĩnh. Hối ra, Nguyễn Công Trứ mới biết họ đang đón quan tân Án sát Nghệ An về nhiệm sở.

Thì ra thế !

Đi đầu đám rước là một viên cai lính Giản đội mũ đỏ, quần áo cũng có nẹp đỏ, tay cầm loa gọi lớn:

- Mọi người đi đường hãy tránh về một bên để cho đám rước quan lớn rộng đường đi.

Ai nấy đều dạt sang một bên. Nguyễn Công Trứ cũng xuống khỏi lưng bò và dạt sang một bên đường. Nhưng tiếng hô của viên cai lính Giản cứ rồn rảng vào tai mọi người, cộng với sự hiếu kỳ của những người đi đường, của bọn trẻ con... làm cho con bò của ông tuồn chạy. Nguyễn Công Trứ sải bước, chụp kịp sợi dây trống, song con bò không chịu đứng yên, nên giữa người và bò cứ dằng dằng ở giữa đường.

Thấy vậy, người lớn thì lo sợ cho ông, còn bọn trẻ con lại khoái chí vỗ tay cười hô hố. Sự nhốn nháo ấy khiến cho con bò của Nguyễn Công Trứ càng sợ, càng trì kéo với chủ.

- Ông già này bạo gan nhỉ ? Ông dám cản đường rước tân đường quan đi phải không ?
- Viên cai lính Giản quát.

Nguyễn Công Trứ ôn tồn thú thật:

- Không phải thế đâu, anh nó ạ. Con bò của già vì sợ quá mà đâm ra hư hỏng, chớ già này nào dám để mang tội phạm tât.

Càng lúc đám rước càng tới gần, viên cai lính Giản cũng hốt hoảng xô Nguyễn Công Trứ một cái rồi chạy lại trình với quan Án sát đang nằm bệ vệ trên vồng đồn cong có hai người lính đi kèm với hai cây lọng xanh che bóng mặt trời.

- Bẩm quan lớn, con có bốn phen dẹp đường cho đám rước quan lớn về nhiệm sở, nhưng tới đây có một ông già cùng con bò cản đường, con dẹp không được. Bất đắc dĩ con mới đẩy ông già vào lề, thế mà ông ấy ăn vạ không chịu ngồi dậy.

Trong lúc đó, Nguyễn Công Trứ được bà con đỡ dậy, xoa bóp chân tay, hỏi han ông bị đau chỗ nào, có thấy nguy hiểm lắm không. Nguyễn Công Trứ chưa kịp cảm ơn bà con, thì quan Án sát đã cho lính khiêng vồng tới gần, lớn giọng quát:

- Tên lão phu thảo dã nào mà dám vô lễ, vô hạnh đến thế ? Lính đâu, bắt lão già lại dẫn về dinh Án sát Nghệ An, ta sẽ chiếu luật xét xử đích đáng để răn những kẻ điên phu đã tốt khác ý tuổi già mà làm càn làm bậy, khinh khi phẩm tước triều đình.

Lệnh vừa ban, hai người lính tới kéo Nguyễn Công Trứ ra khỏi những vòng tay run sợ của những người dân ven đường.

Quan Án sát tiếp tục ra lệnh:

- Tiếp tục thi hành nghiêm chỉnh phận sự dẹp đường.

Nguyễn Công Trứ thực tình năn nỉ mấy người lính:

- Quan Án sát nói thế chứ bắt già này về làm gì. Các anh thương cho tôi về nhà, trời cũng sắp tối đến nơi rồi. Mũi đại lái mang, nhưng con bò chớ phải con người đâu mà biết được cái gì đáng làm, cái gì không đáng làm. Lần nữa, xin các anh tha cho.

- Không được đâu bố ời. Bố phải thương tội con. Tội con còn cha mẹ, vợ con. Rủi thời về tới tỉnh đường, quan lớn hỏi bố, thì tội con biết ăn nói làm sao. Bố chịu khó đi theo tội con và chắc chắn bố được tha sớm thôi.

Nghe mấy người lính nói mà thương. Nguyễn Công Trứ cùng đi với họ về dinh quan Án, nhưng không quên dắt theo con bò.

- Bố đi một mình được rồi, còn con bò để tội con dắt cho. Nếu mệt, thì bố cứ lên lưng bò mà ngồi.

Nguyễn Công Trứ cảm ơn lòng tốt của những người lính trẻ.

Đến tỉnh thành Nghệ An cũng vừa lúc mặt trời lặn. Mấy người lính không biết tính sao với ông già và con bò. Bàn tới tính lui, họ dẫn Nguyễn Công Trứ và con bò vào tạm gửi nhà lao để sáng sớm mai tới nhận ra và dẫn trình quan Án sát.

Trong lúc Nguyễn Công Trứ và con bò vàng nằm trong ngục, thì tên quan Án phải bận rộn thủ tiếp các quan phủ, huyện và các ty, tào cùng hàng văn thân, tổng lý trong tỉnh chờ chực ra mắt tân đường quan từ lúc chiều. Họ vui vẻ bên chén rượu và những câu chuyện đái bôi, quên kể diên phu đã tốt bị bắt ở dọc đường vì tội vô lễ với quan lớn.

Sáng ngày sau vừa nghe tiếng trống hầu, hai người lính áp giải Nguyễn Công Trứ và con bò vào ngục chiều qua, vội vội vàng vàng chạy vào nhận lãnh những mong sớm đưa ông hầu tân quan.

Ra khỏi ngục thất, họ thấy quan Án trong chiếc áo xanh rộng thùng thình đang nhanh bước về phía dinh Tổng đốc. Họ lắc đầu thở dài:

- Bố xui quá. Quan Án đang bận yết kiến quan Thủ hiến theo lệ định. Kiểu này, sớm lắm thì chiều tối, bố mới gặp được quan lớn.

Nguyễn Công Trứ cười, nói:

- Cảm ơn hai anh lo lắng cho già này. Hai anh hãy giữ hộ con bò để tôi chạy theo quan Án, họa may ngài xét xử sớm cho tôi.

Nói xong, Nguyễn Công Trứ cất bước chạy theo khiến hai người lính thót ruột, đứng nhìn và lắc đầu than:

- Đúng là trâu già chẳng nệ dao phay.

Họ rất muốn cản ông lại, nhưng lại sợ gây cảnh ồn ào trong buổi đầu diện kiến của quan Án với quan Thủ hiến, nên họ đành chôn chân tại chỗ.

Quan Án sát cứ xăm xăm đi về phía dinh Tổng đốc, không hề biết phía sau mình có một ông già lẻo đẻo chạy theo.

Gần đến dinh Tổng đốc, quan Án thấy quan Thủ hiến đương đứng trên bậc tam cấp nhìn xuống, liền gật đầu chào mấy cái. Nhưng quan Án lấy làm lạ không hiểu tại sao quan đầu tỉnh không chịu chào đáp lễ mà cứ dăm dăm nhìn ở đâu đâu như không hề thấy mình đang đến trước mặt.

Theo ánh mắt của vị quan đầu tỉnh, quan Án quay lại phía sau mới hay sau mình còn có một ông già nhà quê đang bước thấp bước cao. Mặc ! Quan Án tiếp tục bước lên tam cấp vái quan đầu tỉnh. Nhưng lần nữa, quan đầu tỉnh làm như chẳng thấy ông mà vội vàng bước xuống dìu ông già và đưa vào phòng khách, thưa chuyện rất ư lễ độ.

- Trời xanh có mắt. Lâu nay, tiểu đệ cứ mong có ngày cụ lớn qua chơi để hàn huyên tâm sự. Nhưng càng trông càng bất tin. Tiểu đệ gửi mấy tờ thư, cụ lớn cũng không thèm phúc đáp, khiến tiểu đệ cứ lo sức khỏe của cụ.

- Cám ơn tôn huynh còn nhín chút thì giờ nhớ tới lão già này. Già này có chết cũng thấy thỏa lòng.

- Cụ lớn cứ nói gở. Hôm nay cụ lớn qua đây, lại vào giờ này tại sao không cho tiểu đệ biết để tiểu đệ cho người đón rước ?

Lúc đó, quan Án sát cũng đã vào phòng khách. Nguyễn Công Trứ hớp một ngụm trà, nói:

- Tuổi trời ngày một đè nặng, nên già này cứ như gà què ăn quần cối xay, rất mong tôn huynh lượng tình miễn chấp. Hôm qua, lão già vô tích sự này trên đường về làng thì gặp phải đám rước tân quan lớn đây. Tiếng loa gọi, tiếng trẻ con cười giỡn và người người đang vội vã nép vào lề đường, khiến con bò của già sợ quá vụt chạy. May nhờ già còn lanh tay chụp được dây trống, nhưng ai ngờ cái may hóa cái rủi. Người và bò cứ dằng dằng giữa đường, khiến tân quan tức giận lệnh bắt giải già về đây. Có vậy chúng ta mới gặp nhau chứ để dầu gì. Thế là trong cái rủi lại có cái may.

Nói xong, Nguyễn Công Trứ đứng dậy cung tay cám ơn quan Án sát:

- Tội của già, xin quan lớn xử sau. Trước mắt, già cám ơn quan lớn đã tạo điều kiện cho chúng tôi tái ngộ.

Quan Tổng đốc Võ Trọng Bình nghe vậy, hốt hoảng hỏi:

- Cụ lớn bị áp giải qua đây ? Như vậy, suốt đêm qua, cụ lớn nghỉ ở đâu, ăn ở đâu ? Người ta đối đãi với cụ ra sao ?

- Cả đêm, già này được ký giam tại lao xá quý tỉnh, chịu nhìn đói từ chiều qua tới bây giờ. Còn muối và rệp thì khỏi phải nói. Bọn chúng cứ quấy rầy mãi, nên già này nào có ngủ được gì.

Tổng đốc Võ Trọng Bình đỏ mặt, trừng mắt về phía quan Án sát, nói:

- Quan Án có biết cụ già này là ai không ? Đây là cụ Bình bộ Thượng thư trí sĩ Nguyễn Công Trứ, một vị danh thần và trọng thần của triều đình. Chẳng những hàng đốc phủ (Tổng đốc và tri phủ – những chức quan đầu tỉnh) chúng tôi phải tôn trọng cụ, kính nhường cụ, coi cụ như bậc sư trưởng, mà ngay cả đức hoàng thượng cũng quý mến và ưu đãi cụ. Đã mấy lần, kể cả các tiên vương hoàng triều ân ban lộc là, tiền bạc cho cụ, bởi cụ là vị công thần có nhiều sự nghiệp huy hoàng, huân danh rực rỡ đối với dân với nước.

Tổng đốc Võ Trọng Bình hớp một ngụm trà, nói tiếp:

- Quan Án được lệnh trên hoán bổ tới đây, chưa đạp chân lên đất Nghệ An, chưa có hành động nào có lợi cho dân sở tại mà đã ngang nhiên hành hạ một vị lão thần vào hàng tuổi thúc phụ, xâm phạm đến danh vọng và thân xác của Người. Như vậy là quan Án đã khinh thường phẩm tước triều đình và sắc phong của hoàng đế. Hành động của quan Án vừa rồi quả thật không xứng đáng là một vị đường quan cầm cân cân công lý ở tỉnh hạt Nghệ An này – tỉnh hạt xưa nay vốn là một trọng trấn trong nước.

Quan Án sát tái mặt, vái lạy quan Tổng đốc và “kẻ điền phu dã tốt”, ra chiều biết lỗi.

Tổng đốc Võ Trọng Bình khoát tay:

- Nay tôi không dám nhận một vị quan cao cấp trông coi về hình ngục và án tiết tỉnh Nghệ An lại là người hách dịch và không biết đạo như thế. Tôi xin giao hoàn quan Án "lai kinh hậu cứu" về tội vô cớ hành hung và hạ ngục một vị công thần của triều đình.

Nói xong, Tổng đốc Võ Trọng Bình sai người coi về tào Lại soạn thảo giấy tờ về bộ Lại để giao hoàn quan Án sát trở về kinh đô. Nghe tới đó, quan Án sát mặt đã tái còn tái hơn, ấp a ấp úng vái lia lịa mà không nói được câu nào.

Tổng đốc Võ Trọng Bình gạt ngang:

- Quan Án đừng vái nữa mà hèn người. Việc quan làm, quan phải chịu. Quan hãy trở về dinh Án sửa soạn hành lý để trở về kinh đô.

Nguyễn Công Trứ lại bắt đầu thấy áy náy trong người. Ông bèn lên tiếng:

- Kính thưa quan lớn Tổng đốc An Tĩnh. Quan Án này có những sở hành quá đáng đối với tôi – một người có tuổi vô tội, và là một trọng thần, nên quan lớn tức giận mà xử sự như thế là hợp lý. Nhưng xét cho kỹ, quan lớn đây không biết tôi, dù tội đã rõ. Theo tôi, quan lớn nên vì tuổi già của tôi mà tha cho quan Án, chỉ mong trong thời gian trấn nhậm ở đây, quan Án hãy vì con dân Nghệ An mà xử sự đúng mực là phước lắm rồi.

Nghe Nguyễn Công Trứ nói vậy, quan Án sát vái tạ, nói theo:

- Cụ lớn dạy chí phải. Tôi còn gia đình, còn bầy con xin quan lớn xét lại. Về đây chưa ấm hơi mà đã lai kinh hậu cứu, coi như đường công danh của tôi tới đây đã hết. Xin quan lớn rộng lòng dung thứ. Ớn ấy tôi xin ghi tâm khắc cốt.

Nguyễn Công Trứ tiếp tục nói thêm vào và sau đó vị quan Án được trở về dinh nhậm chức.

Tài thật, thế cũng gần một năm rồi...

- Hay quá ! Hay quá ! Tiểu đệ muốn mừng tôn huynh câu đối mà nhìn câu đối của tôn huynh, tiểu đệ không dám múa búa trước cửa Lô Bàn.

Quan Tổng đốc Võ Trọng Bình lớn tiếng xời lời từ ngoài cửa.

Mọi việc đã qua cứ chấp chờn trong trí khiến Nguyễn Công Trứ như mê như tỉnh. Nguyễn Công Trứ cầm tay Võ Trọng Bình nói:

- Quý lắm ! Quý lắm ! Cái hay cái dở không thành vấn đề. Tôn huynh tới đây là tấm lòng chó đầu phải tới để tranh hơn tranh thua chuyện văn hay chữ tốt đâu.

Võ Trọng Bình vẫn đứng đó và đọc đi đọc lại câu đối của Nguyễn Công Trứ viết khi tròn tuổi tám mươi:

Thật là may, công đấng hỏa có bao nhiêu. Theo đòi nhờ phận, lại nhờ duyên. Quan trong năm bảy thứ, quan ngoài tám chín phen. Nào cờ, nào biển, nào mào, nào đai, nào hèo hoa gươm bạc, nào ngựa tía dù xanh. Kẻ anh hùng mà trong hội kiếm cung, khắp trời Nam biển Bắc cũng phong lưu, mũi thế thử chơi xem đã thỏa.

Thôi thì chớ, kiếp phong trần chi bấy tá. Ngắt ngưỡng chẳng tiên, mà chẳng tục. Hầu gái một đôi cô, hầu trai ba bốn chú. Này trà, này thơ, này cờ, này kiệu, này rượu nồng dề béo, này đàn gảy hát hay. Trai chí khí đã ngoài vòng cương tỏa, lấy nước trí non nhân làm trí thức, tuổi trời thêm nữa cũng là hay.

- Thôi được rồi, mời tôn huynh vào dùng chén rượu nhạt.

Võ Trọng Bình cười hề hề ra chiều khoái trá với câu đối và sai người khiêng câu đối của mình vào.

- Đố tôn huynh, tiểu đệ viết gì mừng thọ bát tuần của tôn huynh ?

Nguyễn Công Trứ vuốt râu hồi lâu, nói:

- Càng già càng lú lẫn, chắc tôn huynh lại cười mỉa tuổi già mà còn ham vui chứ gì ?

Võ Trọng Bình bước lại gỡ tờ giấy hồng điều với nụ cười thú vị.

Người người có mặt đều ồ lên khi thấy những nét chữ như rồng bay phượng múa:

Trực dục lăng tiêu tri kính trúc

Khả ư hàn tuế kiến thương tùng

(Thăng đám trời cao hay trúc cứng

Vào năm rét lớn thấy tùng xanh)

- Cám ơn tôn huynh.

Viết vậy là mọi người biết Thượng thư Võ Trọng Bình trọng Nguyễn Công Trứ lắm. Nguyễn Công Trứ cũng biết vậy và không thấy có gì phải xấu hổ với những lời khen tặng ấy.

... Nguyễn Công Trứ lại thấy khó thở. Người hầu thiếp và đứa cháu nội vội đỡ ông lên. Trong lúc đó, bên ngoài, người người đang chọn rộn. Ông biết nhưng không thể nào hỏi được. Đứa cháu nội tình ý chạy ra, rồi chạy vào cho ông biết, hai đứa con trai của ông từ kinh về vừa tới cùng với thị vệ mang đồ phúng của hoàng thượng.

À, thì ra sự chọn rộn ấy là mọi người lo bày hương án để nhận đồ phúng viếng của nhà vua.

- Thầy ơi, chúng con đã về đủ cả. – Người con trai lớn của ông, nâng câu đối của vua Tự Đức đến trước mặt ông. – Thầy còn có đọc được không ? Tả hữu nghi văn nghi vũ, Tử sinh danh tướng danh thần.

Nguyễn Công Trứ nhếch môi cười, và... buông xuôi hai tay.

Tiếng trống cầm canh trên chòi gác huyện lỵ huyện Nghi Xuân đã báo sang canh. Đó là ngày mười bốn tháng mười một năm Mậu Ngọ. Cái lạnh của tháng trọng đông như rúc vào xương, như cửa vào da thịt mọi người, nhưng họ thấy không đau, không lạnh bằng sự ra đi của một con người.

Hết